

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài**

Du lịch hiện nay được biết đến không chỉ trên khía cạnh văn hóa – xã hội mà trên quan điểm về kinh tế, du lịch đã và đang giữ vai trò kết sức quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế của mỗi quốc gia. Không phải ngẫu nhiên mà trên thế giới hiện nay, du lịch được xem là “ ngành công nghiệp không khói” hay “ngành công nghiệp xanh”. Với lượng đầu tư không nhiều nhưng hiệu quả mang lại đến rất cao, du lịch đang dần chứng tỏ được vị thế của mình khi đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn góp phần vào việc phát triển nền kinh tế quốc gia. Tốc độ tăng trưởng hàng năm cao và liên tục là nguyên nhân chính khiến nhiều nước xem việc phát triển du lịch là một bước đi đúng đắn, là quốc sách trong quá trình thúc đẩy nền kinh tế đi lên.

Trong thời kỳ đất nước đang vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì việc phát triển du lịch ở nước ta được xem là “lực đẩy mới” giúp các ngành kinh tế khác phát triển. Hơn nữa, nước ta lại được thiên nhiên ưu đãi cả về mặt tự nhiên và xã hội nên nhu cầu tìm ra hướng đi đúng đắn cho du lịch để phù hợp với tình hình hiện nay là rất quan trọng và cấp bách. Tuy nhiên, bên cạnh việc mở ra những khu du lịch mới thì vấn đề quan tâm hiện nay là làm sao để có thể tận dụng tối đa và hiệu quả những tiềm năng có của các khu du lịch trên cơ sở đặt được sự cân bằng về mặt sinh thái và con người- du lịch bền vững, nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân địa phương. Chính vì thế mà trong thời gian gần đây ở nước ta, cụm từ ”du lịch bền vững” đã và đang được nhắc đến rất nhiều. Bên cạnh việc mang đến cho con người một cuộc sống tốt hơn, “du lịch bền vững” còn cam kết sẽ giữ gìn và bảo tồn những tài nguyên sẵn có này đến thế hệ mai sau.

Trong điều kiện hiện nay, khi mà các nguồn tài nguyên du lịch đang mai một và biến mất qua từng năm. Thiết nghĩ việc phát triển du lịch bền vững đối với Việt Nam nói riêng và các quốc gia khác trên thế giới nói chung là rất quan trọng và cấp bách.

Khu di tích và danh thắng Yên Tử, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

là địa điểm đã được khai thác và đưa vào phục vụ cho mục đích du lịch một thời gian trước đây. Với các nguồn tài nguyên có giá trị về mặt tự nhiên (nguồn động, thực vật phong phú) và đặc biệt về mặt nhân văn (Yên Tử là nơi phát tích và cứ địa của Thiên Phái Trúc Lâm, là nơi hội tụ của một số nhân tài kiệt xuất, và là nơi lưu giữ những di tích kiến trúc lâu đời), khu di tích và danh thắng Yên Tử đã và đang được xem như là một “ bảo tàng văn hoá ”, “ bảo tàng thực vật, động vật”, một “báu vật vô giá” của quốc gia. Tuy vậy, trong thời gian gần đây, do công tác bảo tồn và tổ chức du lịch chưa hoàn thiện nên một số tài nguyên du lịch đã có dấu hiệu hư hại, xuống cấp. Do đó, bên cạnh việc tiến hành trùng tu, tôn tạo thì vấn đề quan trọng hiện nay là làm sao tìm được cho Yên Tử một hướng phát triển du lịch bền vững và phù hợp với khu vực.

Từ tình hình đó, qua chuyên đi khảo sát, tìm hiểu về khu di tích và danh thắng Yên Tử, em đã lựa chọn đề tài “*Phát triển du lịch bền vững ở Yên Tử, Quảng Ninh*” để thực hiện. Với hi vọng đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào việc bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên môi trường nhằm phát triển du lịch bền vững tại khu vực Yên Tử.

Do thời gian nghiên cứu có hạn, tài liệu tham khảo còn ít, trình độ còn hạn chế, kinh nghiệm chưa có nhiều nên khóa luận không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đánh giá và góp ý của thầy cô và bạn bè.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài**

Mục tiêu của đề tài là dựa vào cơ sở nghiên cứu đánh giá tiềm năng và hiện trạng hoạt động du lịch của khu vực Yên Tử, xác lập cơ sở khoa học cho việc phát triển du lịch bền vững.

Để thực hiện được mục tiêu trên, đề tài cần tiến hành:

- Tổng quan tài liệu về phát triển du lịch bền vững.
- Nghiên cứu đánh giá tiềm năng du lịch (tự nhiên và nhân văn) ở khu vực Yên Tử.
- Đánh giá hiện trạng hoạt động du lịch ở khu vực Yên Tử và nhận xét tình hình phát triển du lịch tại Yên Tử theo quan điểm phát triển du lịch bền vững.

- Đề xuất các định hướng và xây dựng các giải pháp cho việc phát triển bền vững tại khu du lịch Yên Tử.

### **3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu.**

- Đối tượng nghiên cứu: Tập trung nghiên cứu hoạt động du lịch và ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến việc phát triển bền vững tại khu du lịch Yên Tử.

- Phạm vi nghiên cứu: Về mặt lãnh thổ, đề tài tập trung nghiên cứu trong khu di tích và danh thắng Yên Tử thuộc thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Về mặt nội dung, đề tài tiến hành nghiên cứu các vấn đề tự nhiên và xã hội (tài nguyên tự nhiên, nhân văn, cơ sở hạ tầng, môi trường....) trong nội vùng thành phố Uông Bí phục vụ cho việc phát triển bền vững Yên Tử

### **4. Phương pháp nghiên cứu.**

Trong quá trình nghiên cứu, khoá luận đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau, bổ sung cho nhau nhằm tạo điều kiện để khoá luận đạt hiệu quả một cách khách quan và có cơ sở khoa học. Đó là: Phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp thu thập, phân tích và xử lý số liệu, phương pháp tổng hợp và so sánh

### **5 Bố cục của khoá luận**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, khoá luận được cấu trúc thành 3 chương:

***Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển du lịch bền vững.***

***Chương 2: Thực trạng hoạt động du lịch ở Yên Tử.***

***Chương 3: Một số giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Yên Tử***

# CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

## 1.1 Khái niệm

### 1.1.1 Phát triển bền vững

Phát triển là xu hướng tự nhiên tất yếu của thế giới vật chất nói chung, của xã hội loài người nói riêng. Phát triển được hiểu là một quá trình tăng trưởng bao gồm nhiều yếu tố cấu thành khác nhau về kinh tế, chính trị, xã hội, kỹ thuật, văn hoá.... Sự chuyển đổi của các hình thái xã hội từ xã hội công xã nguyên thủy đến chiếm hữu nô lệ lên phong kiến rồi chế độ tư bản....đó được coi là một quá trình phát triển.

Mục tiêu chính của quá trình phát triển là không ngừng nâng cao các điều kiện và chất lượng cuộc sống của con người, làm cho con người ít phụ thuộc vào thiên nhiên đồng thời tạo lập sự công bằng và bình đẳng giữa các tầng lớp trong xã hội. Các mục tiêu của phát triển thường được cụ thể hoá bằng những chỉ tiêu về đời sống vật chất như bình quân đầu người về GDP, lương thực, nhà ở, các điều kiện chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần như giáo dục, mức hưởng thụ văn hoá nghệ thuật, thể thao, sự bình đẳng xã hội, tự do, chính trị, truyền thống lịch sử của từng quốc gia.

Song trong quá trình phát triển, bên cạnh việc mang lại những lợi ích về mặt kinh tế, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất của con người thì quá trình này cũng đã và đang làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, gây ra những tác động tiêu cực tới làm suy thoái môi trường. Trước những thực tế không thể phủ nhận là môi trường ngày càng bị ô nhiễm bởi các chất thải từ hoạt động kinh tế, nhiều hệ sinh thái đã bị diệt vong ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển của toàn xã hội qua nhiều thế hệ, mâu thuẫn giữa sử dụng tài nguyên cho nhu cầu cuộc sống trước mắt với việc dự trữ và nuôi dưỡng tiềm năng tài nguyên cho thế hệ mai sau ngày càng trở nên gay gắt. Từ nhận thức này đã xuất hiện một khái niệm mới của con người về hoạt động phát triển đó là “Phát triển bền vững”.

Vào giữa những năm 1980, khái niệm về phát triển bền vững được đề cập

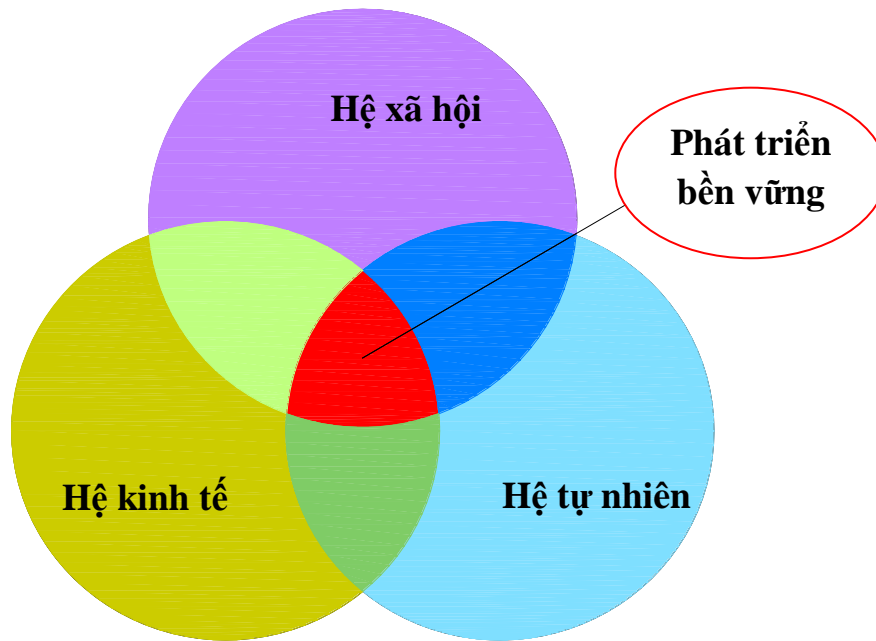
đến và được chính thức đưa ra tại hội nghị của Ủy ban thế giới về phát triển môi trường CED (năm 1987 với tên gọi chính thức là Ủy ban Brundtland). Theo định nghĩa của Brundtland thì “ *Phát triển bền vững được hiểu là hoạt động phát triển kinh tế nhằm đáp ứng được các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu của thế hệ mai sau*”. Tuy nhiên nội dung chủ yếu của phát triển bền vững đề cập đến trong định nghĩa này chỉ xoay quanh vấn đề phát triển kinh tế.[13,7]

Trong năm 1980, tổ chức bảo tồn Thiên nhiên thế giới (IUCN) đã đưa ra một khái niệm khác về phát triển bền vững. Theo đó “ *Phát triển bền vững phải cân nhắc đến hiện trạng khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên có khả năng tái tạo và không tái tạo đến các điều kiện thuận lợi cũng như khó khăn trong việc tổ chức kế hoạch hoạt động ngắn hạn và dài hạn đan xen nhau*”. [13,7]. Điều này cho thấy mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của hầu hết các nước trên thế giới phải được xác định trong mối quan hệ bền vững.

Mặc dù còn nhiều tranh luận xung quanh khái niệm về phát triển bền vững ở những góc độ khác nhau, tuy nhiên có thể nhận thấy rằng cho đến nay khái niệm mà Ủy ban Thế giới về phát triển và môi trường WCED đưa ra năm 1987 được sử dụng rộng rãi, làm chuẩn mực để so sánh các hoạt động phát triển có trách nhiệm đối với môi trường.

Sau này, quan niệm về phát triển bền vững đã được các nhà khoa học trên thế giới phát triển và bổ sung thêm. Tại Hội nghị về môi trường, toàn cầu RIO\_92 và RIO\_92+5, khái niệm về phát triển bền vững được thảo luận, bổ sung và mở rộng theo đó “ *Phát triển bền vững được hình thành trong sự hài hoà, đan xen và thoả hiệp của 3 hệ thống tương tác là hệ tự nhiên, hệ kinh tế và hệ văn hoá - xã hội*”. [6,60]

**Biểu đồ 1: Quan niệm về phát triển bền vững**



Dưới quan điểm phát triển bền vững này, Jacobs và Saller (1992) cho rằng phát triển bền vững là kết quả tương tác qua lại và phụ thuộc lẫn nhau của 3 hệ thống nói trên, đồng thời xác định phát triển bền vững không cho phép con người vì sự ưu tiên phát triển của hệ này mà gây ra suy thoái và tàn phá đối với hệ khác, hay nói cách cụ thể thì phát triển bền vững là sự dung hoà các tương tác và sự thoả hiệp giữa 3 hệ thống nói trên nhằm đưa ra các mục tiêu hẹp hơn cho sự phát triển bền vững bao gồm:

- Tăng cường sự tham gia có hiệu quả cộng đồng vào những quyết định mang tính chất chính trị trong quá trình phát triển của xã hội.
- Tạo ra những khả năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà không làm suy thoái tài nguyên thông qua áp dụng những thách thức mới về khoa học kỹ thuật.
- Giải quyết những xung đột do phát triển không công bằng.

Khái niệm “ Phát triển bền vững” được biết đến ở Việt Nam vào khoảng cuối thập niên 80 đầu thập niên 90. Mặc dù xuất hiện ở Việt Nam khá muộn nhưng trong những năm gần đây, lý luận về phát triển bền vững cũng được các nhà khoa học, nhà lý luận quan tâm nghiên cứu trên cơ sở tiếp thu những kết quả nghiên cứu về lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển bền vững đối với những hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam.

Việt Nam là một quốc gia có tiềm năng tài nguyên tự nhiên và nhân văn rất phong phú. Tuy nhiên trong quá trình lịch sử, nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường của Việt Nam bị nhiều tác động đặc biệt là hậu quả của 2 cuộc chiến tranh và tiếp đó là việc khai thác thiếu khoa học của con người. Trước tình hình đó, việc nghiên cứu lý luận làm cơ sở để phân tích, đưa ra các giải pháp đảm bảo sự phát triển bền vững phù hợp với đặc điểm Việt Nam là hết sức cấp bách và cần thiết.

Các vấn đề về phát triển bền vững ở nước ta còn được cụ thể hoá trong các văn bản quan trọng. Hơn cả là chỉ thị số 36/TC ngày 25/6/1998 của Bộ Chính Trị BCHTW Đảng Cộng Sản Việt Nam đã xác định mục tiêu và các quan điểm cơ bản cho phát triển bền vững chủ yếu dựa vào hoạt động môi trường.[5] Đồng thời trong báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996) cũng đã chính thức đề cập đến khía cạnh bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng hợp lý tài nguyên như một cấu thành không thể tách rời của phát triển bền vững.[1]

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã xác định chiến lược phát triển của nước ta trong 20 năm tới là “Phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường” và ... “sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ cải thiện môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, coi đây là một nội dung chiến lược quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội”. [13]

Qua nội dung các văn bản trên ta thấy nhận thức thực tế về phát triển bền vững trên cả khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường đã được thể hiện một cách đầy đủ rõ ràng trong đường lối của Đảng ta.

### ***1.1.2 Phát triển du lịch bền vững***

Khái niệm phát triển du lịch bền vững không tách rời khái niệm về phát triển bền vững. Ngay từ những năm 1980 khi các vấn đề về phát triển bền vững được đề cập, tiến hành nghiên cứu thì có nhiều nghiên cứu khoa học được thực

hiện nhằm đưa ra các khía cạnh ảnh hưởng của du lịch có liên quan đến phát triển du lịch bền vững. Nhiệm vụ trọng tâm của những nghiên cứu này nhằm để giải thích cho sự cần thiết đảm bảo tính toàn vẹn của môi trường sinh thái, các giá trị văn hoá trong khi tiến hành các hoạt động khai thác tài nguyên phục vụ phát triển du lịch, góp phần tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Từ đầu thập niên 90, các nhà khoa học trên thế giới đã đề cập nhiều đến việc phát triển du lịch với mục đích đơn thuần về kinh tế đang đe dọa huỷ hoại môi trường sinh thái đến các nền văn hoá bản địa. Hậu quả của các tác động này sẽ làm ảnh hưởng đến bản thân sự phát triển lâu dài của ngành du lịch. Chính vì vậy đã xuất hiện yêu cầu “ Nghiên cứu phát triển du lịch bền vững” nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của hoạt động đảm bảo sự phát triển lâu dài.

Một số loại hình du lịch quan tâm đến khía cạnh môi trường đã bắt đầu xuất hiện như: du lịch sinh thái, du lịch dựa vào thiên nhiên, du lịch khám phá, du lịch mạo hiểm, du lịch xanh... đã đóng góp phần nào vào việc nâng cao hình ảnh về một hướng phát triển du lịch có trách nhiệm đảm bảo sự phát triển bền vững.

Theo định nghĩa của tổ chức du lịch thế giới (WTO) đưa ra tại hội nghị về môi trường và phát triển của Liên Hiệp Quốc tại Rio de Janeiro năm 1992 thì “*Du lịch bền vững là sự phát triển của hoạt động du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu bảo tồn và tôn tạo các tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế, văn hoá, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học, sự phát triển của hệ sinh thái và cả hệ thống hỗ trợ của con người*”. [8]

Theo Hội đồng Du lịch và Lữ hành quốc tế (WTTC), 1996 thì “*Du lịch bền vững là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và vùng du lịch mà vẫn đảm bảo những khả năng đáp ứng nhu cầu cho thế hệ du lịch trong tương lai*” [7].

Hiện nay đa số cho rằng du lịch bền vững được hiểu là “ Hoạt động khai thác xã hội tự nhiên và văn hoá nhằm thoả mãn các nhu cầu đa dạng của khách



du lịch, có quan tâm đến lợi ích kinh tế dài hạn, đồng thời tiếp tục duy trì các khoản đóng góp cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương.”[8].

Như vậy với những quan điểm trên đây thì có thể coi du lịch bền vững là một nhánh của phát triển bền vững nói chung đã được Hội nghị Ủy Ban Thế Giới về phát triển và môi trường (hay Ủy ban Brundtland) xây dựng năm 1987.

Ở Việt Nam, khái niệm du lịch bền vững còn khá mới. Tuy nhiên thông qua các bài học kinh nghiệm thực tế về phát triển du lịch ở nhiều quốc gia trên thế giới và trong khu vực, nhận thức về một phương thức phát triển du lịch có trách nhiệm với môi trường, có tác dụng nâng cao đời sống cho cộng đồng đã xuất hiện ở Việt Nam dưới hình thức các loại hình du lịch tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu với tên gọi là : “du lịch sinh thái”, “ du lịch thiên nhiên”.

Theo Khoản 21, điều 4, chương 1\_ Luật Du Lịch Việt Nam (2005): “ *Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu hiện tại của tương lai*”[10]

Mặc dù vẫn còn có những quan điểm chưa thực sự thống nhất với khái niệm phát triển du lịch bền vững từ các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực du lịch và lĩnh vực khác liên quan, song đến nay đa số các ý kiến cho rằng: “ Phát triển du lịch bền vững là hoạt động khai thác có quản lý các giá trị tài nguyên tự nhiên và nhân văn nhằm thoả mãn các nhu cầu đa dạng của khách du lịch, có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn trong khi vẫn đảm bảo sự đóng góp cho bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá để phát triển hoạt động du lịch trong tương lai và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương”.

Như vậy, Du lịch bền vững đòi hỏi ta phải chú ý đến cả 3 hệ sinh thái: xã hội, nhân văn và kinh tế. Các lợi ích của 3 hệ này được chú ý và có tầm quan trọng như nhau để từ đó có được một nền du lịch bền vững.

### ***1.1.3 Các tiêu chí cơ bản về phát triển du lịch bền vững***

Phát triển du lịch bền vững là một phạm trù còn mới trong chiến lược phát triển du lịch ở nước ta. Vì vậy việc nghiên cứu và xây dựng các dấu hiệu này các

nhà quản lý có thể có những giải pháp phù hợp và kịp thời nhằm điều chỉnh các hoạt động nhằm đạt tới trạng thái bền vững hơn cho quá trình phát triển. Tuy nhiên không phải vì vậy mà có thể đánh giá phát triển du lịch bền vững một cách tùy tiện mà phải dựa vào các tiêu chí cơ bản về phát triển du lịch bền vững bao gồm các tiêu chí sau:

#### *1.1.3.1 Các tiêu chí kinh tế*

Phát triển du lịch bền vững phải đảm bảo sự tăng trưởng liên tục và ổn định lâu dài của các chỉ tiêu kinh tế du lịch (chỉ tiêu về khách du lịch, thu nhập, GDP, cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động...). Theo xu thế phát triển hiện nay ở trong nước và trên thế giới, các chỉ tiêu kinh tế đã phát triển liên tục trong nhiều năm (thường là trên dưới 10 năm) ở mức trung bình khoảng 7-10 % năm thì được coi là phát triển bền vững. Tuy nhiên tùy thuộc vào trình độ phát triển và mức khởi điểm của các chỉ tiêu kinh tế ở mỗi nước, mỗi địa phương mà mức độ tăng trưởng sẽ cao hay thấp khác nhau được lựa chọn để đánh giá tính bền vững. Với tiêu chí này, cần đề cập đến những chỉ tiêu cụ thể sau:

##### *a. Chỉ tiêu khách du lịch*

Đây là chỉ tiêu quan trọng hàng đầu đối với quá trình phát triển du lịch. Chỉ tiêu khách du lịch quyết định sự thành công hay thất bại, quyết định sự phát triển bền vững hay không bền vững của ngành du lịch. Để đánh giá được tính phát triển bền vững hay không thì tiêu chí khách du lịch phải tăng trưởng liên tục năm này qua năm khác trong thời gian tối thiểu hàng chục năm hoặc lâu hơn. Trong chỉ tiêu khách du lịch, ngoài số lượng tuyệt đối về khách, các chỉ tiêu khác cần phải tính đến quá trình phát triển bền vững đó là số ngày lưu trú trung bình, số khách quay trở lại, khả năng thanh toán, mức độ hài lòng của khách.

Các hoạt động phát triển du lịch tự phát thường chỉ quan tâm đến việc thu hút khách đến và thường không chú trọng đến chất lượng nguồn khách (khả năng chi trả, trình độ văn hoá...) đến thời gian dài ngày hay ngắn ngày, đến mức độ hài lòng và mong muốn quay trở lại của họ. Sẽ là tốt hơn và có hiệu quả kinh tế hơn và đảm bảo sự phát triển bền vững hơn trường hợp lượng khách du lịch ít (không gây áp lực đến tài nguyên, môi trường) nhưng thời gian lưu trú dài hơn

và có khả năng chi trả cao hơn. Thực tế cho thấy ở những nơi được xem là ngành kinh tế mũi nhọn thì trong chiến lược phát triển du lịch thường có xu hướng quan tâm đến các chi tiết về số lượng. Điều này vẫn đảm bảo cho sự tăng trưởng về thu nhập du lịch (một chỉ tiêu quan trọng khác) trong khi đó hạn chế được chi phí cho việc khắc phục được các sự cố về tài nguyên, môi trường do áp lực quá tải về số lượng khách.

Sự quay trở lại của khách du lịch cũng là một trong những chỉ tiêu đánh giá mức độ phát triển bền vững của du lịch. Chất lượng sản phẩm du lịch, chất lượng các dịch vụ bổ sung, chất lượng của đội ngũ trong lao động du lịch sẽ đảm bảo đáp ứng mức độ hài lòng của khách du lịch làm tăng thêm mong muốn quay trở lại của họ và cũng chính họ sẽ là người quảng cáo tốt nhất cho hoạt động du lịch. Tỷ lệ khách du lịch quay trở lại càng chứng tỏ rằng hoạt động du lịch đang phát triển đúng hướng và có hiệu quả. Điều này càng quan trọng đối với những đối tượng khách du lịch từ những thị trường khách có khả năng chi trả cao, có thời gian lưu trú dài ngày.

Như vậy để đảm bảo cho du lịch phát triển bền vững thì ngoài sự phát triển liên tục của chỉ tiêu về số lượng khách, các chỉ tiêu khác có liên quan đến khách du lịch( ngày lưu trú, mức chi tiêu, mức độ hài lòng...) cũng cần được phát triển liên tục và bền vững.

#### b. Chỉ tiêu thu nhập và tổng sản phẩm quốc nội ngành du lịch (GDP du lịch)

Các hoạt động du lịch đều mang ý nghĩa kinh tế và đều hướng tới mục tiêu quan trọng là thu nhập, lợi nhuận và đóng góp cho ngân sách nhà nước. Thu nhập du lịch là một chỉ tiêu quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển của du lịch cả nước nói chung và du lịch của địa phương nói riêng, là mức đo mức độ phát triển và cho sự thành công của ngành du lịch. Chỉ tiêu thu nhập du lịch liên quan chặt chẽ đến chỉ tiêu khách du lịch, sự tăng trưởng liên tục của khách du lịch sẽ kéo theo sự tăng trưởng về thu nhập và sẽ đóng góp quan trọng cho sự phát triển bền vững của du lịch.

Thu nhập du lịch (của vùng lãnh thổ nào đó) bao gồm tất cả các khoản thu nhập được do khách du lịch chi trả (khi đến lãnh thổ đó) cho dịch vụ lưu trú và

ăn uống, vận chuyển khách du lịch (không kể vận chuyển quốc tế), các dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm hàng lưu niệm và các dịch vụ bổ sung khác. Trên thực tế, tất cả các khoản thu này không phải chi do ngày du lịch trực tiếp thu mà còn do nhiều ngành khác, nhiều thành phần khác tham gia vào hoạt động du lịch thu. Ngoài ra còn một số ngành dịch vụ khác không những chỉ phục vụ người dân địa phương mà còn phục vụ cho cả khách du lịch (dịch vụ y tế, ngân hàng, bưu điện, phim ảnh, giao thông công cộng, bảo hiểm...). Trong trường hợp này, một phần chỉ tiêu của khách du lịch do ngành khác thu. Do vậy tất cả các khoản thu từ khách du lịch (cho dù các khoản thu này không phải do ngành du lịch trực tiếp thu) đều được tính vào tổng thu nhập du lịch.

Giá trị tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là chỉ tiêu quan trọng hàng đầu, là thước đo sự phát triển kinh tế nói chung và của từng ngành nói riêng. Sự phát triển và gia tăng liên tục của chỉ tiêu GDP sẽ phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế có bền vững hay không?. Đối với ngành du lịch, việc tăng trưởng thường xuyên, liên tục của chỉ tiêu GDP không chỉ đảm bảo cho sự phát triển bền vững về mặt kinh tế mà còn cho thấy vị trí của ngành trong tổng thể nền kinh tế quốc dân. Tỷ trọng GDP càng cao, ổn định và tăng trưởng theo thời gian thì ngành du lịch càng phát triển gần với mục tiêu phát triển bền vững.

Như vậy, chỉ tiêu thu nhập du lịch và tổng sản phẩm quốc nội là những tiêu chí quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững về mặt kinh tế.

### c. Chỉ tiêu hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật trong du lịch (bao gồm các cơ sở lưu trú ăn uống, vui chơi giải trí, các phương tiện vận chuyển, các khu du lịch, các cơ sở dịch vụ bổ sung khác...) là thước đo phản ánh trình độ phát triển của ngành du lịch. Sự phát triển cả về số lượng, chủng loại và chất lượng của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, một mặt đáp ứng được mọi nhu cầu của mọi đối tượng khách, mặt khác góp phần quan trọng vào việc hấp dẫn, thu hút khách, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của ngành.

Để có một hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật có chất lượng cao thì vấn đề đầu tư rất quan trọng. Nếu không được đầu tư hoặc đầu tư không đồng bộ thì hệ

thông cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch sẽ nghèo nàn, lạc hậu, kém chất lượng và không có khả năng hấp dẫn khách du lịch, không có khả năng lưu giữ khách du lịch dài ngày, làm giảm khả năng chi tiêu của họ, dẫn đến giảm nguồn thu nhập và như vậy sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của du lịch.

d. Chỉ tiêu nhân lực ngành du lịch

Đây là chỉ tiêu quyết định chất lượng và giá cả của sản phẩm dịch vụ, là yếu tố quyết định sự hài lòng của khách. Bởi thế nên sự phát triển về mặt số lượng, chất lượng và cơ cấu của đội ngũ lao động du lịch sẽ đảm bảo cho sự phát triển về mặt chất lượng của sản phẩm, chất lượng các dịch vụ du lịch và như vậy sẽ góp phần đáng kể vào quá trình phát triển du lịch bền vững.

Du lịch là một ngành có nhu cầu cao đối với đội ngũ lao động. Do vậy trong hoạt động du lịch, chất lượng đội ngũ lao động luôn là yếu tố quan trọng có ý nghĩa quyết định. Điều này càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của hoạt động du lịch. Chất lượng đội ngũ lao động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm dịch vụ, chất lượng dịch vụ và kết quả cuối cùng là ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh, đến sự tăng trưởng của các chỉ tiêu du lịch khác. Như vậy, chất lượng đội ngũ lao động được đào tạo không chỉ là thu hút yếu tố thu hút khách, nâng cao uy tín của ngành, của đất nước mà còn là yếu tố quan trọng trong việc cạnh tranh thu hút khách đảm bảo sự phát triển du lịch bền vững.

Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ du lịch theo hướng dẫn bền vững về mặt chuyên môn bên cạnh những kỹ năng nghề nghiệp giỏi, kỹ năng giao tiếp tốt, thông thạo ngoại ngữ, cần được trang bị kiến thức về tài nguyên, quản lý môi trường, kinh tế môi trường, luật môi trường, và hệ thống kiến thức sâu rộng về mặt xã hội. Về mặt kỹ thuật, đào tạo đội ngũ cán bộ trở thành các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, hiểu được những mối quan hệ sinh thái mà có thể giúp đỡ mọi người dân và khách du lịch trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên tốt hơn.

Sự phát triển cả về chất lượng và số lượng, cơ cấu của đội ngũ lao động du lịch sẽ đảm bảo sự phát triển về chất lượng các sản phẩm du lịch, chất lượng

các dịch vụ du lịch và như vậy sẽ góp phần đáng kể và quá trình phát triển bền vững.

e. Tinh thần trách nhiệm trong hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch

Hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thu hút khách du lịch. Tính trách nhiệm trong hoạt động tuyên truyền quảng bá thông qua việc cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin về tuyến điểm, về sản phẩm du lịch sẽ tạo được lòng tin cho du khách và ảnh hưởng du lịch đồng nghĩa với việc tăng trưởng kinh tế thông qua hoạt động du lịch.

#### *1.1.3.2 Các tiêu chí về tài nguyên, môi trường*

Phát triển du lịch bền vững phải đảm bảo khai thác và sử dụng một cách hợp lý có hiệu quả các tiềm năng tài nguyên cho phát triển du lịch cần được quản lý và giám sát để một mặt đáp ứng các nhu cầu hiện tại, mặt khác phải đảm bảo cho nhu cầu phát triển du lịch trong tương lai. Với tiêu chí này, trong quá trình phát triển, ngành du lịch cần phải có những đóng góp tích cực cho công tác bảo tồn, tôn tạo tài nguyên và bảo vệ môi trường... để giảm thiểu các tác động của hoạt động du lịch đến nguồn tài nguyên môi trường. Tiêu chí này bao gồm:

a. Số lượng (tỷ lệ) các khu, điểm du lịch được đầu tư tôn tạo và bảo tồn.

Mục tiêu của phát triển du lịch bền vững là nhằm hạn chế tối đa việc khai thác quá mức và lãng phí các nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên tự nhiên không có khả năng tái tạo. Chính vì vậy, chỉ tiêu về số lượng các khu, điểm du lịch được bảo tồn và tôn tạo được coi là một trong số các tiêu chí cơ bản của sự phát triển bền vững của hoạt động du lịch về mặt tài nguyên môi trường. Nơi nào càng có nhiều khu, điểm du lịch được đầu tư, bảo tồn, tôn tạo thì chứng tỏ hoạt động phát triển du lịch của nơi đó cùng với mục tiêu phát triển bền vững. Việc xây dựng và quy hoạch du lịch làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện các kế hoạch, các dự án phát triển cụ thể đóng vai trò quan trọng trong hoạt động phát triển du lịch. Từ đó xác định các phương án phát triển phù hợp, đảm bảo có khai thác hiệu quả tiềm năng tài nguyên du lịch và đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế tác động của du lịch đến tài nguyên, môi trường mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội, hướng tới phát triển một cách bền vững.

b. Áp lực lên tài nguyên, môi trường tại các khu, điểm du lịch

Một trong những mục tiêu mà phát triển du lịch bền vững hướng tới là bảo vệ môi trường. Việc phát triển quá nhanh các hoạt động du lịch mà không chú trọng tới công tác đánh giá và quản lý tác động đến môi trường tại các khu vực phát triển du lịch là nguyên nhân chính gây ra những hậu quả nghiêm trọng về môi trường tại đây và kết quả sẽ là sự phát triển thiếu bền vững của du lịch.

Do đó việc đánh giá áp lực các tác động môi trường tại các khu du lịch là một tiêu chí quan trọng đảm bảo cho phát triển du lịch bền vững. Nếu thiếu hoặc thể hiện không đầy đủ các thủ tục đánh giá tác động môi trường thì quá trình phát triển du lịch sẽ thiếu tính bền vững. Vấn đề quản lý áp lực lên tài nguyên, môi trường tại các khu, điểm du lịch cũng liên quan đến vấn đề sức chứa. Đó là việc quản lý số lượng khách đến hoặc vượt quá khả năng đáp ứng về tài nguyên và không làm ảnh hưởng đến khả năng phát triển của các hệ sinh thái trong khu vực.

c. Cường độ hoạt động tại các khu, điểm du lịch

Khách du lịch là đối tượng quan tâm hàng đầu xác định cho sự tồn tại và phát triển của ngành du lịch. Sự gia tăng của số lượng khách đến một điểm du lịch càng tăng sẽ chứng tỏ sự phát triển lớn mạnh của điểm du lịch đó. Tuy nhiên việc gia tăng mạnh mẽ về số lượng khách du lịch sẽ đồng nghĩa với việc các nguồn tài nguyên du lịch bị khai thác quá mức để đáp ứng nhu cầu du lịch của phong kiến. Điều đó dẫn đến tình trạng suy thoái và cạn kiệt các nguồn tài nguyên (một số loài sinh vật đặc hữu được dùng cho các nhu cầu sản xuất hàng lưu niệm, các món ăn đặc sản, các vị thuốc quý...). Sự gia tăng nhanh của du khách còn gây ra hiện tượng quá tải về chất thải tại các điểm du lịch, làm cho môi trường tại nơi đó không đảm bảo và dẫn đến hiện tượng bị suy thoái môi trường.

Một trong những vấn đề liên quan đến phát triển du lịch bền vững là việc tiêu thụ và sử dụng các nguồn tài nguyên, năng lượng cơ bản như nước, điện, than, củi... phục vụ cho sinh hoạt cộng đồng địa phương và khách du lịch. Các hoạt động du lịch phát triển tất yếu sẽ dẫn đến sự gia tăng trong nghiên cứu sử

dụng các nguồn năng lượng. điều này dẫn đến sự thiếu hụt các nguồn năng lượng, cạn kiệt nguồn tài nguyên.

Từ những mâu thuẫn trên đây, việc phát triển du lịch bền vững một mặt phải đảm bảo được sự gia tăng về du khách nhưng đồng thời phải xác định được cường độ hoạt động của khách tại các điểm du lịch sao cho không vượt quá ngưỡng tiêu chuẩn cho phép của môi trường, tiêu chuẩn về tiêu thụ năng lượng và sức chứa.

d. Mức độ đóng góp từ thu nhập du lịch cho công tác bảo tồn tài nguyên và bảo vệ môi trường

Việc khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên không chỉ mang lại nguồn thu cho ngành du lịch mà còn đóng góp một phần vào ngân sách của cộng đồng địa phương\_Cơ quan chủ quản của các nguồn tài nguyên. Nguồn thu này có thể có được từ hoạt động bán vé tham quan di tích, thắng cảnh, vé cho các sản phẩm thủ công truyền thống hay các đặc sản của địa phương được tính vào tổng thu nhập du lịch. Từ nguồn thu này, ngành du lịch sẽ đóng góp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chủ quản các nguồn tài nguyên du lịch với mục đích tôn tạo, bảo tồn và nâng cấp nguồn tài nguyên trong đó.

Mức độ đóng góp của ngành du lịch càng cao thì càng thể hiện bền vững của ngành du lịch và chứng tỏ đây là tiêu chí không thể thiếu trong việc đánh giá sự phát triển về mặt tài nguyên môi trường của dịch vụ du lịch.

#### *1.1.3.3 Các tiêu chí về xã hội*

Đây là tiêu chí quan trọng thể hiện tính bền vững trong phát triển du lịch. Yếu tố này đòi hỏi ngành du lịch phải có những đóng góp cụ thể cho quá trình phát triển của toàn xã hội như: tạo công ăn việc làm cho người lao động, tham gia xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ở những vùng sâu, vùng xa\_nơi có tài nguyên du lịch, chia sẻ lợi ích từ các hoạt động du lịch, đảm bảo sự công bằng trong phát triển, góp phần hỗ trợ của các ngành khác cùng phát triển.

a. Mức độ phát triển hệ thống các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường luôn có nhiều thay đổi bởi nhiều



yếu tố khách quan thì việc phát triển hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ là một điều tất yếu. Việc phát triển hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ không những hạn chế bớt rủi ro trong quá trình hoạt động mà còn tạo ra công ăn việc làm cho một bộ phận không nhỏ cư dân địa phương, cải thiện chất lượng cuộc sống, thu hút các nguồn lực phát triển du lịch đảm bảo phát triển bền vững về mặt kinh tế, xã hội.

b. Tác động đến xã hội từ các hoạt động du lịch

Du lịch là một ngành kinh tế mang tính xã hội cao, vì vậy sự phát triển của nó có những tác động mạnh mẽ đến nhiều mặt của đời sống xã hội bao gồm cả 2 mặt tiêu cực và tích cực.

Để đảm bảo cho sự phát triển bền vững về mặt xã hội, vấn đề đặt ra là cần phát huy hơn nữa nhiều mặt tích cực và kiểm soát, quản lý chặt chẽ nhằm hạn chế những tiêu cực như cần có hệ thống văn bản pháp luật của nhà nước và quyết định của chính quyền địa phương để kịp thời phát hiện xử lý các vi phạm, từng bước khắc phục những hạn chế do tác động của hoạt động du lịch gây ra.

c. Mức độ hài lòng và hợp tác của cộng đồng địa phương với các hoạt động du lịch

Mức độ hài lòng và hợp tác của cộng đồng địa phương với các hoạt động du lịch đóng vai trò rất lớn trong việc phát triển du lịch bền vững bởi họ chính là chủ nhân của nguồn tài nguyên du lịch. Nếu có được sự ủng hộ và hợp tác của cộng đồng thì chính họ là người bảo vệ nguồn tài nguyên du lịch và môi trường. Do vậy mức độ hài lòng của cộng đồng dân cư đối với các hoạt động du lịch sẽ phản ánh mức độ bền vững của du lịch trong quá trình phát triển.

Để có được sự hài lòng và hợp tác của cư dân địa phương thì vai trò và trách nhiệm của họ phải được quan tâm hàng đầu, cụ thể là:

- Phải phát huy được vai trò của cộng đồng địa phương trong việc giám sát, thực hiện các dự án quy hoạch và đầu tư phát triển du lịch.
- Tăng cường khả năng tham gia của cộng đồng địa phương trong công tác tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường.
- Ưu tiên cho người dân địa phương tham gia vào các hoạt động kinh

doanh du lịch trên địa bàn, tạo công ăn việc làm, cải thiện chất lượng cuộc sống.

- Phúc lợi xã hội chung cho cộng đồng địa phương được nâng cao lên nhờ các hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn địa phương

#### **1.1.4 Mục tiêu của phát triển du lịch bền vững**

Du lịch bền vững đòi hỏi phải chú ý đến sự phát triển của cả 3 hệ: kinh tế, môi trường, xã hội. Các lợi ích của cả 3 hệ này phải được chú ý và được coi là có tầm quan trọng như nhau để từ đó có được một nền du lịch bền vững.

- Phát triển bền vững về kinh tế: Du lịch là một ngành kinh tế nên phát triển du lịch bền vững về kinh tế thu nhập phải lớn hơn chi phí, phải đạt được sự tăng trưởng cao, ổn định trong thời gian dài, tối ưu hoá đóng góp cho ngành du lịch vào thu nhập quốc dân, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.

- Phát triển bền vững về môi trường: Phải sử dụng bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch theo hướng tiết kiệm bền vững, đảm bảo sự tái tạo và phục hồi của tài nguyên, nâng cao chất lượng của tài nguyên và môi trường, thu hút cộng đồng khách du lịch và các hoạt động bảo tồn vào tôn tạo tài nguyên.

- Phát triển bền vững về xã hội: Thu hút cộng đồng tham gia vào các hoạt động du lịch, tạo nhiều việc làm góp phần nâng cao chất lượng du lịch, đáp ứng cao độ nhu cầu của khách du lịch.

#### **1.1.5 Các nguyên tắc của phát triển du lịch bền vững**

Là một ngành kinh tế tổng hợp có định hướng rõ rệt, mang nội dung văn hoá sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao, vì vậy du lịch muốn phát triển bền vững đòi hỏi sự đồng bộ và nỗ lực chung của toàn xã hội. Do đó, để đảm bảo được sự phát triển du lịch bền vững trong quá trình phát triển du lịch cần phải thực hiện các nguyên tắc nhất định sau: [7]

##### **1.1.5.1 Sử dụng nguồn lực một cách bền vững**

Mọi hoạt động phát triển kinh tế, du lịch đều liên quan đến việc sử dụng các nguồn tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn. Nhiều nguồn tài nguyên trong đó không thể tái tạo hay thay thế được thì khả năng tái tạo phải trải qua một thời gian rất dài đến hàng triệu năm. Chính vì vậy việc bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên tự nhiên và nhân văn là rất quan trọng và cần thiết, nó giúp

cho việc kinh doanh, phát triển lâu dài.

Trong quá trình khai thác, việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên là nguyên tắc quan trọng hàng đầu. Nếu các nguồn tài nguyên được khai thác hợp lý, bảo tồn và sử dụng bền vững đảm bảo quá trình tự duy trì và tự bổ sung được diễn ra theo những quy luật tự nhiên hoặc thuận lợi hơn do có sự tác động của con người thông qua việc đầu tư, tôn tạo thì sự tôn tạo đó sẽ đáp ứng lâu dài nhu cầu phát triển của du lịch qua nhiều thế hệ.

Ngày nay, trong quá trình quy hoạch các dự án phát triển du lịch cần xây dựng những phương cách, chiến lược bảo tồn, tôn tạo, khai thác tài nguyên du lịch theo hướng tiết kiệm, hợp lý để lưu lại cho thế hệ tương lai một nguồn tài nguyên không kém hơn so với những gì thế hệ trước được hưởng. Điều này có nghĩa là trong quá trình khai thác phải tính đến các giải pháp nhằm ngăn chặn sự mất đi của các loài sinh vật, sự suy giảm những chức năng thiết yếu của các hệ sinh thái có giá trị du lịch như các khu rừng nguyên sinh, các vùng ngập nước..và khả năng bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc.

#### *1.1.5.2 Duy trì tính đa dạng*

Tính đa dạng về thiên nhiên, văn hóa và xã hội là nhân tố quan trọng tạo nên sự hấp dẫn của du lịch, làm thoả mãn nhu cầu đa dạng cao, tạo nên khả năng cạnh tranh du lịch và có sức hấp dẫn lớn, đảm bảo cho sự phát triển. Chính vì vậy việc duy trì và tăng cường tính đa dạng của thiên nhiên, văn hoá, xã hội là hết sức quan trọng đối với du lịch bền vững lâu dài, là cơ sở cho việc bảo tồn và phát triển của ngành du lịch.

Tuy nhiên trong quá trình xây dựng và thực hiện dự án quy hoạch du lịch cũng như phát triển du lịch do nhiều nguyên nhân khác nhau nên dễ dàng làm mất đi tính đa dạng của tự nhiên, văn hoá, xã hội.

#### *1.1.5.3 Giảm tiêu thụ quá mức và giảm lượng chất thải*

Việc khai thác, sử dụng quá mức tài nguyên và không kiểm soát được lượng chất thải du lịch sẽ chỉ dẫn tới sự huỷ hoại môi trường, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên mà không đảm bảo cho sự phát triển lâu dài của ngành du lịch, đồng thời gây ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên, xáo trộn về văn hoá.

Bởi vậy trong việc quy hoạch phát triển du lịch bền vững đúng đắn ngay từ đầu khi lập dự án phải tiến hành đánh giá từ hoạt động du lịch đến tài nguyên môi trường. Từ đó dự kiến những biện pháp phòng ngừa hữu hiệu nhằm giảm thiểu tiêu thụ quá mức tài nguyên và giảm lượng chất thải vào môi trường, tránh những chi phí tốn kém cho việc phục hồi tổn hại về môi trường và đóng góp cho chất lượng du lịch.

#### *1.1.5.4 Hợp nhất quy hoạch du lịch và quy trình quy hoạch phát triển kinh tế xã hội.*

Du lịch là ngành kinh tế liên ngành, liên vùng, nó có mối quan hệ chặt chẽ với ngành kinh tế, xã hội. Bởi vậy cần hợp nhất quy hoạch phát triển du lịch vào khuôn khổ hoạch định chiến lược của địa phương và quốc gia.

Khi sự phát triển là một bộ phận hợp nhất của quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp quốc gia hoặc địa phương nếu coi phát triển du lịch là một tổng thể thì sẽ mang lại lợi ích tối đa và dài hạn hơn cho nền kinh tế xã hội của quốc gia, địa phương và cho cả phát triển du lịch. Điều này sẽ khuyến khích việc bảo tồn, tôn tạo và khai thác tài nguyên môi trường du lịch hiệu quả hơn, góp phần hấp dẫn du khách và nâng cao đời sống cộng đồng địa phương.

Khi hòa nhập phát triển quy hoạch du lịch và quy hoạch kinh tế xã hội , ngành du lịch sẽ được đầu tư, phát triển phù hợp đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.

#### *1.1.5.5 Hỗ trợ kinh tế địa phương và thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương*

- Hỗ trợ kinh tế địa phương: Nguồn tài nguyên mà ngành du lịch sử dụng vốn thuộc quyền sở hữu chung của người dân bản địa như đường giao thông, điện nước, hệ thống xử lý chất thải, thông tin liên lạc....có thể không chỉ phục vụ cho ngành du lịch nhưng vẫn thúc đẩy ngành du lịch phát triển. Hoạt động du lịch một mặt mang lại hiệu quả tích cực cho kinh tế xã hội của địa phương mặt khác cũng để lại hậu quả tiêu cực cho tài nguyên môi trường và kinh tế địa phương. Trong quá trình hoạch định các giải pháp chính sách khi quy hoạch du lịch cần phải tính đến đóng góp từ thu nhập du lịch cho kinh tế cộng đồng và quốc gia.

- Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương: Việc tham gia của cộng

đồng địa phương là rất cần thiết với ngành du lịch. Điều này có ý nghĩa lớn góp phần quan trọng đến phát triển du lịch bền vững của ngành du lịch. Bởi lẽ theo kinh nghiệm thực tế về phát triển du lịch ở nhiều nước cho thấy, sự tham gia của cộng đồng địa phương có thể làm phong phú thêm kinh nghiệm và sản phẩm du lịch đồng thời có thể giúp họ cải thiện cuộc sống, xoá đói giảm nghèo, góp phần thu lại được nhiều ngoại tệ có lợi cho cả cộng đồng địa phương và khách du lịch đồng thời cũng nâng cao triển vọng phát triển lâu dài của sản phẩm du lịch như chuyên chở, cho thuê nhà, phòng ngủ, sản phẩm đồ thủ công mỹ nghệ, đồ lưu niệm....

#### *1.1.5.6 Lấy ý kiến quần chúng và các đối tượng liên quan*

Trao đổi, tham khảo, lấy ý kiến của quần chúng, các tổ chức và các cơ quan khác nhau, các doanh nghiệp du lịch là việc làm rất cần thiết để đánh giá tính khả thi của một dự án. Đây không chỉ là quá trình nhằm dung hoà phát triển kinh tế với những quan tâm khác của cộng đồng địa phương, với những tác động tiềm ẩn của sự phát triển lên môi trường tự nhiên, văn hoá, xã hội mà còn là một bước nhằm nâng cao nhận thức của bên tham gia với dự án quy hoạch cùng giải quyết những mâu thuẫn tiềm ẩn về quyền lợi, đồng thời có các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực và tối đa hoá sự đóng góp tích cực của quần chúng địa phương.

Chính vì vậy trong quá trình triển khai các dự án quy hoạch du lịch còn phải vận dụng nguyên tắc này trong điều tra xã hội, lấy ý kiến của các đối tượng liên quan và cộng đồng địa phương để cùng nhau giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình phát triển, giải toả các mâu thuẫn tiềm ẩn, tìm thấy các nguyên nhân bất đồng, những vấn đề cần giải quyết. Điều này sẽ đảm bảo sự gắn kết và có trách nhiệm hơn giữa các thành phần kinh tế với địa phương và các ngành với nhau góp phần tích cực cho sự phát triển bền vững của ngành trong đó có ngành du lịch.

#### *1.1.5.7 Tiến hành nghiên cứu*

Công tác nghiên cứu là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của bất cứ ngành kinh tế nào đặc biệt là ngành có nhiều mối quan hệ trong phát

triển và phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, văn hoá, xã hội như du lịch.

Vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển bền vững cần có những căn cứ khoa học vững chắc dựa trên việc tiến hành nghiên cứu các vấn đề liên quan. Hơn thế nữa trong quá trình phát triển nhiều yếu tố chủ quan giúp cho việc nhận thức những sai sót, thiếu sót, hạn chế của dự án để từ đó có những giải pháp điều chỉnh bổ sung kịp thời.

#### *1.1.5.8 Đào tạo nhân lực*

Con người luôn là yếu tố quan trọng nhất đối với sự phát triển của ngành du lịch\_một ngành kinh tế đòi hỏi cao về “ lao động sống”. Vì vậy trong quá trình phát triển du lịch bền vững, ngoài các yếu tố kể trên thì cần phải có một đội ngũ quản lý, đội ngũ lao động trực tiếp được đào tạo cơ bản về mọi mặt, có trình độ chuyên môn cao, đem lại lợi ích kinh tế cho ngành và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch đồng thời góp phần bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Thật vậy, một lực lượng lao động được đào tạo có trình độ chuyên môn cao, có kiến thức về môi trường văn hoá sẽ làm cho du khách có ý thức trách nhiệm và nhận thức đúng về môi trường và những giá trị văn hoá truyền thống. Điều này sẽ góp phần tích cực vào đảm bảo cho sự phát triển bền vững về du lịch.

Trong bối cảnh Việt Nam đang từng bước hội nhập với sự phát triển của du lịch khu vực và thế giới, việc nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch để đảm bảo tính cạnh tranh là hết sức quan trọng. Chính vì vậy việc chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ là một trong những nguyên tắc then chốt đối với sự phát triển bền vững của du lịch.

#### *1.1.5.9 Nâng cao trách nhiệm trong hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch*

Xúc tiến, quảng cáo luôn là một hoạt động quan trọng đối với phát triển du lịch đảm bảo thu hút khách, tăng cường khả năng cạnh tranh của các sản phẩm du lịch. Chiến lược quảng cáo, tiếp thị đối với du lịch bền vững bao gồm việc xác định, đánh giá và luôn rà soát để xác định đúng khả năng đáp ứng của các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn cũng như việc cân đối với các sản phẩm du lịch.

Việc quảng cáo tiếp thị cung cấp cho khách du lịch những thông tin đầy đủ có trách nhiệm sẽ nâng cao sự tôn trọng của du khách đối với môi trường tự nhiên, văn hoá, xã hội và các giá trị nhân văn nơi tham gia, đồng thời sẽ làm giảm những tác động tiêu cực từ hoạt động thu hút khách đảm bảo cho tính bền vững trong phát triển du lịch. Vì vậy khi thực hiện quảng bá, xúc tiến và tiếp thị cần phải đảm bảo tính trung thực, cảm xúc và đầy đủ để đảm bảo tính bền vững trong du lịch.

## **1.2 Môi quan hệ giữa môi trường và du lịch**

### **1.2.1 Hoạt động du lịch tác động đến môi trường kinh tế-xã hội**

Trong quá trình phát triển, hoạt động du lịch có tác động nhất định đến môi trường. Các tác động xảy ra không chỉ đối với môi trường tự nhiên mà cả với môi trường xã hội, nhân văn. Các tác động có thể là tích cực làm tăng tính đa dạng sinh học qua việc phát triển cảnh quan cây xanh, công viên, vườn thú... phục vụ du lịch hay làm và phát triển các ngành nghề truyền thống. Có thể là tác động tiêu cực đến các công trình tham quan hay sự quá tải tại các điểm du lịch đã tác động đến hệ sinh thái đó là các vườn quốc gia, khu bảo tồn... Và cũng có nhiều tác động khác đến môi trường trong quá trình xây dựng như xây dựng mới, cải tạo các cơ sở vật chất kỹ thuật cũ để phục vụ du lịch (xây dựng các khu vui chơi giải trí, xây dựng đường xá, cầu cống) hay các hoạt động du lịch tham quan vườn quốc gia, các khu bảo tồn hay các hoạt động thể thao như: bơi lội, tắm biển... các dịch vụ như hàng quán, vận chuyển..

Để đánh giá một cách phù hợp hơn các đối tượng phát triển và dưới góc độ nhìn nhận vào môi trường, các tiềm năng du lịch có thể được thể hiện qua các hoạt động sau:

#### **1.2.1.1 Tác động tích cực**

Du lịch tích cực sẽ đóng góp cho nền kinh tế xã hội trên 4 lĩnh vực sau:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu nhập quốc dân: Du lịch là một ngành kinh tế mang tính tổng hợp, liên ngành, liên vùng và xã hội hoá. Do vậy công việc phát triển du lịch góp phần thúc đẩy các nền kinh tế khác phát triển thông qua việc đáp ứng các sản phẩm du lịch phục vụ nhu cầu của khách du lịch

như: phương tiện vận chuyển, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước... Thu nhập từ du lịch sẽ đóng góp vào việc nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân địa phương thông qua các hoạt động du lịch góp phần đô thị hoá các địa phương có điểm du lịch.

- Góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho một cộng đồng địa phương thông qua cung cấp các sản phẩm du lịch phục vụ nhu cầu của khách: Phát triển du lịch từ khâu chuẩn bị đầu tư xây dựng đến khi hoạt động du lịch diễn ra đã tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương như: mở hàng quán phục vụ du lịch, tham gia vào việc xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, tham gia vận chuyển khách... Ai cũng thấy được rằng du lịch phát triển sẽ làm tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương, khu vực và cả nhà nước.

- Góp phần cải thiện cơ sở vật chất hạ tầng và dịch vụ du lịch: Phát triển du lịch kéo theo các dịch vụ đi kèm góp phần cải thiện về cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội cho địa phương như : thông tin liên lạc, y tế, đường giao thông, các khu vui chơi giải trí... do có các dự án về du lịch kéo theo các dự án khác đầu tư về cơ sở hạ tầng tới khách du lịch.

- Tạo điều kiện giao lưu văn hoá giữa các vùng, các cộng đồng và quốc tế: Việc phát triển du lịch tạo ra cơ hội giao lưu văn hoá của người dân trong vùng và các địa phương trong cả nước với người nước ngoài thông qua giao tiếp với khách du lịch. Phát triển du lịch làm rút ngắn khoảng cách về cơ sở hạ tầng cũng như nhận thức của người dân địa phương. Những tác động về văn hoá của du lịch làm thay đổi cả hệ thống nhận thức đó là tư cách cá nhân, quan hệ gia đình, lối sống tập thể, hành vi đạo đức, nghi lễ truyền thống... qua tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp của người dân địa phương với du khách.

#### *1.2.1.2 Tác động tiêu cực*

Theo như phân tích trên, có thể thấy những thành tựu mà du lịch mang lại là không nhỏ. Tuy nhiên, cũng như bất kỳ một ngành kinh tế nào nó đều có 2 mặt và du lịch cũng vậy. Nó cũng có nhiều tác động tiêu cực tới môi trường kinh tế và văn hoá xã hội. Những tác động tiêu cực của du lịch tới môi trường kinh tế,



văn hoá, xã hội thể hiện ở 6 vấn đề sau:

- Ảnh hưởng tới kết cấu dân số (số lượng, thành phần) theo ngành nghề do nhu cầu về nhân lực và sức hút thu nhập từ du lịch: Du lịch phát triển sẽ thu hút một lượng lớn lao động từ các ngành nghề khác đặc biệt là ngành nông nghiệp khiến cho lực lượng sản xuất lương thực ngày càng giảm đi đáng kể nhất là khu vực hay vùng có điểm du lịch. Hiện tượng nhập cư của lao động du lịch, các nhà kinh doanh du lịch từ nơi khác đến và vấn đề di cư của người dân địa phương trong khu du lịch nhằm giải phóng mặt bằng để xây dựng cơ sở du lịch đã gây ra nhiều vấn đề khác nhau như: mâu thuẫn giữa người dân địa phương với những nhà đầu tư, mâu thuẫn với dân lao động du lịch nhập cư tìm kiếm việc làm. Chính việc xây dựng các khách sạn, các khu nghỉ dưỡng, các khu vui chơi, giải trí là nguyên nhân việc di chuyển chỗ ở và tái định cư ngoài mong muốn của người dân địa phương do nhu cầu giải phóng mặt bằng.

- Gây áp lực lên cơ sở hoạt động du lịch: Do tính mùa vụ của hoạt động du lịch cho nên vào thời kỳ cao điểm số lượng khách đến cũng như nhu cầu sinh hoạt của du khách có thể vượt quá mức khả năng đáp ứng về dịch vụ công cộng và cơ sở hạ tầng của người dân địa phương như còn ùn tắc giao thông, các nhu cầu về cung cấp nước, năng lượng, xử lý chất thải vượt quá khả năng của địa phương nơi diễn ra hoạt động du lịch.

- An ninh và trật tự an toàn xã hội bị đe dọa: Du lịch ngày càng phát triển càng thu hút đông đảo du khách cả nội địa và quốc tế. Nhiều đối tượng khách đến cùng đến một điểm hoặc địa phương nên khó kiểm soát được hết hoạt động của khách. Do vậy các tệ nạn phát sinh do nhu cầu của khách như nạn mại dâm, cờ bạc, ma tuý và tranh dành khách giữa người dân địa phương. Ngoài ra việc phân bổ lợi ích và chi phí du lịch trong nhiều trường hợp chưa thật công bằng gây ra mâu thuẫn giữa người dân địa phương với người làm hoạt động du lịch.

- Thay đổi phương thức tiêu dùng: Việc phát triển du lịch đã làm tăng thu nhập cũng như mức sống của người dân địa phương, làm tăng sức mua đồng thời cũng làm tăng giá cả hàng hoá nguyên liệu và thực phẩm. Điều này thể hiện rõ nhất ở sự chi tiêu thoải mái của khách du lịch làm giá cả các mặt hàng trong

khu vực bị đẩy lên làm ảnh hưởng tới cơ cấu tiêu dùng của nơi có các hoạt động du lịch, đặc biệt là những người có thu nhập thấp. Hơn nữa tỷ trọng du lịch ngày càng tăng cao đòi hỏi người dân phải có những hiểu biết nhất định về cơ chế thị trường.

- Chuẩn mực xã hội bị thay đổi trong một số trường hợp làm suy thoái văn hoá truyền thống: Khi du lịch phát triển, người dân trong vùng có điều kiện tiếp xúc với khách du lịch sẽ dẫn tới những quan niệm sống, việc làm bị thay đổi, các hệ thống giá trị nhân cách, quan hệ gia đình, lối sống tập thể, hành vi đạo đức, giá trị truyền thống bị thay đổi. Một số đơn vị kinh doanh du lịch chạy theo lợi nhuận thương mại hoá đã biến lễ hội truyền thống của người dân thành hoạt động trình diễn làm mất đi nghi lễ đối với tôn giáo truyền thống. Các hoạt động du lịch chuyên đề khảo cổ học có thể mâu thuẫn với tín ngưỡng địa phương.

- Tăng nguy cơ mắc bệnh lây truyền xã hội: Du lịch gắn liền với việc tiếp xúc giữa người dân địa phương với khách du lịch, do vậy sự thâm nhập của các dòng khách khác về địa lý chủng tộc sẽ kéo theo nguy cơ lan truyền các loại bệnh khác nhau (bệnh đường ruột, bệnh ngoài da, bệnh lây truyền qua đường tình dục...). Ngoài ra ô nhiễm môi trường như rác thải, nước bẩn... sẽ làm ảnh hưởng tới sức khoẻ cộng đồng địa phương.

### ***1.2.2 Tác động của hoạt động du lịch đối với môi trường tự nhiên***

Du lịch có thể duy trì bảo tồn môi trường tự nhiên nếu hiểu được rằng đó chính là sức hút để phát triển du lịch. Nhưng thật khó có thể tìm được vị trí mình hoạ cho điều này, sau nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch chính là ngành phá hoại nhiều nhất đến sự vật vì du lịch cần rất thứ hỗ trợ để có thể phát triển như giao thông vận tải, năng lượng, các cơ sở hạ tầng... đó chính là những thách thức đối với phát triển ngành du lịch.

Du lịch cũng chính là đối tượng sử dụng môi trường và khoảng không gian lớn nhất. Ngành du lịch cùng với các dịch vụ kèm theo là những hiểm hoạ đối với môi trường. Một khách du lịch sử dụng khoảng không gian nhiều hơn người dân bản địa gấp 7 lần. Lượng nước một khách du lịch sử dụng một ngày cũng gấp 2 lần người dân địa phương. Ngành du lịch sử dụng không gian gấp

hơn 100 lần để làm ra lợi nhuận tương tự một doanh nghiệp sản xuất. Sự tiêu thụ năng lượng tiêu thụ của một khách du lịch có thể gấp 100 lần so với người dân bản địa đó chưa kể tới nước ngọt, đồ ăn, giấy vệ sinh và các chất thải khác như giấy gói, xà phòng. Sự tiêu thụ lớn về khoáng không, năng lượng, chất thải và các tác động tiêu cực là yếu tố nội tại không thể bỏ qua.

### **Tiểu kết chương 1:**

Qua các nội dung đã nghiên cứu ở chương 1, có thể kết luận một số kết luận sau:

- Đề tài đã đưa ra được một số vấn đề lý luận về phát triển bền vững, phát triển du lịch bền vững.
- Đưa ra được các tiêu chí, mục tiêu, nguyên tắc cơ bản để phát triển du lịch một cách bền vững tạo nên nền tảng để giải quyết các vấn đề cho chương sau.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở YÊN TỬ, QUẢNG NINH**

### **2.1 Tài nguyên du lịch**

#### **2.1.1 Khái quát về Yên Tử**

Núi Yên Tử là ngọn núi cao trong dãy núi Đông Triều vùng Đông Bắc Việt Nam. Từ xưa, núi rừng Yên Tử đã nổi tiếng là nơi ngoạn mục và được liệt vào danh sơn đất Việt. Núi thuộc xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vốn là một thắng cảnh thiên nhiên, ngọn núi Yên Tử còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử với mệnh danh "đất tổ Phật giáo Việt Nam". Trên đỉnh núi thường có mây bao phủ nên ngày trước có tên gọi là Bạch Vân sơn. Đỉnh núi Yên Tử có chùa Đồng ở độ cao 1.068m so với mặt nước biển. Tổng chiều dài đường bộ để lên đỉnh Yên Tử (chùa Đồng) là khoảng 6000m với 6 giờ đi bộ liên tục qua hàng ngàn bậc đá, đường rừng núi.

Ngay từ thời Lý, Yên Tử đã có chùa thờ Phật gọi là chùa Phù Vân và đạo sỹ Yên Kỳ Sinh đã tu hành đắc đạo ở đây. Nhưng Yên Tử thực sự trở thành trung tâm Phật giáo từ khi vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng khoác áo cà sa tu hành và thành lập một giáo phái Phật giáo đặc trưng của Việt Nam đó là phái Thiền phái Trúc Lâm và trở thành vị tổ thứ nhất với pháp danh: Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông (1258-1308). Ông đã cho xây dựng hàng trăm công trình lớn nhỏ trên núi Yên Tử để làm nơi tu hành và truyền kinh, giảng đạo. Sau khi ông qua đời, người kế tục sự nghiệp là Pháp Loa Đồng Kiên Cương (1284-1330) vị tổ thứ hai của phái Trúc Lâm. Trong 19 năm tu hành, ông đã soạn ra bộ sách "Thạch thất ngôn ngữ" và cho xây dựng 800 ngôi chùa, am, tháp lớn nhỏ trong nước với hàng nghìn pho tượng có giá trị, trong đó có những chùa nổi tiếng như viện Quỳnh Lâm, chùa Hồ Thiên ở Đông Triều... ở trung tâm truyền giáo của Pháp Loa còn có Huyền Quang Lý Đạo Tái (1254-1334) - vị tổ thứ 3 của phái Trúc Lâm.

Sang đến thời Lê, Nguyễn, Yên Tử trở thành trung tâm của Phật giáo Việt Nam và được vua quan các triều đại quan tâm tôn tạo sửa chữa nên khu di tích Yên Tử là kết tinh, sự hội tụ của nền văn hoá dân tộc với dáng dấp kiến trúc, hoa

văn trang trí và các mảng chạm khắc mang đậm dấu ấn của các thời đại. Vẻ đẹp của Yên Tử là sự kỳ vĩ của núi non hoà với nét cổ kính trầm mặc của hệ thống am, tháp cùng với đường tùng, thông, đại, trúc, mai mọc ở hai bên đường toả bóng mát làm cho du khách thập phương quên nổi mệt nhọc đường dốc cheo leo.

Khu di tích thắng cảnh Yên Tử bao gồm một hệ thống chùa, am, tháp và rừng cây cổ thụ hoà quyện với cảnh vật thiên nhiên, nằm rải rác từ dốc Đò đến núi Yên Tử theo chiều cao dần thuộc xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, đã được Bộ Văn hoá Thông tin cấp bằng công nhận là di tích danh thắng (số 15VH/QĐ ngày 13/3/1974).

Lễ hội chính của Yên Tử diễn ra từ ngày 10 tháng riêng âm lịch và kéo dài trong 3 tháng xuân ấm áp. Hàng chục vạn du khách thập phương kể cả người già, người trẻ, trai, gái đều về trải hội Yên Tử, cầu được ước thấy biết bao điều tốt đẹp. Với khách thập phương, Yên Tử là đất Phật, là chôn Tổ, cõi Thiêng không nơi nào sánh bằng. Ngày 30/9/1974, khu di tích và danh thắng Yên Tử được Nhà nước xếp hạng là một trong tám mươi di tích đặc biệt quan trọng ở nước ta.

## **2.1.2 Tài nguyên du lịch tự nhiên**

### **2.1.2.1 Vị trí địa lý**

Khu di tích và danh thắng Yên Tử nằm ở phía Tây Bắc của thành phố Uông Bí, chạy dài gần 20km từ chùa Bí Thượng (gần quốc lộ 18A) đến đỉnh chùa Đồng (đỉnh Yên Sơn) cao nhất miền Đông Bắc của tổ quốc (1068m) trên địa phận 2 xã Phương Đông và Thượng Yên Công.

Yên Tử cách Hà Nội khoảng 150km, cách thành phố Hạ Long 50km quay trở lại, cách trung tâm thành phố Hải Phòng 40km, nằm trên tuyến du lịch quan trọng Hà Nội - Hạ Long, các tuyến du lịch trong nước và quốc tế. Đây là vị trí rất thuận lợi cho phát triển du lịch Yên Tử.

Ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp với tỉnh Bắc Giang (lấy chùa Đồng làm ranh giới), phía Đông giáp với đèo Mật Lợn, phía Tây giáp với huyện Đông Triều lấy suối Vàng Tân làm ranh giới, phía Nam giáp với đường

18A và xã Phương Nam của Thành phố Uông Bí (lấy chùa Bí Thượng làm ranh giới).

Khu trung tâm Yên Tử được tính từ chùa Lân (Thiền Viện Trúc Lâm) cho tới chùa Đồng được bao quanh bởi khu rừng đặc dụng với diện tích 2686,5ha. Khu ngoại vi của Yên Tử được xác định từ chùa Lân trở ra gồm chùa Cầm Thực, chùa Suối Tắm và chùa Bí Thượng.

#### *2.1.2.2 Địa chất, địa mạo*

Đây là vùng có kiến tạo địa chất phức tạp và giàu tài nguyên. Biểu hiện đứt gãy đột ngột của dãy núi Yên tử cho thấy có những biến đổi địa chất từ xa xưa đã đưa vùng đất này lên cao. Phần lớn các nhà khoa học đều có ý kiến cho rằng trước đây hàng chục vạn năm dải đất vùng Đông Bắc đã bị nước biển dâng trào và bị tác động bào mòn của nước biển. Dấu vết chứng minh là các dải đồi bề mặt tương đối bằng nhau của bậc thềm biển quá khứ.

Yên Tử có độ cao 700m trở lên, chủ yếu phân bố các loại đá tảng chồng xếp, các loại cuội kết, sạn kết. Xuống phía dưới (700m trở xuống) là sa thạch, phân sa và diệp thạch sét. Lớp đất Feralit nâu vàng phát triển trên sa phiến thạch, vàng hoặc vàng nâu phát triển trên sạn, sỏi kết, sa thạch, có độ dày trung bình 30–60cm, càng lên phía trên càng mỏng. Lớp đất mùn thực vật dày 20–30cm được phân bố chủ yếu ở phía dưới thấp, phía trên 700m chỉ đọng lại các vùng giữa các phiến đá.

Với đặc trưng trên, tình trạng địa chất mở kiến tạo của Yên Tử là không ổn định, dễ bị biến dạng, sụt lở do chấn động, đồng thời hiện tượng phong hoá và xói mòn do tác động khí hậu tạo ra hiện tượng trôi trượt lớp đá tảng đức gãy và cuội sỏi kết. Điều này tạo lên tính phiêu lưu mạo hiểm đối với du khách.

#### *2.1.2.3 Địa hình*

Khu vực núi Yên Tử được tính từ suối Giải Oan (độ cao 125m) lên đỉnh chùa Đồng (cao 1068m). Nhìn từ ảnh, ta có thể thấy rõ đây là vùng địa hình có cùng cấu trúc hình thể bị tác động bởi địa chất. Phía trên chân núi là lớp đồi xếp thoải dần theo triền 3 giông núi dâng dần lên đỉnh là vết đứt gãy đột ngột ở phía Tây và phía Bắc tạo nên đỉnh Yên Tử. Phía Bắc hình thành vách núi dựng đứng

ngăn cách đất Quảng Ninh và Hà Bắc (cũ). Phía Tây bờ vực xuôi dần hình thành bờ dốc lớn. Các giông của núi Yên Tử đã tạo nên hệ suối Vàng Tân và hệ suối Giải Oan.

Đọc theo giông chính của Yên Tử là con đường hành hương xưa lên tới đỉnh cao nhất được chia thành 3 vùng địa hình khác nhau.

- Vùng thứ nhất: từ chùa Giải Oan (độ cao 130m) lên đến chùa Hoa Yên (cao độ 500m) có bề mặt tương đối bằng phẳng, độ dốc dọc theo giông trung bình từ  $15^{\circ}\text{C} \div 30^{\circ}\text{C}$ .

- Vùng thứ hai: từ Hoa Yên lên An Kỳ Sinh (độ cao 900m) có địa hình bề mặt gồ ghề, vách đá và đá sạn kết, nhiều đoạn dốc đột ngột hoặc đứt gãy tạo thành vực dốc và hàm ếch. Độ dốc dọc theo giông trung bình từ  $25^{\circ}\text{C} \div 45^{\circ}\text{C}$

- Vùng thứ 3: từ tượng An Kỳ Sinh lên tới chùa Đồng (độ cao 1068m) có bề mặt gồ ghề nhiều lớp đá tảng nứt gãy chông xếp nhưng tương đối thoải, độ dốc trung bình dọc theo giông từ  $15^{\circ}\text{C} \div 20^{\circ}\text{C}$ .

Khu vực các di tích phía ngoài (chùa Bí Thượng, chùa Suối Tắm, chùa Cẩm Thực, chùa Lân...) có địa hình tương đối thoải đặc trưng của hệ thống đồi thấp.

### *2.1.2.3 Khí hậu, thủy văn*

#### *a. Khí hậu*

Với vị trí địa lý nằm trong cánh cung Đông Triều – Móng Cái có nhiều dãy núi cao ở phía Bắc và thấp dần xuống phía Nam đã tạo cho Yên Tử một khí hậu đa dạng, phức tạp vừa mang tính chất khí hậu miền núi, vừa mang tính chất khí hậu miền duyên hải. Khu di tích Yên Tử chịu ảnh hưởng của vùng khí hậu Đông Bắc Bộ mang nét đặc trưng nóng ẩm, mưa nhiều về mùa hè, khô hanh kéo dài về mùa đông.

Chế độ mưa: Tổng lượng mưa trung bình năm của Yên Tử đạt 1.600mm, năm thấp nhất là 1.200mm, năm cao nhất đạt 2.200 mm. Lượng mưa tập trung nhiều vào các tháng 6,7,8 chiếm khoảng 60% tổng lượng mưa hàng năm. Nhiều nhất vào tháng 7 có lượng mưa lớn nhất 346,3mm và ít nhất vào tháng 11 có lượng mưa là 29,2mm. Lượng mưa trung bình các tháng trong năm là 133,3mm.

Số ngày mưa trung bình năm là 153mm. Với đặc điểm như thế này, mặc dù Yên Tử là khu vực có lượng mưa rất thuận lợi với mức độ thích nghi của con người nhưng trong trường hợp mưa lớn thường có lũ làm ảnh hưởng đến sản xuất và đi lại. Còn vào những tháng mùa khô dễ gây hiện tượng cháy rừng.

Chế độ nhiệt: Nhiệt độ trung bình năm là 22.2°C. Mùa hè nhiệt độ trung bình từ 28-30°C, cao nhất 34-36°C. Mùa đông nhiệt độ trung bình từ 17-20°C, thấp nhất từ 10-12°C. Có thể nói đây là yếu tố khá thuận lợi cho việc phát triển du lịch của khu vực.

Chế độ gió: có 2 hướng gió thịnh hành là Đông Nam thổi vào mùa hè và Đông Bắc thổi vào mùa đông. Trong các tháng mùa hè, ở đây thường chịu ảnh hưởng của mưa bão. Trung bình mỗi năm có từ 2-3 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào thành phố với sức gió và lượng mưa khá lớn.

Độ ẩm không khí: Trung bình năm 81%, cao nhất 89,3%, thấp nhất 50,8%. Tháng có độ ẩm cao nhất là tháng 3, có độ ẩm trung bình là 84,4%, thấp nhất là tháng 11, có độ ẩm trung bình là 76,5%.

Nhìn chung, theo đánh giá khách quan thì mặc dù vẫn còn những yếu tố chưa đạt yêu cầu, tuy nhiên với độ ẩm tương đối cao, lượng mưa lại chủ yếu nằm ngoài mùa lễ hội và nhiệt độ trung bình không cao đã tạo điều kiện thời tiết khá thuận lợi cho du khách tới thăm quan và cúng lễ.

#### b. Thủy văn

Khu di tích Yên Tử có 3 hệ thủy chính đều bắt nguồn từ dãy Yên Tử là hệ suối Vàng Tân (tiểu khu 9), hệ suối Giải Oan (tiểu khu 32, 37) và hệ suối Bãi Dâu nằm trong khu di tích nội vụ. Trước đây, các suối này đều có nước quanh năm phục vụ rất tốt cho sản xuất nông nghiệp (cánh đồng Năm Mẫu) và sinh hoạt của nhân dân trong vùng. Song trong 4 năm gần đây, do khai thác than và tàn phá rừng quá mạnh, đất và đá thải ra đã không được giải quyết hợp lý, trôi xuống lấp dần các suối, làm nước quanh năm đục ngầu và lấp cả lúa và hoa màu.

Với các đặc điểm này, rõ ràng thủy văn không phải là yếu tố tự nhiên mang tính thuận lợi cao cho việc phát triển du lịch ở Yên Tử. Tuy nhiên, nếu nhìn tổng thể đặc điểm trên phạm vi cả nước thì có thể nhận thấy những điều



kiện này của khu vực chưa thể gọi là khó khăn và hoàn toàn mang tính bất lợi. Hơn nữa, bên cạnh những điều kiện không thuận lợi như lượng mưa không cao, nguồn nước khan hiếm...thì vẫn còn đó những mặt tích cực như việc mưa lớn nằm ngoài thời gian diễn ra lễ hội hay việc khan hiếm nước chỉ đến từ những tác động tiêu cực của con người.

#### *2.1.2.4 Sinh vật*

##### *a. Thảm thực vật Yên Tử*

Từ khu vực suối Giải Oan lên tới chùa Đồng là nơi có rừng và thảm thực vật tiêu biểu. Trong khoảng thời gian 1068m này thảm thực vật chia ra hai loại đều vô cùng phong phú và đa dạng:

- Thảm thực vật rừng nhiệt đới nằm trong kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa từ độ cao 700m trở xuống có nhiệt độ trung bình 25°C, lượng mưa 2.000mm, độ ẩm 90%.

- Loại thảm thực vật rừng có độ cao 700m trở lên nằm trong kiểu khí hậu á nhiệt đới có nhiệt độ trung bình 15 – 18°C, lượng mưa trên 2.000mm, độ ẩm trên 90%.

Rừng Yên Tử lá rộng, kín thường xanh với hơn 121 họ và 428 loài cho thấy sự phong phú, đa dạng của rừng. Sự có mặt của loại Táo mặt quỷ, Táo muối, Sến mật, Giổi, Vù hương, Lim xanh cho thấy thực vật rừng Yên Tử đặc trưng cho luồng thực vật Miền Bắc Việt Nam (nhất là vùng Đông Bắc). Nhiều loại gỗ quý bắt gặp ở đây như Lim xanh, Táo mối sao Hòn Gai, Hoang đàn, Giổi, Gội, Trâm....và hàng trăm loại cây dược liệu quý giá như Long não, Ba kích, Đẳng sâm, Xuyên nhung, Cao lạc tiên, Trầu một lá...Bên cạnh đó, rừng ở đây còn có các ưu hợp Sến + Giẻ, Chẹo + Giẻ, Trám + Táo, Trâm, Chẹo...mang ý nghĩa quý hiếm, cần được bảo vệ.

Ngoài ra cần phải kể đến các loài lan đẹp, lá đẹp của Yên Tử, trong đó nổi bật là Phong Lan, Trà Mi, Đỗ Quyên...Đặc biệt trúc các loại ở đây mọc đầy rừng, có những khi chỉ toàn thấy trúc. Những loài hoa ở đây thường nở hoa, thay lá theo mùa, phù hợp với cảnh sắc của nơi tham quan, du lịch, lễ hội truyền thống.

## b. Động vật Yên Tử

Động vật ở đây cũng có hàng trăm loại. Trước đây như sử sách ghi lại, Yên Tử vốn là một vùng rừng núi trùng điệp từng nổi tiếng về những loài cầm thú lớn như hổ, báo, gấu, lợn rừng và cả voi nữa, còn các loại thú rừng thì không kể xiết. Nhưng đến nay, chủ yếu do tác động của con người, động vật rừng Yên Tử đã thưa vắng nhiều. Hiện nay chỉ còn các loại thú như: gấu, lợn rừng, hươu, nai, tắc kè, chim trĩ, gà lôi, cáo, chồn... Tuy vậy, được nhìn thấy các loài thú thiên nhiên hoang dã giữa núi rừng thiên nhiên, ở một mức độ nào đó vẫn có sự thu hút đối với khách du lịch.

### **2.1.3 Tài nguyên du lịch nhân văn**

Bên cạnh nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên mang tính đặc sắc cao, Yên Tử vốn được mệnh danh là đất Phật còn có cụm tài nguyên du lịch nhân văn rất phong phú và đa dạng mà trong đó nổi tiếng là hệ thống các ngôi chùa, toà tháp và các am nổi tiếng linh thiêng. Ngoài ra Yên Tử còn nổi tiếng với các lễ hội truyền thống thu hút được sự quan tâm và tham gia của du khách thập phương.

#### *2.1.3.1 Đền, chùa*

- *Chùa Bí Thượng*: Theo các nhà khoa học thì chùa Bí Thượng được xây dựng từ sau thời Trần và là cửa ngõ, chốn dừng chân lễ Phật đầu tiên của du khách thập phương hành hương vào đất tổ Thiên Phái Trúc Lâm. Thời Pháp thuộc, chùa bị đốt và xây dựng lại nhiều lần. Đến kháng chiến thì chùa bị Pháp san bằng và nay còn lưu lại nền móng hoang phế cùng một ngôi tháp gạch hai tầng.

- *Chùa Cầm Thực (Linh Nham Tự)*: Tương truyền vua Trần Nhân Tông sau khi rời Suối Tắm đến đây định dừng chân ăn cơm mới biết rằng cầm thú đã cướp hết cả. Nhà vua chỉ còn biết uống nước cầm hơi nên sau này khi dựng chùa người ta đã đặt tên là Cầm Thực. Chùa Cầm Thực hiện nay ta thấy còn có kiểu kiến trúc được xác định vào thời nhà Nguyễn, tức là rất gần đây. Chùa dài 30m, chia làm 6 gian. Cạnh chùa có một ngọn tháp chưa rõ xây vào thời đại nào, gồm có hai loại vật liệu chính là gạch và đá.

- *Chùa Lân (Long Động Tự)*: Theo các nhà khảo cổ học thì chùa Lân

được xác định là một công trình kiến trúc khá lớn trước đây nhờ tìm thấy những mô hình nhà bằng đất nung và căn cứ vào mặt bằng khu vực mà trước đây chùa được xây dựng. Chùa có tên Chùa Lân bởi chùa dựa vào vách ngọn núi có hình con Lân và trông như một dòng suối. Hai bên và quanh chùa có tới 25 ngọn tháp gạch và đá. Ngọn tháp đẹp nhất và cổ nhất có tên gọi là Tịnh Quang với văn bia ghi rõ năm xây dựng là Bảo Thái thứ 8 (1727). Tháp chính là mộ của sư tổ chùa này có pháp danh là Tuệ Đăng hoà thượng.

- *Chùa Giải Oan*: Chùa được xây dựng dựa vào sườn núi trông ra suối Giải Oan. Chùa có tên gọi như vậy là để siêu độ cho những cung phi vì đã ngăn vua Trần Nhân Tông đi tu mà gieo mình xuống suối tự vẫn. Hiện nay chùa Giải Oan chỉ còn 3 gian xây dựng hình chuỗi vồ (kiến trúc kiểu thời Nguyễn) và có hệ thống tượng Phật. Đồ thờ cũng khá hoàn chỉnh mặc dù phần lớn đều là làm mới cả. Phía trước chùa trên giải đất hẹp còn giữ được 2 ngọn tháp nhỏ đã được sửa chữa nhiều lần bằng gạch.

- *Cụm Tháp Huệ Quang (Tháp Tổ)*: đây là cụm tháp lớn nhất Trung tâm Phật Giáo Yên Tử gồm 97 ngọn tháp lớn nhỏ nằm thành hàng lối san sát trên một mặt bằng khá rộng, phía trước mặt chùa chính là Chùa Hoa Yên. Cụm di tích đặc sắc nguyên được xây dựng từ thời Trần, nay được tôn thêm vẻ uy nghi, cổ kính bởi những cây đại thụ tới 700 tuổi. Công trình kiến trúc này đáng chú ý nhất là Tháp Tổ Huệ Quang. Theo nhà nghiên cứu Du Chi thì Tháp Huệ Quang nguyên dạng xây dựng Thời Trần nay chỉ còn lại nền móng. Tháp như hiện nay nhỏ bé hơn nhiều so với tháp cũ và có kích thước cấu trúc khác hẳn. Tháp mới mỗi chiều chỉ dài 2,1m bố trí mặt bằng theo kiểu hình vuông đơn giản và phổ biến. Tháp có 5 tầng đều làm bằng đá. Viên tầng dưới cùng được trang trí hoa văn dây và hình cánh sen. Tầng dưới cùng của tháp được xây dựng cao hơn để đặt tượng đá thờ Trần Nhân Tông. Pho tượng này là một tác phẩm điêu khắc có giá trị. Tượng cao 0,62m ở tư thế ngồi hình hoa sen (liên hoa toạ). Cái quý giá nhất của hợp thể tháp Huệ Quang là bức tượng hiện vật hiếm hoi còn lại của kiến trúc thời Lê Sơ.

- *Chùa Hoa Yên (Vân Yên cũ)*: Đây là chùa chính của trung tâm Phật giáo

Yên Tử. Từ tháp Huệ Quang đi lên trên chùa, một con đường lát bằng 84 viên gạch vuông in hoa cúc, điển hình cho gạch thời Trần mách bảo vị trí quan trọng của chùa Yên Tử. Chùa Hoa Yên vốn có tên là Chùa Vân Yên nghĩa là mây khói...Từ khi Lê Thánh Tông(1470-1497) lên văn cảnh thấy sắc hoa tươi đẹp nên cho đổi là chùa Hoa Yên. Chùa hiện nay là chùa mới được xây dựng sau những lần hoả hoạn. Quanh chùa có nhiều bia và chuông.

- *Chùa Một Mái (Bán Thiên Tự)*: Chùa này tương truyền là nơi xưa kia Điều Ngự Giác Hoàng thường ngồi để tụng kinh, đọc sách. Chùa nhỏ, chỉ có một mái nằm chênh vênh trên vách núi đá dựng đứng. Chùa hiện nay được xây dựng mới nhưng rất đơn giản. Điều đặc biệt nhất của chùa này là hầu như tượng phật, đồ thờ đều được làm bằng đá trắng có tuổi đời khá cao. Bên cạnh chùa có hai tháp gạch, một là Thanh Long Động, một là Thanh Long Tháp và một gian nhà nhỏ dành cho vãi chùa ở.

- *Am Dược và Am Hoa*: Am Dược là nơi mà các nhà sư luyện thuốc cứu độ chúng sinh. Vào thời nhà Trần, các ngự y thường lên đây để luyện thuốc. Am này hiện nay đã trở thành phế tích, đáng kể chỉ còn lại hai ngọn tháp: một bằng đá và một bằng gạch. Dù là phế tích nhưng ở đây vẫn đủ chứng tích của một công trình kiến trúc của người xưa. Am Hoa ở gần Am Dược cũng có kiến trúc tương tự nhưng ở dạng phế tích trầm trọng hơn. Hiện nay Am này chỉ còn một ngọn tháp nhưng đã sụp đổ từ lâu. Tên Am Hoa đưa ta đến một liên tưởng về việc Lê Thánh Tông cho đổi tên chùa Vân Yên Thành Hoa Yên vì nơi đây vốn là vùng có nhiều hoa thơm cỏ ngọt.

- *Am Ngọa Vân*: Trên đường thượng sơn, cùng với Thác Ngự Dội, Am Ngọa Vân ở phía trái chùa Hoa Yên. Am Ngọa Vân nay đã bị cháy trụi chưa được khôi phục đến. Đến đây du khách chỉ còn thấy mấy bức tường đổ nát và hoang phế. Vậy mà xưa kia nơi đây chính là một trong vài di tích vua Trần Nhân Tông hay đến để tụng kinh niệm phật. Năm 1308, Ngài đã viên tịch tại đây.

- *Tháp Độ Nhân và chùa Phổ Hà*: nằm phía sau chùa Hoa Yên, Tháp Độ Nhân được xây dựng từ đời nhà Trần, là một công trình kiến trúc tháp tuyệt mỹ. Nay hầu như đã là phế tích nhưng những viên đá men xanh nổi tiếng thời Trần như

viên gạch hình đầu kỳ lân còn lại đã giúp người đời sau tự đánh giá về ngọn tháp và tiếc thay cho sự mất đi một kiến trúc Phật Giáo tiêu biểu một thời. Chùa Phổ Đà nay chỉ còn là một phế tích mờ nhạt nằm trong cụm di tích hệ thống tháp Độ Nhân. Tục truyền chùa này là một chùa khá lớn do Pháp Loa đệ nhị tổ Thiên phái Trúc Lâm xây dựng. Đây là một ngôi chùa có vị trí quan trọng trong hệ thống di tích Phật Giáo Yên Tử, nhất là khi được biết rằng nó được xây dựng vào đời Trần\_ thời kỳ khai sang của Thiên phái Trúc Lâm Việt Nam.

- *Chùa Bảo Sái*: Đây là tên gọi một đệ tử của vua Trần Nhân Tông và sau này trở thành tổ sư của chùa này. Bảo Sái nằm trên lưng chừng vách núi, có hai bậc sân phái trước được kê đá chắc chắn. Chùa này hiện nay là công trình kiến trúc mới 5 gian. Ngoài chùa còn có 3 ngọn tháp đều mới được trùng tu. Bên cạnh chùa, phía trong là căn nhà nhỏ xây dựng cũng sơ sài dành cho tăng ni. Đặc trưng đáng chú ý là chùa có tượng của ba vị Tam tổ Thiên phái Trúc Lâm: Điều Ngự Giác Hoàng tổ đệ nhất, Pháp Loa đệ nhị tổ và Huyền Quang đệ tam tổ. Cả ba pho tượng đều được đúc bằng đồng và sơn son thiếp vàng, bên trong rỗng để đựng bài vị ghi rõ tên tuổi, lai lịch của mỗi vị. Ngoài ra Bảo Sái cũng là một ngôi chùa có nhiều tượng và đồ thờ cúng, chuông đồng có giá trị.

- *Chùa Vân Tiêu và cụm tháp 9 tầng*: Hiện nay mới dựng lại một gian nhỏ bên cạnh mấy bức tường đổ nát của chùa cũ để thờ 3 vị Phật cũng đều là tượng mới cả. Bên cạnh chùa còn giữ cả một văn bia bằng đá nhưng đã long đẽ chưa được xây cất lại. Trước mặt chùa, trên một ngọn núi thấp hơn là quần thể cụm tháp chín tầng (còn gọi là cụm Tháp Vọng Tiên Cung) gồm có 6 ngọn xây dựng bằng đá và gạch. Đáng chú ý là ngọn tháp Vọng Tiên Cung lớn nhất thuộc kiến trúc thời Nguyễn. Tháp có 9 tầng (nay còn 7 tầng) hình lục năng có bệ đá hình con rùa. Đây là một di tích quý cần được tôn tạo.

- *Chùa Đồng*: Theo các nhà khoa học thì chùa Đồng do một người thuộc dòng họ Trịnh xây dựng vào thời Lê – Trịnh. Đến nay chùa cổ không còn, chỉ còn lưu lại những lỗ chân cột đục sâu xuống nền đá. Người đời nay dựng lên trên đó một am nhỏ để thờ. Mãi gần đây một Chùa Đồng nhỏ mới được dựng cạnh chùa cũ. Trong chùa có đủ tượng, chuông, khánh, bát nhang...

### 2.1.3.2 Di tích

- *Hòn Ngọc (hòn Hạ Kiệu)*: Cách đây 7 thế kỷ, vua Trần Nhân Tông đã cho hạ kiệu để đi bộ lên vùng núi cao Yên Tử vì đường xá gập ghềnh, vách đá cheo leo không thể dùng phương tiện nào khác ngoài đôi chân. Hòn Ngọc có tên gọi là Hạ Kiệu từ đó. Hòn Ngọc là một cụm di tích gồm 8 ngọn tháp, nay chỉ còn có 3 ngọn tạm thời gọi là nguyên vẹn nhưng cũng đã qua trùng tu nhiều lần. Những ngọn tháp này có 3 tầng và đều là tháp đá được xây dựng có thể là vào thời nhà Lê. Ngọn xưa nhất có niên đại Cảnh Hưng năm thứ 19 (1785). Ngọn thứ hai là tháp Bảo Chân dựng năm 1770. Ngọn thứ ba mang tên Trịnh Trú được xây dựng năm 1963. Những tháp còn lại chỉ còn là những phế tích nhô khỏi mặt đất chút ít, xung quanh xếp vài viên gạch rất sơ sài.

- *Tượng An Kỳ Sinh*: Tượng nằm trên một bãi rộng, cây mọc lúp xúp thuộc một đỉnh núi thường xuyên có mây mù che phủ. Đây là một quần thể gồm di tích chính là tượng đá An Kỳ Sinh, am thờ và mộ một vị sư tương truyền là đệ tử An Kỳ Sinh. Tượng đá có dáng một đạo sĩ đang thuyết pháp giữa lòng lộng mây trời, là một kiệt tác mà cho tới bây giờ vẫn chưa khẳng định đây là tác phẩm của tạo hóa hay của con người. Điều đáng nói ở đây là cảnh quan xung quanh bức tượng đã bị con người làm xấu đi nghiêm trọng.

### 2.1.3.3 Lễ hội

Hàng năm lễ hội Yên Tử được tổ chức từ mùng 10 tháng Giêng kéo dài đến gần như quanh năm nhưng chủ yếu đến 3 tháng. Thời gian này chủ yếu đón tiếp các Phật tử và nhân dân hành hương về Yên Tử. Trong số rất nhiều lễ hội được tổ chức ở Yên Tử thì mỗi lễ hội có nội dung và hình thức riêng biệt rất độc đáo. Các lễ hội chính (7 lễ hội) được quan tâm đặc biệt ở Yên Tử là:

- Lễ hội vào mùa xuân hội Yên tử: Lễ hội này diễn ra tại trảng bằng dưới chân núi Yên Tử, nơi đóng trụ sở của Ban quản lý, vào trung tuần tháng Giêng âm lịch. Lễ hội vào mùa có quy mô hoành tráng và rất tưng bừng. Các trò chơi dân tộc mang tính đại chúng và các tiết mục nghệ thuật được trình diễn tại lễ hội này.

- Lễ hội thứ hai kỷ niệm danh nhân đạo sỹ An Kỳ Sinh tu tiên đặc pháp,

đạt độ trường sinh, hóa đá trên đỉnh núi. Lễ hội này diễn ra vào trung tuần tháng Hai âm lịch.

- Lễ hội tưởng niệm Thiền sư Hiền Quang, vào đầu tháng ba âm lịch.

- Lễ hội tưởng niệm Đệ Nhị tổ Thiền phái Trúc Lâm Pháp Loa vào ngày 01/3 âm lịch tại chùa Bảo Sái.

- Lễ hội tưởng niệm Đệ Tam tổ Thiền phái Trúc Lâm Huyền Quang Lý Đạo Tái vào cuối tháng Năm âm lịch.

- Lễ hội tưởng niệm Đệ Nhất tổ Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông vào ngày 21/10 âm lịch tại chùa Hoa Yên.

- Lễ hội giải oan tại chùa Giải Oan vào ngày 20/11 âm lịch.

Ngoài 7 lễ hội chính trong năm, ở Yên Tử còn thường xuyên có các hoạt động văn hóa văn nghệ như: tại trảng bằng dưới chân núi Yên Tử, người ta sẽ dựng lên những quán phong nguyệt để thưởng trăng, ngắm hoa, nghe thổi sáo trúc và uống trà ướp hoa cúc vàng, hay tại đây người ta thường xuyên trình diễn những cuộc trình diễn giả trang gọi là những cuộc trình diễn Ngụ Ngôn....

Ngoài ra ở đây là có sân để dạy võ và diễn võ Trúc Lâm, còn có hồ nước và nhà thủy đình để diễn ra múa rối cạn. Nơi đây còn có nhà bát giác, tường lũng xung quanh, mái long đình, giữa sân có sân khấu vuông để trình diễn, diễn xướng các loại dân ca, dân vũ, dân nhạc các vùng, miền trong cả nước và diễn các trò hề truyền thống.

#### **2.1.4 Đánh giá chung**

Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử hội tụ đầy đủ cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Đây là những yếu tố vô cùng quan trọng đối với việc phát triển du lịch và đặc biệt là mục tiêu phát triển du lịch bền vững cho Yên Tử.

Về tài nguyên du lịch nhân văn, Yên Tử là trung tâm Phật giáo lớn của Việt Nam, là khu vực có giá trị văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên đẹp, là một điểm nhấn quan trọng trong hệ thống du lịch văn hóa tín ngưỡng, sinh thái của Trung tâm du lịch Bắc Bộ ( Hà Nội- Hải Phòng- Hải Dương) và các khu vực phía Bắc.

Ông cha ta đã để lại những di sản văn hóa gồm chục ngôi chùa, hàng trăm am tháp, hàng ngàn di vật cổ quý giá chứa đựng những giá trị tinh thần, tư tưởng triết lý của Thiền Phái Trúc Lâm và nền văn hóa rực rỡ của Đại Việt cho Yên Tử. Đó chính là những thế mạnh để Yên Tử phát triển loại hình du lịch lễ hội, du lịch tìm hiểu về văn hóa, lịch sử

Hơn nữa Yên Tử có môi quan hệ chặt chẽ, gắn kết lâu dài trong lịch sử với quần thể di tích nhà Trần vùng đất Đông Triều, các di tích nằm trong khu bảo tồn Tây Yên Tử thuộc huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đã để lại những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô giá tạo nên những giá trị văn hóa hết sức to lớn. Di sản nói trên không chỉ có ý nghĩa trong việc tạo bảo vệ mà còn mở ra những triển vọng cho việc phát triển kinh tế du lịch, chiến lược không gian bền vững cho khu di tích.

Về tài nguyên du lịch tự nhiên, do vị trí địa lý giáp quốc lộ 18A, thuận tiện đường giao thông từ các tỉnh phía Bắc tới dễ dàng đã tạo điều kiện liên kết cho Yên Tử với các tỉnh khác trong vùng du lịch Bắc Bộ, nổi tour, tuyến du lịch, mở rộng khai thác thị trường du lịch.

Toàn bộ hệ thống các chùa, am, tháp và các phế tích hiện nay chủ yếu nằm trong 2.686,5 ha Rừng đặc dụng Yên Tử. Rừng đặc dụng Yên Tử là một danh thắng đẹp, nổi tiếng có hệ sinh thái về thực vật và động vật phong phú đa dạng của khí hậu vùng nhiệt đới và á nhiệt đới với nhiều loại gỗ và thú quý hiếm được ghi vào sách đỏ Việt Nam, đặc biệt có nhiều loại dược liệu phong phú, vô giá. Rừng đặc dụng Yên Tử có giá trị tiềm năng du lịch rất lớn về cảnh quan thiên nhiên, về môi trường sinh thái, là nơi có điều kiện rất tốt phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, lưu giữ các nguồn gen quý hiếm. Rừng là mái nhà bảo vệ gìn giữ các di tích, các giá trị văn hóa, là tài sản vô giá mà ông cha ta để lại cho Yên Tử.

Với những thuận lợi trên, nếu khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên du lịch Yên Tử sẽ có đầy đủ điều kiện để phát triển bền vững. Tuy nhiên bên cạnh những lợi thế trên thì việc phát triển du lịch ở Yên Tử vẫn còn gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển bền vững ở nơi đây:



- Lịch sử hình thành và phát triển của Yên Tử kéo dài gần 700 năm qua, những biến cố thăng trầm của lịch sử và sự hủy hoại của thiên nhiên đã làm cho các di tích bị xuống cấp một cách trầm trọng.

- Người dân nơi đây vẫn chưa ý thức được trong việc bảo vệ và khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên tự nhiên, vẫn còn hiện tượng khai thác thú và gỗ quý hiếm làm cho mất cảnh quan của khu du lịch. Không nhưng thế đây là tác động trực tiếp gây tới hiện tượng xói mòn tài nguyên thiên nhiên

## **2.2 Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ở Yên Tử**

### **2.2.1 Cơ sở hạ tầng**

#### **2.2.1.1 Hệ thống giao thông**

Yên Tử nằm trong địa bàn thành phố Uông Bí có đường 18A, đường 10 chạy qua. Khách vào khu di tích và danh thắng Yên Tử có thể đi bằng các đường sau. Gồm 2 loại hình chính:

- Tuyến đường Dốc Đỏ- Bến xe Giải Oan mới được nâng cấp, cải tạo hoàn thành năm 2008 bằng nguồn vốn phát triển du lịch. Tổng chiều dài 16km, mặt cắt từ 7-9m, chất lượng tốt.

- Tuyến đường nội vi trong di tích: dành cho các phương tiện đi bộ và cáp treo gồm các phân đoạn:

+ Bến xe- Chùa Giải Oan: dài 330m, chất lượng tốt

+ Chùa Giải Oan- Tháp Tổ: dài 1602, đã được kè bậc đá, rộng từ 2,5m đến 3m, chất lượng tốt được đầu tư hoàn thiện năm 2010.

+ Tháp Tổ - Chùa Một Mái: dài 600m, kè bằng đá, hệ thống lan can chất lượng tốt, được đầu tư hoàn thiện năm 2008.

+ Chùa Một Mái - Chùa Bảo Sái: dài 800m, chất lượng trung bình, đây là tuyến bám theo địa hình tự nhiên, độ dốc lớn (từ 40- 50°), được đầu tư xây dựng bậc đá hoàn thiện năm 2008.

+ Chùa Một Mái - Tượng đá An Kỳ Sinh: dài 600m, là tuyến đường kè đá cải tạo nâng cấp, chất lượng trung bình được hoàn thiện năm 2009.

+ Tượng đá An Kỳ Sinh - Chùa Đồng: dài 720m (đường lên) bám theo triền núi tự nhiên, đoạn đường này đã được nâng cấp cải tạo.

+ Tượng đá An Kỳ Sinh - Chùa Đồng: dài 800m (đường xuống) bám theo triền núi tự nhiên, chất lượng tốt, được đầu tư cải tạo năm 2009.

+ Chùa Hoa Yên - Chùa Vân Tiêu - Tượng Am Kỳ Sinh: dài 1.200m, độ dốc lớn, đường hẹp, địa hình hiểm trở cần có thiết kế đầu tư.

+ Tuyến đường Đông Tây vào các điểm Am Hoa, Am Dược chưa được đầu tư khôi phục cải tạo

#### *2.2.1.2 Hệ thống cáp treo*

Để tiết kiệm thời gian và sức khỏe cho du khách thì Công ty cổ phần đầu tư và XNK Quảng Ninh đã đầu tư xây dựng hệ thống cáp treo phục vụ khách du lịch tới tham quan Yên Tử. Hệ thống cáp treo ở Yên Tử gồm có 2 tuyến:

- Tuyến 1 (Chùa Giải Oan- Hoa Yên): dài 1,2km, công suất 3.000người/h, mới được cải tạo nâng cấp năm 2009.

- Tuyến 2 (Chùa Hoa Yên- Tượng An Kỳ Sinh): dài 1km, công suất 1.800người/h, được đầu tư mới năm 2008.

#### *2.2.1.3 Hệ thống bãi đỗ xe*

Hiện nay ở Yên Tử đã đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe cho khách du lịch với quy mô lớn. Gồm có 4 bãi đỗ xe chính:

- Điểm đỗ xe Chùa Trình: đang được cải tạo với quy mô 2.000m<sup>2</sup>.

- Điểm đỗ xe chùa Suối Tắm, Cẩm Thực: mới có mặt bằng, quy mô nhỏ.

- Bãi đỗ xe Thiên Viện Trúc Lâm - Yên Tử: đã được đầu tư xây dựng với quy mô 5.000m<sup>2</sup>.

- Quy mô bến xe Giải Oan: rộng 6ha, ngày cao điểm lượng xe ô tô vào Yên Tử trên 3000 xe, xe máy là 12.000 xe.

#### *2.2.1.4 Hệ thống cấp thoát nước:*

- Về cấp nước: chủ yếu dùng nguồn nước tự nhiên. Hiện nay Yên Tử chưa có hệ thống cung cấp nước đồng bộ, nguồn nước chất lượng chưa tốt, đang sử dụng nhiều nguồn nước khác nhau như hệ thống nước do người dân và các hàng quán tự tạo lấy từ Thác Vàng, Thác Bạc. Nguồn này tuy ổn định nhưng dễ bị ô nhiễm. Ngoài ra còn sử dụng nước giếng, nước mưa song nguồn nước này thường cạn kiệt không đủ dùng trong sinh hoạt. Chia ra 2 khu vực:

+ Khu vực ngoại vi: Tại Dốc Đỏ và các khu vực khác sử dụng nước ngầm khoan cục bộ và nước mạch tại các suối.

+ Khu vực nội vi: Các điểm du lịch, khu kinh doanh và quản lý sử dụng chủ yếu nguồn nước mưa và nước suối. Vào mùa khô, nguồn nước kém.

- Về thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước mặt trên tuyến đường từ Dốc Đỏ đến bến xe Giải Oan đã được đầu tư mới theo dự án đường. Trong các bãi đỗ xe chưa có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, làm hư hại kết cấu mặt sân.

+ Hệ thống thoát nước mặt tại các điểm di tích và tuyến đường hành hương chưa được đầu tư xây dựng. Hệ thống kè taluy ven đường chưa được xây dựng nên thường gây sạt lở.

#### *2.2.1.5 Hệ thống nguồn điện*

Yên Tử có một trạm phát sóng đặt tại khu vực Hoa Yên. Lưới điện và nguồn cấp điện cơ bản đảm bảo, nhiều tuyến dây đi qua rừng làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung.

Khu di tích Yên Tử đang sử dụng mạng điện chung của Thành phố Uông Bí qua đường dây 372- 35KV cấp từ Vàng Danh sang. Khu vực nội vi khu di tích Yên Tử, nguồn điện cấp qua các trạm 35/0,4KV tại khu vực xã Thượng Yên Công, Bến xe Giải Oan và các nhà ga cáp treo.

### **2.2.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật**

#### *2.2.2.1 Cơ sở dịch vụ*

Trong khu vực Yên Tử các cơ sở dịch vụ tập trung chủ yếu tại khu vực bến xe Giải Oan có 10 cơ sở phục vụ ăn uống, 7 gian bán hàng lưu, chủ yếu do tư nhân đầu tư. Các điểm dịch vụ được xây dựng từ 1- 2 tầng bằng vật liệu như: Tôn, khung sắt, bê tông cốt thép chất lượng xấu gây ảnh hưởng đến cảnh quan chung. Ngoài ra còn một số điểm dịch vụ tập trung tại khu vực nhà ga cáp treo, khu vực Chùa Hoa Yên có 7 cơ sở phục vụ dịch vụ ăn uống lưu trú, An Kỳ Sinh, chùa Bảo Sái và một số điểm nhỏ trên tuyến hành hương do tư nhân và một số doanh nghiệp đầu tư, kiến trúc chưa hợp cảnh quan, chất lượng thấp, quy mô nhỏ. Hiện tại trong khu di tích Yên Tử có 3 nhà hàng đáp ứng được nhu cầu của

du khách là Nhà Sàn Tùng Lâm, Nhà Hàng Hoàng Long và Cơm Chay Nàng Tấm.

**Bảng 2.1: Bảng tổng hợp cơ sở dịch vụ tại Yên Tử**

<b>Năm</b>	<b>Nhà nghỉ</b>	<b>Nhà hàng</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	<b>Quầy hàng lưu niệm</b>	<b>Các điểm trạm sơ cấp</b>
<b>2005</b>	3	5	2	55	1
<b>2006</b>	7	7	5	68	2
<b>2007</b>	9	11	8	88	2
<b>2008</b>	14	14	10	91	3
<b>2009</b>	17	18	10	104	4
<b>2010</b>	17	19	12	120	4
<b>4/2011</b>	17	20	12	125	5

( Nguồn “ Ban quản lý Yên Tử”)

#### 2.2.2.2. Nhà ở

Nhà ở trong khu vực di tích chủ yếu tập trung thành 2 khu vực:

+ Khu vực dọc theo đường Dốc Đổ đến Chùa Suối Tám chủ yếu là nhà kiên cố, một số khu vực đã có nhà cao từ 2-3 tầng, kiến trúc theo kiểu nhà đô thị, xây dựng khá sát đường.

+ Khu vực ngã tư Nam Mẫu là khu vực chủ yếu là người dân tộc sinh sống, nhà ở tại một số khu vực ven núi vẫn là nhà 1 tầng chất lượng thấp, kết hợp sân vườn tạo nên một bản sắc riêng.

#### 2.2.2.3. Thông tin liên lạc

Mạng lưới thông tin liên lạc đã được đầu tư xây dựng, đảm bảo liên lạc thông suốt. Hiện nay trong khu di tích đã dựng được 09 cột thu phát sóng, trong đó: Vinaphone 03 cột, Viettel 04 cột, Mobiphone 02 cột. Ngoài ra vào mùa lễ hội Viettel tăng cường thêm 01 trạm thu phát sóng lưu động đặt tại bên xe Giải Oan để đáp ứng nhu cầu về thông tin liên lạc của đông đảo du khách.

### 2.3 Thực trạng nguồn nhân lực

Khu di tích Yên Tử nằm chủ yếu trên địa bàn xã Thượng Yên Công và xã Phương Đông thuộc Thành Phố Uông Bí. Dân số của xã Thượng Yên Công là

5.506 người, trong đó có 6 dân tộc anh em cùng chung sống đó là: Dân tộc Kinh có 2.316 người (chiếm 43,28%), dân tộc Dao có 2820 người (chiếm 51,2%), dân tộc Tày có 239 người (chiếm 5,3%), dân tộc Hoa có 45 người (chiếm 0,13%), dân tộc Nùng có 15 người (chiếm 0,003%), dân tộc Sán Chỉ có 18 người (chiếm 0,01%). Xã Thượng Yên Công có 1130 hộ.

Dân số xã phương Đông là 12.857 người, dân số nằm trong khu vực di tích khoảng trên 6.000 người. Ngoài dân địa phương, trong có 4 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn xã: dân tộc Kinh chiếm 95%, dân tộc Dao chiếm 3%, dân tộc Hoa chiếm 1%, dân tộc Tày chiếm 1%.

Ban quản lý di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử được thành lập năm 1992, Ban quản lý Yên Tử giữ vai trò quản lý và bảo vệ khu di tích. Cùng với nhiệm vụ quản lý, giữ gìn khu di tích, Ban quản lý cũng tham gia một số lĩnh vực của hoạt động khai thác du lịch như:

- Thu vé tham quan văn cảnh (năm 2008 được gia cho công ty phát triển Tùng Lâm).
- Quản lý, thu nhận tiền thuê điểm dịch vụ kinh doanh của các nhà hàng, nhà nghỉ, khu trọ, các điểm bán hàng lưu niệm.
- Tuy không trực tiếp kinh doanh nhưng Ban quản lý có vai trò quản lý về giá cả của dịch vụ hàng hoá đảm bảo về an ninh và môi trường.
- Ngoài ra Ban quản lý còn quản lý việc thu nhận tiền công đức và thu phí đường.

Số lượng lao động theo cơ cấu lao động của Ban quản lý Yên Tử gồm 60 cán bộ công nhân viên (năm 2005) trong đó có 48 nam và 12 nữ. Có trên 60% lao động có trình độ đại học, cao đẳng, trên 20% trình độ trung cấp, còn lại chưa qua lớp đào tạo nghiệp vụ.

Khu vực di tích Yên Tử còn có các lực lượng lao động: Đại đội 6 Thông tin Yên Tử, Trung Tâm quản lý Yên Tử, Công ty cổ phần phát triển Tùng Lâm, Ban quản lý dự án tôn tạo Yên Tử với số lượng lao động thường xuyên trên 300 người vào các thời điểm Hội xuân lực lượng lao động trên 1.000 người.

Vì hai xã miền núi có nhiều dân tộc thiểu số cùng cư trú và sinh sống do

đó nền kinh tế phát triển thấp với cơ cấu còn đơn giản, chủ yếu dựa vào nông nghiệp, lâm nghiệp và một số hoạt động khác. Đất canh tác chiếm khoảng 4% tổng diện tích đất đai của 2 xã, trong đó khoảng 39% diện tích là trồng lúa nước, 45% là trồng cây hoa màu. Ngoài nguồn sống chính là lúa nước, ở đây chăn nuôi gia súc, gia cầm chỉ đủ sức kéo, phân bón và cung cấp thực phẩm tại chỗ, chưa có sản phẩm hàng hoá. Các hoạt động kinh tế khác còn manh mún, tự phát, chưa trở thành phong trào và mô hình cơ bản. Do đó lương thực chỉ cung cấp đủ trong khoảng 7-8 tháng trong năm. Những tháng còn lại người dân sống phụ thuộc vào hoạt động khai thác lâm thổ sản như: gỗ, nấm, măng, cây thuốc.....Hiện nay nguồn tài nguyên rừng ngày càng được quản lý chặt chẽ, nên đời sống của nông dân cũng gặp rất nhiều khó khăn. Nhà nước và chính quyền địa phương cũng như Trung tâm quản lý di tích và danh thắng Yên Tử đã cố gắng tìm nhiều biện pháp giúp nhân dân xoá đói giảm nghèo qua các công việc du lịch, thương mại trong khu di tích, chính việc tạo điều kiện cho người dân trong khu vực tăng thêm nguồn thu nhập, giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên của khu di tích.

#### **2.4 Thực trạng hoạt động và đầu tư**

Trong những năm qua, vấn đề đầu tư phát triển du lịch ở Yên Tử đã và đang rất được chú trọng cụ thể như sau:

##### **2.4.1 Về đầu tư nước ngoài**

Thời kỳ từ 1999 đến 2010, Yên Tử đã thu hút được rất nhiều dự án nước ngoài trong đó lớn nhất là đầu tư của Hiệp Hội UNESCO trùng tu tôn tạo Chùa Vân Tiêu với số vốn 100.000.000.000 đồng.

##### **2.4.2 Về đầu tư trong nước**

Đầu tư trong nước giai đoạn 1999- 2010 chủ yếu tập trung vào việc trùng tu, tôn tạo các am, tháp, chùa và xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà hàng, bổ sung các dịch vụ du lịch và các phương tiện vận chuyển

Hiện nay công việc đầu tư vẫn đang được hoàn thiện đồng thời tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, chú trọng đến chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá sản phẩm, chú trọng đến quy hoạch bảo tồn và tôn tạo các giá trị tài nguyên du lịch

### **2.4.3 Về đầu tư khai thác tài nguyên**

Tài nguyên của Yên Tử khá phong phú và đa dạng, được phân bố rộng rãi nhưng giá trị để phục vụ du lịch chủ yếu tập trung vào việc khai thác nguồn tài nguyên du lịch nhân văn, khai thác các giá trị văn hoá lịch sử tiềm ẩn trong hệ thống am, chùa, tháp, trong các lễ hội được tổ chức tại nơi đây.

Hiện nay Ban quản lý dự án tôn tạo Yên Tử đang phối hợp với công ty cổ phần phát triển Tùng Lâm trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống cáp treo nhưng không làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái của rừng đặc dụng Yên Tử. Đồng thời kết hợp với Ủy ban nhân dân 2 xã Phương Đông và Thượng Yên Công trong việc bảo tồn và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên, nghiêm cấm các hành động khai thác thú và các lâm sản quý hiếm bán trong dịp lễ hội, giáo dục cho người dân ý thức bảo vệ tài nguyên du lịch.

## **2.5 Kết quả hoạt động du lịch**

### **2.5.1 Khách du lịch**

#### **2.5.1.1 Số lượng**

Lượng khách đến thăm quan tại Yên Tử tăng khá nhanh qua từng năm từ 2000 đến tháng 4 năm 2011. Theo số lượng thống kê, năm 2000 lượng khách (quốc tế và nội địa) đến Yên Tử chỉ đạt 180.820 lượt thì tới các năm tiếp theo số lượng khách ngày càng tăng nhanh. Năm 2007 đạt 902.600 lượt, năm 2008 đạt 1.803.900 lượt, năm 2009 có khoảng 2.104.700 lượt tăng 99,8% so với năm 2008. Hơn nữa theo số liệu thống kê thì tháng 4/2011 lượng khách tới Yên Tử tăng khá nhanh đạt 1.503.000 lượt bằng 107% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách nước ngoài là 3000 khách; tổng doanh thu ước đạt gần 300 tỷ đồng.

Đặc biệt, lượng khách đến Yên Tử trong mùa lễ hội tăng đột biến vào những năm gần đây, khách tập trung cao điểm vào mùa lễ hội từ tháng 1 đến tháng 3 âm lịch (chiếm 80- 90% lượng khách của cả năm). Theo số liệu thống kê, lượng khách du lịch đến Yên Tử trong cả giai đoạn từ năm 2005 đến 2010 có tốc độ tăng trưởng bình quân là 15% năm.

**Bảng 2.2: Lượng khách du lịch từ năm 2000- 2010**

STT	Năm	Số lượng khách		
		Khách nội địa	Khách nước ngoài	Mức độ tăng trưởng (%)
1	2000	180.000	820	22,3
2	2001	220.000	1.200	49,7
3	2002	330.000	1.240	9,06
4	2003	360.000	1.280	9,06
5	2004	365.000	1.340	1,4
6	2005	370.000	1.500	1,4
7	2006	380.000	1.700	2,74
8	2007	900.000	2.600	136,4
9	2008	1.800.000	3.900	99,8
10	2009	2.100.000	4.700	1,67
11	2010	2.100.000	5.600	0,04

( Nguồn: “Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2000-2010 của BQL Yên Tử”)

Thời gian đầu, theo số lượng thống kê lượng khách đến Yên Tử chủ yếu là khách nội địa, khách du lịch nước ngoài chỉ chiếm một lượng ít. Tuy nhiên hiện nay con số này đã tăng đáng kể, lượng khách nước ngoài đến với Yên Tử tăng nhanh, năm 2010 là 5.600 lượt tăng 19,1% so với năm 2009 là 4700 lượt. Đây là một tín hiệu vui cho du lịch Yên Tử nói riêng và du lịch Quảng Ninh nói chung.

#### *2.5.1.2 Cơ cấu khách và tính mùa vụ*

Trong một vài năm gần đây, lượng khách đến Yên Tử là tương đối lớn, tuy nhiên lượng khách này lại phân bố không đồng đều vào các tháng trong năm. Lượng khách tập trung chủ yếu vào dịp lễ hội đầu năm kéo dài 3 tháng từ tháng 1 đến tháng 3 âm lịch. Chính vì vậy gây lên tình trạng quá tải cho khu di tích. Theo số liệu thống kê 2 năm gần đây, lượng khách đến Yên Tử vào 3 tháng hội xuân chiếm đến gần 85% lượng khách cả năm. Điều đó làm cho du lịch Yên Tử có tính mùa vụ rõ rệt.

Không chỉ mang tính mùa vụ, lượng khách du lịch đến Yên Tử còn có đặc



điểm là phân bố không đều theo các ngày trong tuần hay có thể tạm gọi là “hiệu ứng cuối tuần”. Lượng khách đến Yên Tử vào các ngày cuối tuần gấp khoảng 1,7 lần so với các ngày thường, nghĩa là trung bình cứ có 3 khách du lịch đến vào ngày thường thì sẽ có 5 khách du lịch đến vào cuối tuần.

Sở dĩ Yên Tử xảy ra “Hiệu ứng cuối tuần” vì ngoài việc chịu sự chi phối sâu sắc của thời gian lễ hội được diễn ra, Yên Tử còn chịu ảnh hưởng lớn từ loại hình du lịch đặc trưng (du lịch tín ngưỡng) và vị trí địa lý của khu vực.

Loại hình du lịch đặc trưng của khu du lịch Yên Tử là du lịch tín ngưỡng-tâm linh. Chính vì vậy, thời gian cho chuyến đi không nhất thiết phải kéo dài (thường chỉ khoảng 1 ngày), hơn nữa Yên Tử lại có vị trí khá thuận lợi khi gần nguồn cung cấp khách du lịch lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương...do đó càng thuận tiện cho việc khách du lịch thực hiện những chuyến du lịch ngắn ngày về với đất phật. Chính vì lẽ đó cho nên những chuyến du lịch này thường chỉ kéo dài từ 1- 2 ngày mà chủ yếu là 2 ngày cuối tuần và điều này đã gây lên tình trạng quá tải vào cuối tuần tại Yên Tử.

Theo các số liệu và toán toán ở trên thì trung bình lượng khách tiếp đón vào ngày thường (trong mùa lễ hội) cũng đã vượt quá ngưỡng cho phép (sức chứa cho phép) của khu di tích (3.124khách/ngày) là 1,5 lần chứ chưa nói tới ngày cuối tuần (2,6 lần) hay những ngày đặc biệt (6,5 lần). Điều này rõ ràng là có tác động không tốt đến cảnh quan và môi trường tại khu du lịch Yên Tử.

Bên cạnh đó, việc đón tiếp một lượng lớn khách du lịch lại chỉ tập trung vào 3 tháng lễ hội làm cho các phương tiện du lịch không đảm bảo duy trì khả năng phục vụ tốt nhất cho du khách đến đây tham quan. Chẳng hạn: vào những ngày hội xuân thì hệ thống các nhà vệ sinh ở khu vực Yên Tử đều chưa thể đáp ứng được nhu cầu của khách, hay việc khách du lịch phải chờ đến hàng giờ (theo ý kiến của khách).

Mặc dù vẫn biết du lịch Yên Tử là du lịch lễ hội và sẽ không còn du lịch lễ hội nếu lượng khách đến đây lại không phân bố đều trong năm. Hơn nữa khách du lịch đến đây đa phần là vì mục đích tâm linh nên môi trường đông người sẽ thu hút lớn đối với họ. Tuy nhiên, hãy thử hình dung với các tuyến du lịch có chiều dài khoảng 6000m, chiều rộng trung bình của tuyến là 2,5m thì diện tích của tuyến du lịch là 15.000m<sup>2</sup>, cộng với các khoảng trống của điểm

tham quan có diện tích khoảng 7000m<sup>2</sup> để di chuyển và hoạt động. Và với điều kiện như vậy, chưa chắc sức thu hút nói trên đã thắng thế so với những khó chịu mà khách du lịch gặp phải trong suốt quá trình thực hiện tuyến du lịch.

Ngoài ra, ta cũng biết rằng, đối với mỗi tác động thì hệ sinh thái đều cần có một khoảng thời gian nhất định để phục hồi. Do đó, việc một lượng lớn khách du lịch đến tham quan vào cùng một thời điểm và diễn ra liên tục trong một thời gian tương đối dài sẽ làm cho khả năng tái tạo lại của hệ sinh thái địa phương không thể phục hồi. Và chính điều này dễ dẫn tới sự suy thoái của môi trường tự nhiên.

Cùng với những lợi ích mang đến cho người dân địa phương khi tiếp đón một lượng khách du lịch lớn, thì chính điều này cũng tạo lên những trở ngại tác động trực tiếp đến môi trường tự nhiên (đất, nước...) và thông qua đó tác động không tốt đến đời sống của người dân.

Như vậy, có thể xem việc đón tiếp khách du lịch mà không có những biện pháp điều chỉnh hợp lý lượng khách này chính là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới những tác động xấu cho môi trường thiên nhiên của khu vực. Và nếu xem xét cụ thể trên một khía cạnh nào đó thì có thể nói đây là hành động mà kết quả của nó dẫn tới việc hủy hoại môi trường tự nhiên.

### **2.5.2 Doanh thu du lịch**

Việc đón tiếp một lượng khách du lịch lớn hàng năm đã mang lại cho Thành phố Uông Bí và tỉnh Quảng Ninh một nguồn lợi kinh tế không nhỏ.

**Bảng 2.3 Doanh thu du lịch của khu vực Yên Tử trong 5 năm gần đây**

Đơn vị tính: đồng

<b>Năm</b>	<b>Thực thu</b>
2007	40.347.000.000
2008	90.000.000.000
2009	277.612.000.000
2010	323.165.711.900
4/2011	299.669.000.000

( Nguồn: “Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2000-2010 của BQL Yên Tử”)

Theo các số liệu thống kê thì trong 4 năm gần đây từ 2007- 2010 doanh thu du lịch ở Yên Tử tăng nhanh. Năm 2007 đạt 40.347.000.000 đồng, năm 2008 đạt 90.000.000.000 đồng tăng 123%. Năm 2009 đạt 277.612.000.000 đồng. Năm 2010 đạt 323.165.711.900 đồng tăng 16,4% so với năm trước. Đặc biệt tính tới hết tháng 4/2011 doanh thu du lịch đạt gần 300 tỷ đồng, tăng 107% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong số các nguồn thu từ du lịch thì chủ yếu là doanh thu từ việc thu vé văn cảnh, thu tiền đi cáp treo và tiền công đức là nguồn thu chính. Tính riêng năm 2010, doanh thu từ các nguồn thu này chiếm 82% tổng doanh thu từ du lịch

**Bảng 2.5: Doanh thu và lượng khách từ cáp treo qua các năm**

<b>Năm</b>	<b>Lượt khách (người)</b>	<b>Khách đi cáp treo</b>	<b>Doanh thu cáp treo (đồng)</b>
<b>2006</b>	489.500	330.450	16.216.000.000
<b>2007</b>	977.000	426.900	30.900.000.000
<b>2008</b>	1.148.000	637.450	55.560.000.000
<b>2009</b>	1.699.512	462.900	69.490.000.000
<b>2010</b>	2.122.000	6.848.000	67.525.000.000

( Nguồn: “Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2000-2010 của BQL Yên Tử” )

Tuy nhiên, bên cạnh nguồn lợi này thì khu du lịch Yên Tử phải đối mặt với những vấn đề về việc bảo tồn các di tích và bảo vệ môi trường. Do lượng khách du lịch đến đây khá lớn, lại chỉ tập trung vào những thời điểm diễn ra lễ hội nên rất dễ dẫn đến tình trạng quá tải, gây hư hỏng và làm xuống cấp nhanh các di tích vốn đã khá nhiều tuổi. Theo số liệu thống kê, trong thời gian diễn ra lễ hội, cao điểm khu du lịch có thể đón tới hơn 2 vạn lượt người/ngày. Điều này sẽ tạo lên một sức ép đáng kể lên môi trường tự nhiên cũng như môi trường nhân văn ở khu du lịch. Ngoài ra không phải khách du lịch nào cũng có ý thức cao về vấn đề môi trường nên việc gây ra ô nhiễm môi trường ở ngay tại khu du lịch là việc có thể dự đoán được.

Như vậy, rõ ràng việc đón tiếp một lượng khách du lịch lớn, lại tập trung

vào một thời điểm sao cho không làm nguy hại đến lượng khách du lịch lớn, lại tập trung vào một thời điểm sao cho không làm nguy hại đến nguồn tài nguyên du lịch cũng như không gây ra các tác động xấu với môi trường xung quanh là điều không hề đơn giản. Hơn nữa, việc tiếp đón sao cho không chỉ người tiếp đón mà cả khách du lịch cũng cảm thấy thoải mái, thoải mãn sau chuyến du lịch cũng là một vấn đề rất đáng quan tâm của các nhà quản lý và điều hành du lịch.

## **2.3 Nhận xét tình hình phát triển du lịch ở khu vực Yên Tử theo các tiêu chí phát triển du lịch bền vững**

### **2.3.1 Xét theo tiêu chí kinh tế**

Qua việc phân tích, đánh giá thực trạng phát triển du lịch tại Yên Tử\_Quảng Ninh dựa vào tiêu chí phát triển du lịch bền vững về kinh tế, cụ thể như sau:

- Về lượng khách: Lượng khách đến thăm quan tại Yên Tử tăng khá nhanh qua từng năm từ 1999 đến tháng 3 năm 2011. Theo số liệu thống kê, lượng khách du lịch đến Yên Tử trong cả giai đoạn từ năm 2003 đến 2010 có tốc độ tăng trưởng bình quân là 10-20%.

- Về thu nhập du lịch: Trong 5 năm từ 2006- 2010 thu nhập du lịch liên tục tăng trưởng liên tục.

- Về GDP du lịch: GDP du lịch của khu di tích Yên Tử tăng khá nhanh qua các năm qua chiếm một phần không nhỏ trong tổng GDP của cả Tỉnh Quảng Ninh. Trước đây chỉ là 1% nhưng bây giờ đã tăng lên 4% tổng GDP của tỉnh Quảng Ninh.

- Về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch: Trong những năm gần đây cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch trên địa bàn Yên Tử đã tăng rõ rệt với tốc độ tăng bình quân là 15%. Chất lượng hệ thống khách sạn không ngừng được nâng cao. Các cơ sở phục vụ ăn uống tăng trưởng liên tục về mặt số lượng và chất lượng. Hệ thống các phương tiện vận chuyển khách cũng tăng nhanh cả về số và chất.

- Về chi tiêu nguồn nhân lực: Ngày càng thu hút được số lượng đông đảo đội ngũ lao động có chuyên môn và kỹ thuật cao, đồng thời thu hút số lượng

người dân địa phương tham gia vào hoạt động du lịch ngày càng nhiều.

- Về tinh thần trách nhiệm trong hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch: Ban quản lý đã kết hợp với UBND thành phố yêu cầu các ngành chức năng, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện chu đáo, với tinh thần tiết kiệm, trang trọng, vui tươi lành mạnh, an toàn về người và tài sản cho du khách; đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống cháy nổ và làm tốt công tác bảo vệ rừng, bảo vệ cảnh quan môi trường. Các hoạt động văn hoá, tín ngưỡng tôn giáo, dịch vụ văn hoá, dịch vụ du lịch phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước, nhằm quảng bá hình ảnh của Yên Tử tới đông đảo du khách trong và ngoài nước, góp phần tôn vinh và phát huy các giá trị của Di tích - Danh thắng Yên Tử.

### **2.3.2 Xét theo tiêu chí về tài nguyên, môi trường**

- Về công tác quy hoạch: Hầu hết các khu vực ở Yên Tử đều được quy hoạch tổng thể, một số khu du lịch trong điểm được quy hoạch chi tiết. Đây là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý một cách hợp lý và bền vững, có hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ nghiêm ngặt các khu vực cần được bảo tồn và phát triển. Mặc dù hiện nay chất lượng quy hoạch và thực hiện quy hoạch còn chưa cao nhưng đánh giá chung chung đạt tiêu chuẩn bền vững.

- Về tài nguyên: Trong những năm qua, quá trình phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển du lịch ở Yên Tử nói riêng đã có nhiều tác động tiêu cực tới nguồn tài nguyên du lịch (cả tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn). Hầu hết các nguồn tài nguyên du lịch được huy động một cách triệt để làm một bộ phận không nhỏ nguồn tài nguyên bị suy giảm, kiệt quệ và đang bị quá tải. Cường độ hoạt động du lịch tại một số điểm du lịch như nhà ga cáp treo lên các điểm tham quan luôn trong tình trạng quá tải trong các dịp lễ hội, tạo áp lực quá lớn đối với tài nguyên và gây ra tình trạng mất cân đối trầm trọng về cung và cầu. Hay vào dịp lễ hội luôn gây ra tình trạng mất vệ sinh môi trường do lượng rác thải ra quá nhiều làm mất cảnh quan sinh thái, ô nhiễm nguồn nước....Từ đó có thể thấy tình trạng khai thác ở đây vẫn chưa bền vững.

- Về môi trường tự nhiên: Do tác động của quá trình phát triển du lịch nên

môi trường tự nhiên ở Yên Tử đang bị suy thoái nguyên trọng. Hầu hết các chỉ số về môi trường đều bị ô nhiễm và đều vượt quá mức cho phép. Ô nhiễm xảy trong môi trường nước (gồm cả nước mặt, nước ngầm), đất, không khí, sinh thái.

+ Tác động đến môi trường không khí: Ở hội xuân năm nay (2010) cùng với việc khi du lịch Yên Tử đón một lượng khách du lịch thì hệ thống các bãi đỗ xe cũng tiếp nhận một lượng không nhỏ các phương tiện giao thông mà chủ yếu là các xe ô tô và xe máy. Theo số liệu thống kê năm 2010, số lượng xe mà khu du lịch Yên Tử tiếp nhận trong 3 tháng hội xuân lên đến 94.314 phương tiện. Trong đó số lượng xe máy lên đến gần 90.000 chiếc, chiếm hơn 90% tổng các loại phương tiện giao thông. Như vậy theo số liệu này thì thời gian diễn ra lễ hội, trung bình một ngày, khu du lịch Yên Tử phải tiếp nhận hơn 1400 phương tiện giao thông của khách du lịch gây ra ô nhiễm về tiếng ồn, ô nhiễm không khí do bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông.

**Bảng 2.4: Thống kê các yếu tố môi trường không khí tại Yên Tử**

(Năm 2009)

Yếu tố	Bụi lơ lửng ( $\text{mg}/\text{m}^3$ )			Độ âm (dB)				SO <sub>2</sub>	NO <sub>2</sub>	CO
	Max	Min	TB	LAEQ	Max	Min	TB			
<b>Chùa Lân</b>	0,158	0,042	0,07	62,8	79,2	50,9	98,5	0,13	0,101	3,8
<b>Ngã 3 Đốc Đổ</b>	0,226	0,054	0,116	67,8	86,1	50,5	99,6	0,48	0,41	5,5
<b>Tiêu chuẩn (* )</b>			0,3	0,6				0,5	0,4	40

(\*): *Tiêu chuẩn 3733/2002/QĐ-BHY*

(Nguồn: Báo cáo về môi trường của BQL Yên Tử năm 2009)

Theo số liệu trên thì chỉ số bụi lơ lửng trung bình trong không khí tại vị trí đo đạc (Chùa Lân) là  $0,07\text{mg}/\text{m}^3$ , chỉ số này thực tế vẫn thấp hơn nhiều (đến hơn 4 lần) so với chỉ số tiêu chuẩn cho phép ( $0,3\text{mg}/\text{m}^3$ ). Hơn nữa các chỉ số nồng độ khí độc hại SO<sub>2</sub> (0,13), NO<sub>2</sub> (0,101), CO (3,8) trong không khí khu

vực cũng thấp hơn khá nhiều so với tiêu chuẩn cho phép. Nếu nhận xét các thông số đo đạc ở ngã ba Dốc Đỏ, nơi mà lưu lượng xe khá lớn thì chỉ số bụi lơ lửng (0,116) cao hơn so với chỉ số ở chùa Lân khá nhiều. Tuy nhiên chỉ số này nhìn chung vẫn thấp hơn so với số chỉ tiêu chuẩn. Ngay cả các chỉ số nồng độ độc hại SO<sub>2</sub> (0,48), CO (5,5) cũng gần như nằm trong tiêu chuẩn cho phép, chỉ duy có chỉ số về nồng độ khí NO<sub>2</sub> (0,41) là hơi vượt quá chỉ số tiêu chuẩn. Đây rõ ràng là những chỉ số đáng mừng và thuyết phục về môi trường không khí của khu du lịch Yên Tử.

Tuy nhiên chỉ số về độ ồn được đo ở đây lại chưa đảm bảo yêu cầu. Cũng theo số liệu trên thì số về độ ồn ở hai khu vực đo đạc là chùa Lân và ngã ba Dốc Đỏ lần lượt là 62,8 dB và 67,8dB trong khi chỉ số cho phép là 60dB nghĩa là vượt qua số lượng cho phép. Tuy vượt qua số liệu cho phép về độ ồn nhưng rõ ràng chỉ số vượt là không lớn và nếu có những biện pháp hợp lý để giảm thiểu độ ồn cho khu vực thì thiết nghĩ vấn đề này sẽ được giải quyết.

+ Tác động tới môi trường nước: Với nguồn nước và mạch nước ngầm tương đối phong phú, môi trường nước dùng cho sinh hoạt và mục đích khác của khu du lịch đều cung cấp từ 2 nguồn nước này. Hệ thống các cơ sở dịch vụ ở đây bố trí gần như dọc khắp tuyến đi cùng với việc các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch chưa đảm bảo làm cho mỗi ngày, môi trường ở khu vực chịu một lượng nước thải lớn từ các quán bặt này. Bên cạnh đó, vấn đề vệ sinh cho du khách vẫn chưa được Ban quản lý quan tâm, để ý nhiều (số lượng các nhà vệ sinh dọc tuyến đi chưa đảm bảo về số lượng và chất lượng) gây ra sự khó chịu cho du khách và tác động tới môi trường sinh thái làm cho môi trường nước bị ảnh hưởng phần nào.

**Bảng 2.5: Nhận xét của khách du lịch về hệ thống cơ sở vật chất**

Mục	Chưa đảm bảo	Bình thường	Khá đảm bảo	Tổng số
Số lượng	14	16	36	66
Tỷ lệ (%)	21,2	24,2	54,6	100

(Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra KDL của Ban quản lý Yên Tử)

+ Tác động đến tài nguyên sinh vật: do người dân địa phương ở đây đã lao vào khai thác nguồn sản phẩm từ rừng để phục vụ cho mục đích du lịch mà không ý thức được những tác động của mình (hoặc cũng có thể ý thức nhưng do điều kiện sinh nhai) có thể dẫn đến sự suy giảm về đa dạng sinh học, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực.

Theo điều tra, người dân địa phương ở đây một ngày khai thác trung bình khoảng 7kg sản phẩm. Các sản phẩm được khai thác thường là măng, ba kích, long lão, cao lạc tiên, đấng sâm, cùng các loại động vật như Tắc kè, chim trĩ, gà Lôi, chồn, rùa, cây hương... Đây đều là những tài nguyên quý giá của Yên Tử. Như vậy nếu trung bình một ngày có 50 người khai thác thì lượng tài nguyên rừng bị mất đi là 0,35 tấn. Một mùa lễ hội sẽ lấy đi của nguồn rừng Yên Tử một lượng tài nguyên khổng lồ, lên đến hàng chục nghìn tấn mà khả năng phục hồi của rừng có hạn.

+ Tác động từ nguồn rác thải rắn: Vấn đề rác thải môi trường luôn là một trong những vấn đề bức thiết không khu du lịch nào không gặp phải và Yên Tử cũng vậy

**Bảng 2.6: Thống kê lượng rác thải tại các địa điểm tập kết**

STT	Tên địa điểm	Số lượng rác thải 1 ngày(m <sup>3</sup> )	Tính trung bình
1	Khu vực Bến xe Giải Oan	10 - 12	11
2	Khu vực nhà khách	1 - 2	1,5
3	Chùa Giải Oan	1,5 - 2,5	2
4	Tháp Tổ	1	1
5	Chùa Hoa Yên	7 - 9	8
6	Dịch vụ Đông Hoa Yên	2 - 3	2,5
7	Chùa Bãi Sỏi	1,5 - 2	1,7
8	Chùa Vân Tiêu	0,5 - 1	0,7
9	An Kỳ Sinh	1,2 - 2	1,5
10	Chùa Đồng	2 - 3	2,5
11	Khu vực ga cáp treo	15 - 17	16
	<b>Tổng</b>		<b>48,4m<sup>3</sup></b>

(Nguồn: Báo cáo về môi trường của BQL Yên Tử năm 2009)



Lượng rác thải trung bình một ngày trong dịp lễ hội của Yên Tử khá lớn, ước tính khoảng  $50m^3$  (chưa kể các quán bán hàng dọc đường). Như vậy một năm tổng cộng khối lượng rác thải vô cơ gồm (chai nhựa, lọ thủy tinh, lọ nhôm, sắt...) chiếm khoảng 80%, còn lại 20% là rác thải hữu cơ.

Nguồn xả thải chủ yếu của Yên Tử vào dịp lễ hội là khách du lịch (ý thức chưa cao). Với lượng khách du lịch có ngày lên đến 2 vạn người thì lượng rác thải ở đây cũng phải lên tới hàng trăm mét khối. Tuy nhiên vấn đề phức tạp ở chỗ lượng rác thải không tập trung tại một hoặc hai điểm nhất định mà rải đều khắp tuyến đi. Theo số liệu thống kê tại các điểm tập kết rác dọc tuyến đường hàng hương thì lượng rác thải tập trung chủ yếu ở khu vực nhà ga cáp treo ( $16m^3$ ), bến xe Giải Oan ( $11m^3$ ), và chùa Hoa Yên ( $8m^3$ ), sau đó đến khu vực chù Đông, dịch vụ Đông Hoa Yên và nhà khách...

- Nguy cơ bị mất đi môi trường sinh thái của các loài sinh vật, huỷ hoại nguồn lợi và giảm các giá trị sinh học. Đây là dấu hiệu cho thấy sự phát triển thiếu bền vững. Những áp lực của môi trường lên hoạt động du lịch cũng như những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch lên môi trường đặt ra cho du lịch Yên Tử yêu cầu phải có những đánh giá tác động môi trường tại các khu, điểm du lịch và giải pháp môi trường trong lĩnh vực du lịch.

### **2.3.2 Xét theo tiêu chí về văn hoá, xã hội**

Cùng với các tác động về kinh tế, tài nguyên, môi trường, quá trình phát triển du lịch ở Yên Tử cũng tác động mạnh mẽ tới văn hoá và xã hội của khu vực. Du lịch Yên Tử phát triển đã góp phần vào việc giải quyết các vấn đề xã hội như nâng cao đời sống của người dân hai xã. Bên cạnh đó nó cũng giải quyết vấn đề thất nghiệp và bán thất nghiệp của người dân địa phương đồng thời cũng góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức của người dân trong việc bảo vệ và tôn tạo tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn. Bên cạnh đó thu nhập từ du lịch cũng được sử dụng trong việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất, giao thông, thông tin liên lạc góp phần thúc đẩy đời sống người dân lên cao.

Theo số liệu thống kê của BQL, du lịch phát triển hàng năm đã giải quyết được việc làm cho hơn 300 lao động trong địa bàn xã. Các lao động này chủ yếu

hoạt động trong hoạt động dịch vụ, kinh doanh các loại hình ăn uống giải trí, các dược liệu, các đặc sản địa phương hay các mặt hàng lưu niệm để phục vụ nhu cầu của khách. Trong dịp lễ hội, nhiều người dân địa phương đã cải thiện được thu nhập từ dịch vụ du lịch như: dịch vụ chụp ảnh cho khách du lịch và biểu diễn văn nghệ dân tộc, dịch vụ lưu trú, và một số dịch vụ mang tính đặc trưng của khu du lịch cũng được hình thành như việc hình thành các tuyến xe ôm chạy từ chân núi Yên Tử ra đường 18A và ngược lại, hay dịch vụ gánh đồ lễ lên các chùa cho du khách..

Bên cạnh những mặt tích cực thì du lịch cũng đem lại nhiều tác hại. Trong những năm qua sự phát triển của du lịch cũng đã kéo theo sự du nhập của một số văn hoá không lành mạnh, gia tăng các tệ nạn xã hội và các bệnh truyền nhiễm, các bệnh xã hội. Tiếp đó, là một số tác động tiêu cực tới các phong tục tập quán, lễ hội lâu đời ở đây. Sự phát triển của du lịch còn làm mất đi sự cân bằng của cán cân cung cầu, làm gia tăng giá cả tại khu du lịch ảnh hưởng đến đời sống xã hội dân cư. Đây là dấu hiệu của sự thiếu phát triển bền vững.

Như vậy trong những năm gần đây, hoạt động du lịch tại Yên Tử đã có những đóng góp tích cực về mặt kinh tế bên cạnh đó cũng gây ra những tác động tiêu cực đến tài nguyên-môi trường, văn hoá-xã hội.

### **Tiểu kết chương 2**

Qua những nội dung đã nghiên cứu ở chương 2 và căn cứ vào thực trạng phát triển du lịch ở Yên Tử, có thể đưa ra một số kết luận sau:

- Việc phát triển du lịch ở khu vực Yên Tử trong những năm gần đây đã có những đóng góp tích cực về mặt kinh tế, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, đồng thời nâng cao tổng sản phẩm du lịch cho khu vực Yên Tử nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung.

- Tuy nhiên sự phát triển du lịch một cách mạnh mẽ cũng gây ra những tác động tiêu cực tới tài nguyên, môi trường và đời sống xã hội của người dân địa phương. Đó là dấu hiệu của phát triển du lịch chưa bền vững.

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở YÊN TỬ**

### **3.1 Quan điểm du lịch bền vững và nhiệm vụ của khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử**

Du lịch bền vững là hệ thống quan điểm phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển các hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống của con người.

Khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử được hình thành với nhiệm vụ chính là bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử đã hàng trăm năm tuổi. Bên cạnh đó, khu di tích còn có nhiệm vụ khác liên quan đến việc phát triển kinh tế của cộng đồng dân cư địa phương, tạo mối quan hệ và phục vụ tham quan du lịch trên cơ sở thoả mãn nhu cầu du lịch của du khách, đó là nhiệm vụ tham gia vào các hoạt động du lịch, là phương tiện để giáo dục môi trường và góp phần vào việc hỗ trợ, duy trì tính đa dạng của hệ sinh thái ở đây.

Như vậy, qua việc tìm hiểu quan điểm của du lịch bền vững cũng như mục tiêu, nhiệm vụ của khu di tích Yên Tử, ta thấy rõ ràng việc áp dụng quan điểm du lịch bền vững vào hoạt động du lịch ở khu di tích Yên Tử là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp. Có thể xem đây là một hướng đi chính xác trong quá trình khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên du lịch của khu di tích này.

### **3.2 Định hướng phát triển du lịch bền vững ở Yên Tử**

#### **3.2.1 Quan điểm, mục tiêu**

Di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) được xác định là bộ phận quan trọng cấp thành môi trường sống của con người. Di sản văn hóa là loại tài sản quý giá không thể tái sinh và không thể thay thế nhưng rất dễ bị biến dạng do tác động của yếu tố ngoại cảnh (khí hậu, thời tiết, thiên tai, chiến tranh), sự phát

triển kinh tế một cách ồ ạt, sự đầu tư không đúng mức, sự khai thác không có sự kiểm soát chặt chẽ và cuối cùng là việc tôn tạo, bảo tồn, trùng tu, tổ chức bảo quản, tu bổ, phục hồi tôn tạo di tích là một công việc quan trọng đối với tất cả các di tích. Công tác này nhằm phòng ngừa, hạn chế và bảo vệ các di tích trước sự tác động của môi trường tự nhiên và trước những hoạt động của con người, giúp cho các di tích đảm bảo tính nguyên gốc và nhiều mặt như: vị trí, cấu trúc, chất liệu, vật liệu kỹ thuật truyền thống... để bảo vệ và phát huy giá trị của di tích một cách tốt nhất.

Di tích lịch sử-văn hóa Yên Tử là một trong những di tích hiện nay còn bảo lưu những giá trị văn hóa không lồ và vô giá của quốc gia dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, với vai trò, tầm quan trọng và những giá trị ưu việt còn sót lại của khu di tích Yên Tử, nhằm giữ gìn những tài sản của ông cha ta đã tạo dựng hàng trăm năm mới có được như ngày hôm nay và để những di sản đó còn mãi với thời gian đòi hỏi phải có những giải pháp giữ gìn, bảo tồn và tôn tạo hợp lý, đúng đắn... đó là:

*Thứ nhất:* Cần nhận thức rõ và đúng vai trò của công tác bảo tồn, tôn tạo, tiếp tục bảo tồn, tôn tạo các di tích còn sót lại theo đúng chính sách pháp luật của Nhà nước và Luật di sản. Tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ và phát huy di sản văn hóa vật thể và đầu tư vào hoạt động nghiên cứu, sưu tầm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể vốn đang còn hạn chế ở Yên Tử.

Ưu tiên hàng đầu là công tác bảo vệ và phát huy các mặt giá trị tiêu biểu của di tích (giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học và những chức năng tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống và công năng mới về phát triển du lịch ở Yên Tử)

*Thứ hai:* Áp dụng mọi biện pháp có thể để bảo tồn và trùng tu, tạo điều kiện lưu giữ lâu dài và chuyển giao yếu tố nguyên gốc và tính chân xác lịch sử của di tích cho thế hệ tiếp theo.

*Thứ ba:* Việc bảo tồn trùng tu lại di tích phải đảm bảo duy trì được những chức năng truyền thống của di tích là khu di tích tôn giáo linh thiêng, nơi diễn ra lễ hội xuân truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam

*Thứ bốn:* Trong việc thực hiện những giải pháp bảo tồn và phát huy di sản

văn hóa cần thực hiện những nguyên tắc sau:

- Chỉ can thiệp tối thiểu tới di tích, nhưng cần thiết lập một cơ chế duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ nhất là những di sản văn hóa vật thể đang bị xuống cấp và hư hỏng trong khu di tích để đảm bảo cho di tích được ổn định lâu dài.

- Khi tôn tạo các di tích cần đảm bảo tính nguyên vẹn, sự hài hòa của di tích với cảnh quan xung quanh, nhằm tạo điều kiện nổi bật các giá trị của di tích và cảnh quan di tích với mục đích đáp ứng cho việc khai thác di tích được thuận lợi.

- Khi tiến hành phục hồi di tích phải dựa trên những cứ liệu: Thám sát khảo cổ học, bản vẽ thiết kế ban đầu của di tích, tư liệu các di tích cùng thời, ảnh chụp di tích

*Thứ năm:* Cần tăng cường công tác nghiên cứu, sưu tầm các giá trị của di tích nhằm phát hiện cũng như việc bảo vệ và phát triển di tích một cách tốt hơn.

*Thứ sáu:* Hiện thực xã hội hóa các dự án công tác bảo tồn các di tích trong thời gian sớm nhất: Bảo tồn, tôn tạo các công trình kiến trúc Chùa; Bảo tồn tôn tạo các tháp nhất là các tháp trong khu vực Hòn Ngọc và Tháp Vọng Tiên Cung hiện đang bị xuống cấp nghiêm trọng; Bảo tồn, tôn tạo Am Dược, Am Hoa, Am Thiên Định, Am Diêm).

*Thứ bảy:* Bảo tồn tôn tạo các giá trị văn hóa phi vật thể: Lập hồ sơ khoa học các di tích, nhà trưng bày về Thiên Phái Trúc Lâm và Phật Giáo Việt Nam; Bảo tồn, tôn vinh các giá trị văn hóa lễ hội Yên Tử, các sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo; phục dựng các sinh hoạt văn hóa dân tộc của cư dân trong khu vực Yên Tử như các hoạt động văn hóa thể thao, chữa bệnh cổ truyền, các trò chơi dân gian mang đậm sắc thái riêng của cộng đồng dân tộc núi rừng Yên Tử.

Để góp phần bảo tồn và tôn tạo khu di tích danh thắng Yên Tử và phát triển thành một điểm du lịch nhân văn hấp dẫn du khách trong và ngoài nước cũng như góp phần mở rộng khu di tích tạo nên một quần thể di tích-danh thắng quy mô trong tương lai cần lập dự án mở rộng và phát triển khu di tích-danh thắng Yên Tử. Tiếp tục mở rộng không gian và diện tích về cả hai phía: Vùng

đệm khu di tích phía Đông và phía Nam thành phố Uông Bí, lập dự án mở rộng về không gian ở các di tích gồm cả một số di tích vùng Đông Triều như Am Ngọa Vân, Chùa Hồ THIên, Chùa Quỳnh Lâm. Quy hoạch quanh vùng cấm mốc xác định bảo vệ di tích, quy hoạch đất, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phát triển kinh tế xã hội ở khu vực vùng đệm xã Thượng Yên Công

### **3.2.2 Dự báo phát triển**

#### **3.2.2.1 Dự báo lượng khách**

Từ năm 2003 đến năm 2010, tỷ lệ khách đến Yên Tử tăng hàng năm từ 10-20%. Du khách thập phương và quốc tế đến Yên Tử cũng sẽ gia tăng do nhiều yếu tố như: Văn hoá tín ngưỡng có giá trị riêng của Yên Tử, các cơ sở hạ tầng được nâng cấp, cải tạo, nhiều hình thức tuyên truyền quảng bá. Dự báo tỷ lệ khách tăng trung bình năm từ 2010 đến 2020 từ 10-15% như sau:

TT	Loại khách (người)	Nm 2010		Dự kiến (người)	
		Khách	Tỷ lệ %	2015	2020
	Tổng khách	2.100.000	100	3.500.000	4.500.000
1	Quốc tế	5.600	2	50.000	200.000
2	Nội địa	2.094.400	98	3.450.000	4.300.000

*(Nguồn: Ban quản lý Yên Tử)*

Lượng khách tính toán trong dịp lễ hội:

- Ngày cao điểm: 80.000 – 100.000 khách/ngày.
- Ngày trung bình: 50.000 – 60.000 khách/ngày.
- Ngày thấp: 20.000 – 30.000 khách/ngày.

#### **3.2.3.2 Dự báo nhu cầu buồng khách sạn**

Do lượng khách đến Yên Tử ngày càng tăng, đặc biệt trong những năm tới các cơ sở dịch vụ, các loại hình thu hút khách ở lại Yên Tử ngày càng đa dạng, phong phú sẽ thu hút được nhiều du khách trong nước từ những miền xa xôi và khách quốc tế đến tham quan, nghỉ dưỡng. Do vậy nhu cầu khách nghỉ và hệ thống buồng khách sạn tại Yên Tử như sau:

*Phát triển du lịch bền vững ở Yên Tử, Quảng Ninh*

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>Tổng buồng</b>	<b>250</b>	<b>1280</b>	<b>2780</b>
1	Quốc tế	0	100	180
2	Nội địa	5	580	800
3	Phòng trọ	200	600	18.000

*(Nguồn: Ban quản lý Yên Tử)*

*3.2.2.3 Dự báo dân số, lao động*

Theo định hướng quy hoạch chung của Thành phố Uông Bí, dự báo tỷ lệ tăng dân số từ 3,25 đến 3,64%. Như vậy, tại khu vực Yên Tử dân số thuộc 2 xã ngoại thành, do vậy số dân tăng do tự nhiên không đáng kể, chủ yếu sẽ tăng do cơ học. Đến năm 2020 dân số trong khu vực tăng khoảng 3,4 nghìn người. Dự báo dân số trong khu di tích đến năm 2015 khoảng 15.500 người và đến năm 2020 khoảng 16.000 người.

<b>TT</b>	<b>Loại lao động</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>I</b>	<b>Tổng lao động trực tiếp (trong ban quản lý)</b>		<b>200</b>	<b>350</b>
1	Phục vụ khách quốc tế	30	100	255
2	Phục vụ khách nội địa	200	400	600
<b>II</b>	<b>Tổng lao động gián tiếp</b>	100	100	100
<b>II</b>	<b>Tổng lao động (I+II)</b>	<b>330</b>	<b>800</b>	<b>1.305</b>

*(Nguồn: Ban quản lý Yên Tử)*

3.2.2.4 Dự báo quy mô đất đai

<b>TT</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
<b>I</b>	<b>Đất sử dụng</b>	<b>1.377</b>	<b>14.8</b>
<b>1</b>	<b>Đất công cộng</b>	<b>74.2</b>	<b>0.8</b>
	Đất công cộng trong khu dân cư	4.5	
	Đất dịch vụ du lịch	69.7	
<b>2</b>	<b>Đất du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chữa bệnh</b>	<b>521</b>	<b>5.6</b>
<b>3</b>	<b>Đất ở</b>	<b>196</b>	<b>2.1</b>
	Đất ở đô thị	56	
	Đất ở làng xóm	140	
<b>4</b>	<b>Đất di tích lịch sử</b>	<b>260</b>	<b>2.8</b>
<b>5</b>	<b>Đất trung tâm nghiên cứu nuôi dưỡng động, thực vật</b>	<b>65</b>	<b>0.7</b>
<b>6</b>	<b>Đất cây xanh cảnh quan</b>	<b>127</b>	<b>1.4</b>
<b>7</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>133.8</b>	<b>1.4</b>
	Đường giao thông	100.7	
	Bãi đỗ xe	33.1	
<b>II</b>	<b>Đất nông, lâm nghiệp</b>	<b>7.880</b>	<b>84.8</b>
<b>III</b>	<b>Đất khác</b>	<b>38</b>	<b>0.4</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.295</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Ban quản lý Yên Tử)

3.2.3 Những định hướng chính

Việc định hướng phát triển du lịch bền vững ở khu vực Yên Tử rõ ràng không thể đặt ngoài những quan điểm về du lịch bền vững, những quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh Quảng Ninh hay những kế hoạch phát triển, quản lý của khu di tích Yên Tử. Bên cạnh đó, những tiềm năng du lịch và những dự báo về du lịch Yên Tử là những nguồn thông tin cần nắm bắt và tổng hợp trong quá trình thiết lập những định hướng cho khu du lịch này. Trên cơ sở đó, các định hướng cho việc phát triển du lịch bền vững của khu di tích Yên Tử tập trung vào



các vấn đề sau:

### *3.2.3.1 Tổ chức không gian du lịch*

Khu trung tâm lễ hội vẫn bố trí tại khu vực hiện nay, dự kiến mở rộng thêm từ 10-15ha bố trí thêm các hệ thống dịch vụ và các bến bãi gửi xe.

Hệ thống các điểm dịch vụ, các công trình quản lý tập trung chủ yếu được bố trí tại các khu vực Dốc Đỏ và khu vực bến xe Giải Oan và tại các điểm trên tuyến hành hương tại Hoa Yên và An Kỳ Sinh.

Khu vực chức năng khác như làng văn hóa, trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí được bố trí gần khu vực Hồ Yên Trung gắn kết với trung tâm dịch vụ vui chơi của Thành Phố.

Các khu dân cư nông nghiệp kết hợp du lịch văn hóa làng bản, các khu ở sinh thái nhà vườn tập trung tại khu thôn Năm Mẫu xã Thượng Yên Công.

Hệ thống giao thông hành chính vẫn lấy đường Dốc Đỏ- Giải Oan làm tuyến trung tâm mở rộng thành hai làn xe, phát triển các khu chức năng theo dọc tuyến theo dạng xương cá. Các trục tuyến hành hương vẫn tuân thủ theo các tuyến hiện tại.

Hệ thống bến bãi đỗ xe tập trung chính tại khu vực bến xe Giải Oan và mở rộng thêm các điểm trung chuyển tại Dốc Đỏ và khu vực Thiên Viện.

Định hướng xây dựng khu trung tâm dịch vụ ra khu vực ngã tư Nam Mẫu, xã Thượng Yên Công.

### *3.2.3.2 Sử dụng tài nguyên du lịch bền vững*

Cần khoanh vùng các khu vực được phép du lịch và nghiên cứu khách du lịch cũng như người dân địa phương xâm nhập trái phép vào các khu vực xung quanh (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ...)

Đầu tư nghiên cứu, tính toán đặc tính của nguồn tài nguyên địa phương trên cơ sở kết hợp với sức chứa cho phép của khu vực để đề ra ngưỡng giới hạn trong việc khai thác tài nguyên phục vụ cho du lịch.

Tiến hành áp dụng chặt chẽ, nghiêm túc những giới hạn này vào thực tế để có thể giảm đến mức thấp nhất những ảnh hưởng mà du lịch có thể mang tới đối với sử dụng tài nguyên du lịch cho các thế hệ sau.

### *3.2.3.3 Phát triển các loại hình du lịch*

Các loại hình du lịch được xác định trên cơ sở những nguồn tài nguyên du lịch của khu vực. Do đó, những khu vực có các nguồn tài nguyên du lịch khác nhau thì tương ứng sẽ hình thành và phát triển những loại hình du lịch khác nhau. Từ các loại hình du lịch này thì việc đề ra phương hướng để phát triển chúng ở mỗi khu vực là hoàn toàn riêng biệt và không có sự giống nhau.

Yên Tử có thể xem là khu vực có nguồn tài nguyên du lịch khá phong phú và đa dạng cả về mặt tự nhiên và nhân văn. Từ đó, hình thành nên trong khu vực các loại hình du lịch mang tính chất đặc trưng riêng:

- Du lịch tín ngưỡng, tâm linh (hành hương)
- Du lịch lễ hội
- Du lịch tham quan, nghiên cứu
- Du lịch sinh thái
- Du lịch thể thao mạo hiểm
- Du lịch văn hóa

Tuy nhiên, ngoài việc có sẵn các loại tài nguyên du lịch thích hợp cho các loại hình du lịch này thì vẫn đề để phát triển được chúng, khu du lịch Yên Tử cần phải thực hiện một vài vấn đề sau:

- Chú trọng đầu tư khắc phục những hạn chế về tài nguyên để mở rộng quy mô du lịch cũng như tăng tính hấp dẫn với du khách.

- Cần đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng để phục vụ tốt, tạo cảm giác thoải mái cho khách du lịch bởi việc phát triển các loại hình du lịch khác nhau thì nhu cầu về cơ sở hạ tầng cũng cao hơn.

- Hợp tác với các khu vực khác trong vùng để làm tăng thêm giá trị, tạo sức hấp dẫn lớn đối với du khách.

### *3.2.3.4 Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch*

Trong thời gian qua, việc phát triển du lịch thiếu sự quan tâm, chỉ đạo đã dẫn đến việc các nguồn tài nguyên du lịch của khu vực bị khai thác một cách quá mức. Điều này làm cho các sản phẩm du lịch của khu vực vốn chưa phong phú, đa dạng, nay lại càng trở nên đơn điệu và xuống cấp, ảnh hưởng lớn đến

sức thu hút khách.

Để có thể khắc phục được những hạn chế trên thì yêu cầu đặt ra là phải tiến hành đề xuất và đưa vào ứng dụng những biện pháp có tính thực tế cao để có thể tăng tính đa dạng cũng như chất lượng sản phẩm. Hướng giải quyết này có thể được thực hiện như sau:

- Tiến hành kiểm tra, khảo sát, điều tra hiện trạng của sản phẩm du lịch trong khu vực cũng như các tiềm năng chưa được khai thác trên cơ sở phân loại, nguồn gốc rõ ràng. Từ các kết quả này sẽ tạo cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch có tính khả thi để nhằm đưa vào phục vụ cho du lịch những sản phẩm có chất lượng. Có khả năng cạnh tranh cao với những khu vực khác.

- Hướng phát triển các sản phẩm của khu di tích Yên Tử nên tiến hành theo phương châm: đa dạng hóa sản phẩm du lịch trên cơ sở tập trung nhiều vào một số sản phẩm chính. Nghĩa là tiến hành tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng của khu vực trên cơ sở kết hợp với việc cung cấp các sản phẩm du lịch vốn không là thế mạnh của vùng để tăng tính đa dạng, tạo nên sức hút đối với khách du lịch. Cụ thể ở Yên Tử đó là: cần tiến hành hợp tác chặt chẽ trên cơ sở hỗ trợ lẫn nhau giữa các điểm du lịch trong vùng để nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng, có chất lượng thông qua các tuyến, điểm du lịch liên vùng.

#### *3.2.4.5 Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực*

Nguồn nhân lực đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững của du lịch Yên Tử, có tác động quyết định tới hiệu quả kinh doanh du lịch tại các điểm du lịch. Các điểm du lịch có phát triển được hay không phụ thuộc rất lớn vào đội ngũ cán bộ và nhân viên quản lý. Bởi vậy cần xây dựng một mô hình quản lý phù hợp, tránh chồng chéo, đáp ứng được xu thế phát triển du lịch tại khu di tích Yên Tử hiện nay.

Yên Tử là một điểm di tích tôn giáo tín ngưỡng nổi tiếng và có danh thắng đẹp, vì vậy có nhiều giá trị để tuyên truyền quảng bá và phát triển du lịch. Trong những năm qua, việc phát triển nguồn nhân lực trực tiếp kinh doanh du lịch tại Yên Tử còn nhiều hạn chế. Chính vì vậy để chuẩn bị hành trang đưa Yên

Từ trở thành điểm du lịch văn hóa tâm linh kết hợp với sinh thái cho du khách trong và ngoài nước không chỉ 3 tháng Hội xuân mà kéo dài trong cả năm thì vấn đề nguồn nhân lực phục vụ du lịch đòi hỏi phải đáp ứng được với xu thế phát triển ngày càng cao, đặc biệt yêu cầu chất lượng, kỹ năng nghiệp vụ, trình độ quản lý, trình độ ngoại ngữ cũng như cơ cấu lao động hợp lý. Vì vậy cần tổ chức triển khai thực hiện chương trình phát triển nguồn nhân lực trong những năm tới nhằm đủ về số lượng, cao hơn về chất lượng và phù hợp về cơ cấu là động lực thúc đẩy du lịch thành hướng phát triển mũi nhọn, đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững hội nhập với sự phát triển du lịch với các điểm, các vùng du lịch khác, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch tại Yên Tử trong giai đoạn tới nhằm phục vụ một cách tốt nhất nhu cầu của du khách và là hình ảnh quảng bá du lịch tốt nhất.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo nội dung chủ yếu sau:

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ hoặc tuyển dụng bổ sung cán bộ có trình độ Đại học hoặc cao hơn, những cán bộ kinh nghiệm về các lĩnh vực: quản lý, bảo tồn tôn tạo di tích, cán bộ khảo cổ học, cán bộ chuyên ngành lịch sử, cán bộ có trình độ Hán nôm làm công tác nghiên cứu... Đây sẽ là đội ngũ cán bộ nòng cốt trong công tác nghiên cứu khoa học, trong công tác sưu tầm nghiên cứu các giá trị di sản..góp phần tu bổ, tôn tạo, giữ gìn và phát huy một cách có hiệu quả các tiềm năng giá trị di sản của Yên Tử cho phát triển du lịch.

- Đào tạo lại, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và đội ngũ hướng dẫn viên hiện có về những năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức văn hóa xã hội và ngoại ngữ.

- Cần có cơ chế thu hút các chuyên gia, cán bộ quản lý và hướng dẫn viên giỏi trong lĩnh vực du lịch đến công tác và làm việc tại khu di tích Yên Tử.

- Có cơ chế thu hút nhiều nhà đầu tư vào khai thác dịch vụ, du lịch tại Yên Tử để tạo môi trường cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại Yên Tử.

### *3.2.3.6 Bảo tồn và phát triển tài nguyên môi trường*

Tài nguyên môi trường là yếu tố sống còn đối với hoạt động du lịch ở Yên

Tử, vì vậy công tác bảo vệ môi trường cần được đặc biệt qua tâm. Việc tổ chức thực hiện tốt về công tác môi trường sẽ góp phần nâng cao giá trị của khu di tích và tạo cho di tích điểm đến an toàn tin cậy cho du khách. Do vậy chúng ta cần phải:

- Cần tăng cường kiểm tra giám sát việc bảo vệ môi trường, nghiêm cấm mọi hành vi gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh các di tích và khu rừng đặc dụng đã được khoanh vùng.

- Toàn bộ các di tích, các công trình dịch vụ nằm trong khu trung tâm do vị trí nằm dải rác, cùng với địa hình dốc việc thu gom nước thải quá khó khăn, do vậy cần xây dựng hệ thống đường ống thoát nước bản riêng dẫn nước về các bể tự hoại từ 10-15m<sup>3</sup>/bể tại các nhà vệ sinh công cộng, các điểm dịch vụ, nhà ga cáp treo...trên tuyến đường hành hương.

### *3.2.3.7 Đẩy mạnh đầu tư phát triển du lịch*

Trong định hướng đầu tư phát triển du lịch tập trung vào các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng (theo dự thảo đề án mở rộng và phát triển khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử):

- Dự án cải tạo khu vực chùa Hoa Yên: trùng tu tôn tạo chùa Hoa Yên, điểm du lịch dừng chân, khu các công trình nhà làm việc Ban quản lý, Ban trị sự, trạm y tế, đồn công an, kiểm lâm, các nhà vệ sinh công cộng.

- Dự án cải tạo các khu dịch vụ tại bãi xe Giải Oan (khu trung tâm di tích): các công trình quản lý, dịch vụ công cộng gồm nhà làm việc cơ quan quản lý, trụ sở công an, kiểm lâm, bưu điện, ngân hàng, trạm y tế, khu bảo tàng trưng bày triển lãm, các khu du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng, bán hàng lưu niệm, khu dịch vụ dừng chân, trạm sửa chữa, xăng dầu, các khu vực đầu nối điện nước, xử lý môi trường, các khu cảnh quan ven suối và rừng tự nhiên, khu trung tâm dịch vụ mẫu...

- Dự án khu trung tâm lễ hội Yên Tử.

- Dự án bảo vệ cảnh quan môi trường khu di tích Yên Tử.

- Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo cảnh quan tuyến đường từ Đốc Đổ-Bến xe Giải Oan.

- Dự án trung tâm văn hóa sinh thái, khu nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe theo phương pháp y học cổ truyền, vườn thuốc Nam, các hoạt động thể thao, văn hóa kết hợp cải tạo các sinh hoạt truyền thống dân tộc hoặc theo các truyền thuyết về Yên Tử.

- Dự án xây dựng nhà văn hóa dân tộc Dao.

- Dự án xây dựng cơ sở sản xuất các sản phẩm (cả sản phẩm mỹ nghệ, văn hóa phẩm, dược phẩm...) làm quà lưu niệm mang dấu ấn danh sơn Yên Tử, các cơ sở dịch vụ, các món ăn ẩm thực dân tộc phục vụ khách du lịch trong khu di tích Yên Tử.

- Dự án thu gom xử lý rác thải, cấp thoát nước trong khu vực.

- Dự án các bến xe trong khu di tích như: bến xe chùa Bí Thượng, bến xe chùa Cầm Thực, bến xe chùa Suối Tắm, bến xe Giải oan, các tuyến đường hành hương đi bộ, xây dựng các điểm dừng chân, dịch vụ trên toàn tuyến.

- Nâng cấp cải tạo một số điểm, tuyến đường khai thác than cũ, tuyến đường khảo sát địa chất trước đây nhằm phục vụ công tác quản lý và du lịch khám phá các mỏ than cũ, du lịch sinh thái.

- Thực hiện dự án xây dựng nút giao thông tại Dốc Đỏ, đầu tư xây dựng tạo điểm nhấn tại khu vực Dốc Đỏ cửa ngõ vào thành phố Uông Bí và vào khu di tích danh thắng Yên Tử.

- Định hướng phương thức vận tải hành khách công cộng từ khu vực trung tâm dịch vụ Nam Mẫu vào Giải Oan bằng các phương tiện công cộng xe bus, xe điện, tàu điện.

### **3.3 Một số giải pháp phát triển du lịch bền vững tại Yên Tử**

Yên Tử có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch bền vững. Trong những năm tới, lượng khách đến Yên Tử sẽ không ngừng tăng lên và du lịch Yên Tử sẽ mang lại hiệu quả kinh tế quan trọng cho thành phố Uông Bí. Du lịch đem lại nguồn lợi kinh tế to lớn cho người dân nhưng chủ yếu là người có điều kiện kinh doanh, người dân tộc thiểu số thì thu nhập từ du lịch là chưa cao. Bên cạnh đó còn nhiều tác động tiêu cực của hoạt động du lịch tới các hệ sinh thái tự nhiên và đời sống văn hoá của người dân nơi đây. Nhận ra những vấn đề này không phải

để hạn chế hoạt động du lịch mà chỉ nhấn mạnh những mặt tiêu cực để tìm ra những giải pháp tối ưu cho phát triển du lịch bền vững tại Yên Tử.

### **3.3.1 Giải pháp phát triển du lịch bền vững về kinh tế**

#### **3.3.1.1 Nâng cao năng lực về tổ chức quản lý:**

Về giải pháp này trước hết cần phải:

- Quản lý tốt việc thực hiện các quy chế cấm vứt rác ra nơi công cộng, đồng thời đẩy nhanh việc thực hiện thu gom và xử lý các rác thải, nước thải. Cần xây dựng các điểm vệ sinh công cộng, đặt thùng rác tại các điểm du lịch trong khu di tích Yên Tử. Thực hiện quy chế nghiêm cấm phá hoại cây xanh, cảnh quan khu vực Yên Tử. Xử lý các trường hợp săn bắn và mua bán trái phép động hực vật quý hiếm.

- Tiếp tục tổ chức tốt các Hội Xuân Yên Tử và các hoạt động theo sau kỳ Hội Xuân theo các tiêu chí: Đảm bảo an toàn cho người và cho các phương tiện giao thông, hành trang của du khách. Giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ các khu vực được giao quản lý tổ chức lễ hội. Duy trì nếp sống sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo lành mạnh, tôn nghiêm đúng pháp luật, bài trừ các biểu hiện mê tín dị đoan. Bảo vệ an toàn di sản văn hoá, cảnh quan, tích cực tuyên truyền nhân rộng ảnh hưởng của Yên Tử trong phạm vi cả nước.

- Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu cho các cấp có thẩm quyền ban hành quy định về quản lý di sản, quản lý nhà nước về hoạt động du lịch, tôn giáo tại khu vực Yên Tử nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý trong tình hình mới.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá bản địa trên nguyên tắc phát triển du lịch bền vững, cần quan tâm tới những vấn đề sau:

+ Bảo tồn những cây đại, cây tùng, đường tùng, trùng tu tôn tạo các di tích văn hoá lịch sử, tôn tạo cảnh quan, xây dựng và quy hoạch những khu bán hàng cho người dân địa phương bán hàng tại các điểm du lịch trong khu di tích.

+ Quy hoạch để bảo tồn và phát triển một số bản sắc văn hoá dân tộc đặc trưng (dân tộc Dao). Nghiên cứu, đầu tư hình thành thiết chế du lịch phù hợp với thể mạnh tiềm năng du lịch của địa phương.

+ Xây dựng trung tâm xúc tiến du lịch và xây dựng Quỹ phát triển du lịch

tại Yên Tử. Việc tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch và quảng cáo du lịch cần được quan tâm đúng mức vì đây là yếu tố có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thu hút khách du lịch và nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh du lịch.

Trong những năm gần đây, do sự chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, tình hình tổ chức quản lý du lịch ở Yên Tử có nhiều đổi mới theo hướng tích cực. Hầu hết các hoạt động du lịch trên địa bàn Yên Tử đã quy tụ về một môi trường dưới sự quản lý của Ban quản lý Yên Tử.

Tuy vậy, việc tổ chức quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch còn gặp không ít khó khăn do tình trạng lộn xộn của một thời gian dài ai cũng làm du lịch. Vì vậy để hoạt động du lịch đạt hiệu quả cần tiến hành một số công việc như sau:

- Đề nghị nhà nước và tỉnh Quảng Ninh dành thêm nhiều nguồn ngân sách hơn cho việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

- Tiếp tục sắp xếp tổ chức lại các hộ kinh doanh du lịch trên địa bàn khu di tích, bao gồm cả việc thu hồi giấy phép kinh doanh đối với các hộ làm ăn thua lỗ không đủ điều kiện kinh doanh.

- Quy định cả đối với các mặt hàng hoá và dịch vụ du lịch dựa trên các chất lượng và nhu cầu du lịch. Thống nhất mọi khung giá cho các hàng hoá, dịch vụ du lịch giữa các đơn vị kinh doanh trên địa bàn khu di tích Yên Tử, không để xảy ra tình trạng nâng giá tùy tiện cũng như phá giá cạnh tranh theo mùa. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm truyền thống như đồ lưu niệm, hàng thủ công nhằm đem lại lợi ích cho cộng đồng dân cư.

*3.3.1.2 Đa dạng hóa sản phẩm du lịch, chú trọng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù đồng thời phát triển các loại hình du lịch.*

Việc đa dạng hóa sản phẩm du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Chất lượng sản phẩm du lịch đang là điểm yếu và là vấn đề đặt ra đối với du lịch Yên Tử. Tài nguyên tự nhiên phong phú đã ban tặng cho Yên Tử những sản phẩm du lịch mang tính đặc thù chỉ Yên Tử



mới có như: Rượu Mơ Yên Tử, măng ngâm Yên Tử, măng trúc Yên Tử, các loại thuốc, dược liệu quý hiếm.... Tuy nhiên do thương mại hóa nên những sản phẩm này đã bị làm kém chất lượng, giả mạo gây ảnh hưởng xấu tới thương hiệu của Yên Tử. Bởi vậy Ban quản lý Yên Tử cần phối hợp chặt chẽ với người dân địa phương ngăn chặn các hành vi làm giả mạo, xử lý nghiêm ngặt các hành vi vi phạm pháp luật.

Việc lượng khách du lịch tập trung quá đông vào mùa lễ hội đã làm cho vấn đề phát triển các loại hình du lịch theo thời gian khác nhau trở lên rất cần thiết. Không chỉ điều tiết được lượng khách vào mùa lễ hội mà còn góp phần mang đến cho khu du lịch Yên Tử một lượng khách du lịch nhất định.

Để thực hiện được điều này, các nhà quản lý và điều hành ngay từ bây giờ nên tiên hành xây dựng các kế hoạch cụ thể và đưa vào ứng dụng việc phân loại khai thác các loại hình du lịch ở Yên Tử theo mùa. Chẳng hạn các loại hình du lịch tín ngưỡng, lễ hội, văn hóa thì thời gian khai thác du lịch không thể tách rời 3 tháng hội xuân. Chính vì vậy, trong khoảng thời gian còn lại, đặc biệt vào dịp hè (khi đó lượng khách trẻ tuổi là khá lớn) nên tiến hành khai thác các loại hình du lịch tham quan, nghiên cứu, du lịch sinh thái và du lịch thể thao mạo hiểm. Tất nhiên, để thực hiện được điều này thì những yêu cầu đặt ra cho hệ thống cơ sở hạ tầng, cho nền tảng du lịch, cho các hoạt động Marketing.. và các yếu tố liên quan là rất lớn.

### *3.3.1.3 Thu hút đầu tư phát triển và tăng cường phối hợp liên ngành trong du lịch*

Bất kỳ một ngành kinh tế nào muốn thu hút được hiệu quả kinh tế cao cũng cần phải có sự đầu tư thỏa đáng. Nguồn thu chính ở Yên Tử là từ tiền công đức của du khách thập phương và tiền thu vé văn cảnh, phí đỗ xe. Những nguồn thu đó chủ yếu dùng vào việc tôn tạo các di tích và cơ sở hạ tầng nên còn nhiều hạn chế vì vậy thu hút được càng nhiều sự đầu tư sẽ tạo ra một diện mạo mới cho du lịch Yên Tử. Bởi vậy cần có những chính sách để sử dụng nguồn vốn đầu tư một cách hợp lý và hiệu quả bao gồm các chính sách như sau:

- Có chính sách huy động vốn hợp lý: Nhà nước, tỉnh Quảng Ninh, Thành phố Uông Bí và Ban quản lý khu di tích Yên Tử cần có chính sách thống nhất để

sử dụng nguồn vốn đầu tư thật hợp lý. Từ đó mới tạo cơ sở cho các doanh nghiệp đầu tư vào Yên Tử, tránh tình trạng đầu tư lãng phí.

- Có chính sách đầu tư hợp lý cho cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật: Tập trung đầu tư cho các công trình hệ thống xử lý nước thải, hệ thống cấp nước, hệ thống bus chính viễn thông, điện chiếu sáng, bãi đỗ xe, trung tâm đón khách, nhà bán hàng lưu niệm, khu vệ sinh công cộng ở các điểm du lịch, xây dựng thêm nhà hàng, khách sạn trong khu vực và phía ngoài khu di tích để phục vụ du khách.

- Có chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài như: đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giấy cấp phép đầu tư....

Ngoài việc thu hút về đầu tư thì việc phát triển du lịch ở Yên Tử cũng phải quan tâm tới việc tăng cường phối hợp liên ngành trong du lịch. Đó là:

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ và thực hiện thắng lợi các hạng mục, công trình dự án Yên Tử như: nghiên cứu bảo tồn khôi phục đường Tùng, triển khai dự án tôn vinh các giá trị lịch sử văn hoá phi vật thể.

- Tiếp tục trình duyệt và thực hiện các dự án mới: Dự án xử lý rác thải khu trung tâm Yên Tử, dự án phòng cháy chữa cháy khu di tích Yên Tử...

#### *3.3.1.4 Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch*

Việc tuyên truyền quảng bá, xúc tiến du lịch đóng vai trò quan trọng và cần thiết cho sự phát triển du lịch bền vững ở Yên Tử. Trong những năm qua, Yên Tử đã cố gắng rất nhiều trong công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch. Cùng với Vịnh Hạ Long, Yên Tử ngày nay đã trở thành điểm du lịch không thể bỏ qua khi tới Quảng Ninh của du khách trong nước và quốc tế. Tuy nhiên do kinh phí còn hạn chế nên việc đầu tư cho hoạt động tuyên truyền quảng bá còn gặp khó khăn. Vì vậy cần có những chính sách đầu tư hợp lý để đưa du lịch Yên Tử ngày càng rộng rãi hơn trong lòng du khách thập phương như:

- Xây dựng các chiến lược Marketing, xây dựng các ấn phẩm, tờ rơi, áp phích, và đoạn video quảng cáo về Yên Tử bằng nhiều thứ tiếng như Anh, Pháp, Trung...giới thiệu về văn hóa, tín ngưỡng, ẩm thực.....

- Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá thông qua các dịp lễ hội lớn, tiêu biểu

của Yên Tử. Tham gia các hội chợ, hội thảo trong nước và quốc tế, tranh thủ nguồn lực, sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ lớn..

### *3.3.1.5 Đào tạo và nâng cao nhận thức nguồn nhân lực*

Chất lượng nguồn nhân lực đóng vai trò quyết định rất lớn đến sự phát triển du lịch. Để đạt được mục tiêu phát triển nguồn nhân lực cần triển khai một số hoạt động sau:

- Tăng cường khả năng của đội ngũ quản lý trên cơ sở nâng cao chất lượng và số lượng của hệ thống cán bộ trong Ban quản lý Yên Tử. Tiến hành các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho hệ thống các cán bộ có tâm huyết với khu du lịch cùng với việc tuyển dụng thêm các nhân viên có khả năng.

- Có chế độ khen thưởng kịp thời đối với cán bộ nhân viên năng động, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đồng thời khiển trách và xử lý nghiêm minh những cán bộ lợi dụng chức quyền, thiếu năng lực..

- Với cộng đồng địa phương và các thành phần khác: Nên chủ yếu tập trung vào hoạt động nâng cao nhận thức về các vấn đề có liên quan đến hoạt động du lịch như hiểu biết về giá trị tài nguyên môi trường, hiểu biết xã hội, những kiến thức về pháp luật. Đối với cộng đồng dân cư sinh sống tại đó cần hỗ trợ nâng cao nghiệp vụ và ý thức chấp hành pháp luật cũng như ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên và gìn giữ những giá trị văn hóa tại địa phương. Công tác này được tiến hành bởi các tổ chức đoàn thể địa phương bằng nguồn ngân sách địa phương và có sự giúp đỡ của Ban quản lý Yên Tử và các nguồn lực bên ngoài

### *3.3.2 Giải pháp phát triển du lịch bền vững về tài nguyên, môi trường*

Giải pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường cần đặc biệt được quan tâm vì bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch là vấn đề cần thiết và góp phần quan trọng trong phát triển du lịch bền vững Yên Tử. Việc tổ chức thực hiện tốt về công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch sẽ góp phần nâng cao giá trị của khu di tích và tạo cho di tích điểm đến an toàn tin cậy cho du khách, góp phần quảng bá hình ảnh tốt nhất của khu di tích linh thiêng đến với mọi người, thu hút khách du lịch đến với Yên Tử ngày một đông hơn.

Tuy nhiên, bảo tồn tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch phải đáp ứng

nhu cầu về kinh tế, văn hóa, xã hội, thẩm mỹ nhưng vẫn duy trì được bản sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo sự đa dạng sinh học, các quá trình sinh thái cơ bản cũng như các hệ sinh thái cho cuộc sống các thế hệ nay và mai sau. Chính vì lý do đó trong quá trình thực hiện cần phải quan tâm đến một số giải pháp sau:

- Tăng cường nghiên cứu, đo đạc các tài nguyên môi trường (môi trường đất, nước, không khí, rác thải...) ở khu vực Yên Tử, đặc biệt là trong khu vực chịu tác động lớn từ du lịch như đoạn đường từ ngã ba Dốc Đỏ vào đến bến xe Giải Oan, các điểm du lịch Tháp Huệ Quang, Chùa Hoa Yên, Chùa Bảo Sái, Tượng An kỳ Sinh, Chùa Đồng trên tuyến đường hành hương để đề ra những biện pháp mang tính ứng dụng và hiệu quả cao nhằm giảm thiểu những tác động đó

- Tăng cường kiểm tra giám sát việc bảo vệ môi trường và tài nguyên, nghiêm cấm mọi hành vi gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh các di tích và khu rừng đặc dụng đặc được khoanh vùng. Phối hợp với các ban ngành liên quan trong việc ngăn chặn, đồng thời có chương trình tạo việc làm và thu nhập bổ xung cho cộng đồng dân tộc ít người nhằm xóa bỏ hiện tượng vào rừng lấy gỗ, săn bắt động vật hoang dã trái phép gây lên những sự cố môi trường như cháy rừng, sạt lở đất...làm ảnh hưởng đến tính bền vững về tài nguyên và môi trường của khu vực

- Toàn bộ các di tích, các công trình dịch vụ nằm trong khu vực trung tâm do vị trí nằm rải rác, cùng với địa hình dốc nên việc thu gom nước thải quá khó khăn. Do vậy cần xây dựng hệ thống đường ống thoát nước bản riêng dẫn nước về các bể tự hoại từ 10-15m<sup>3</sup>/bể tại các nhà vệ sinh công cộng, các điểm dịch vụ, nhà ga cáp treo..trên tuyến đường hành hương.

- Các khu vực dịch vụ, bến bãi, các khu dân cư đều được xây dựng hệ thống đường ống thu gom nước bản về trạm xử lý trong sau đó thoát ra suối Nam Mẫu. Các công trình dịch vụ, dân cư sống trên đường từ khu vực Dốc Đỏ-Chùa Suối Tắm nước bản cần được thu gom theo hệ thống của Thành phố Uông Bí.

- Xây dựng các nhà vệ sinh dọc tuyến bảo đảm mỹ quan, hiện đại phục vụ

du khách. Đặt các nhà vệ sinh lưu động dọc tuyến. Đồng thời tiến hành nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp xử lý rác thải để thay thế việc sử dụng thuốc phân hủy hiện nay. Bởi trên cơ sở này, lượng rác thải sẽ phải mất một thời gian khá lâu mới có thể phân hủy hoàn toàn. Hơn nữa việc sử dụng biện pháp này cũng không đảm bảo tốt vấn đề môi trường cho đất đai ở đây.

- Thực hiện các hoạt động thu gom rác thải và xử lý chất thải : Tại các điểm du lịch, các khu dịch vụ, các điểm bến bãi đỗ xe, dọc tuyến đường hành hương, đường nội bộ vì bố trí các thùng chứa. Những ngày thường ít khách, khối lượng rác thải nhỏ, lượng lao động tự thu gom rác, phân loại vô cơ, hữu cơ rồi sau đó tập trung về trạm trung chuyển. Các ngày lễ hội chính, lượng rác thải lớn, lực lượng lao động phân loại và tập trung về các điểm thùng chứa rác, cuối ngày thu gom vận chuyển về khu xử lý rác hiện có của Thành phố.

- Tổ chức các chương trình giáo dục môi trường, các hoạt động nhằm hạn chế sự suy thoái và bảo vệ phát triển các hệ sinh thái như không đốt, phá rừng, không khai thác bừa bãi tài nguyên rừng, tăng cường trồng cây xanh tại các điểm du lịch.... một cách hệ thống và thường xuyên đặc biệt trong những ngày lễ hội. Có thể sử dụng các phương pháp giáo dục truyền thống như nhắc nhở trực tiếp du khách, phát tờ rơi (với nội dung nhấn mạnh vai trò môi trường), tuyên truyền qua đài phát thanh.

- Đầu tư xây dựng hệ thống nước sạch cho mùa khô để giảm thiểu các nhân tố gây ô nhiễm môi trường do thiếu nước sạch.

- Khuyến khích sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường Yên Tử như bao gói tự nhiên phân hủy. Nên kéo những người hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ ở đây tham gia vào công tác bảo vệ môi trường. Chẳng hạn việc đề ra các nội quy về bảo vệ môi trường cho các kiốt dọc tuyến đường hành hương, buộc những người làm dịch vụ ở đây đảm bảo vệ sinh những khu vực của mình buôn bán. Trên cơ sở này có thể áp dụng phạt hành chính đối với những trường hợp vi phạm

- Xã hội hóa, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, nhiều thành phần kinh tế trong công tác bảo vệ tài nguyên môi trường. Phát triển du lịch tại cộng

đồng dân tộc ít người ở khu vực Khe Sù xã Thượng Yên Công với các loại hình du lịch thích hợp

### **3.3.3 Giải pháp phát triển du lịch bền vững về văn hóa, xã hội**

#### **3.3.3.1 Nâng cao nhận thức và đời sống của cộng đồng địa phương**

Sự phát triển du lịch luôn gắn với cộng đồng địa phương. Vai trò của cộng đồng dân cư địa phương rất lớn bởi họ vừa là khách du lịch, vừa là người phục vụ các dịch vụ du lịch, vừa góp phần tạo nên môi trường xã hội cho du lịch phát triển. Để đạt được mục tiêu phát triển du lịch bền vững thì việc nâng cao nhận thức và đời sống của cộng đồng dân cư tại nơi đây là rất cần thiết. Các giải pháp này cần tập trung một số vấn đề sau:

- Tiến hành kiểm định lại việc cho thuê mặt bằng kinh doanh, trên cơ sở đó để đặt ra các phương án giảm giá thuê cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn tạo điều kiện cho họ nâng cao thu nhập cải thiện đời sống. Đồng thời tiến hành thuê nguồn lao động tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường trên cơ sở ưu tiên cho các cá nhân có đủ điều kiện ở trong xã.

- Tạo điều kiện cho các cá nhân trong địa phương có việc làm trên cơ sở khoán rừng cho các hộ gia đình. Trên cơ sở đó, trong điều kiện nhất định họ có thể khai thác các nguồn tài nguyên từ rừng để phục vụ cho du lịch.

- Lòng ghép nâng cao nhận thức của cộng đồng về phát triển du lịch vào các chương trình, các dự án, phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật, nâng cao hiểu biết về phát triển du lịch bền vững cho cộng đồng nhân dân địa phương.

- Quy hoạch các khu vực có điều kiện để tiến hành áp dụng việc sản xuất lương thực, thực phẩm phục vụ cho du lịch. Điều này sẽ tạo ra việc làm mới cho một lực lượng lao động trong vùng.

- Khuyến khích các doanh nhân, doanh nghiệp hoạt động du lịch trên địa bàn khu vực và cộng đồng dân cư địa phương tham gia tích cực vào hoạt động du lịch, vào nỗ lực bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, tham gia giữ vệ sinh môi trường tại các điểm du lịch trong khu vực.

- Định hướng giải quyết các vấn đề trẻ em lang thang ở khu du lịch vì đây

là một trong những tác động tiêu cực của du lịch.

### *3.3.3.2 Bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống*

- Cần tiến hành đầu tư thoả đáng cho việc duy trì tổ chức các lễ hội truyền thống hàng năm ở Yên Tử trên cơ sở kinh phí lấy từ nguồn thu du lịch. Đây là điều cần thực hiện nghiêm chỉnh và quy mô không chỉ bởi lý do xã hội mà ở góc độ nào đó, đây còn là bản sắc, là bộ mặt của khu di tích Yên Tử trong việc thu hút nguồn khách du lịch đến tham quan.

- Cần nghiên cứu thống kê các giá trị văn hoá truyền thống của địa phương trên cơ sở sách, báo, các tài liệu cổ hay các tài liệu truyền miệng... để từ đó có thể tiến hành xây dựng và tổ chức lại hệ thống lễ hội vốn rất đặc sắc và phong phú của địa phương.

- Ngoài điểm biểu diễn văn nghệ truyền thống được tổ chức ở chân của hệ thống cáp treo, cần tiến hành quy hoạch thêm một số điểm biểu diễn văn nghệ, ca múa nhạc dân tộc với những chương trình độc đáo, đặc sắc dọc theo tuyến du lịch nhằm giữ chân khách và tạo sắc thái dân gian cho khách du lịch.

## **3.4 Một số kiến nghị nhằm phát triển du lịch Yên Tử một cách bền vững**

Để phát triển du lịch một cách bền vững ở Yên Tử, vai trò quản lý nhà nước về du lịch được đặc biệt quan tâm, không chỉ ở việc xây dựng cơ chế chính sách phát triển du lịch, tổ chức các sự kiện và quảng bá xúc tiến du lịch mà còn thể hiện ở công tác quy hoạch và đầu tư phát triển du lịch.

UBND tỉnh Quảng Ninh và Sở văn hóa nên xây dựng quy mô du lịch ở Yên Tử chỉ nên ở mức độ vừa phải. Nên có giải pháp để khắc phục tính mùa vụ của du lịch bằng việc phát triển nhiều loại hình du lịch, đa dạng các sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Yên Tử hiện nay.

Trong thời gian tới, mở rộng không gian du lịch, tạo thêm nhiều sản phẩm ở các điểm du lịch là những giải pháp quan trọng để mở rộng sức chứa và có thể đón thêm lượng lớn khách tham quan.

Nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng. Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong cấp thoát nước, xử lý rác thải nhằm đảm bảo chất lượng nước và môi trường trong và ngoài khu vực phát triển du lịch.

Bảo tồn, nâng cao giá trị và khôi phục các kiến trúc, nghệ thuật, vật thể và phi vật thể, văn hóa, thủ công mỹ nghệ, trang phục, phong tục, truyền thống... bằng các nguồn kinh phí trực tiếp thu hay gián tiếp thu từ hoạt động du lịch.

Điều quan trọng hơn cả là tạo cơ chế cho cộng đồng địa phương có trách nhiệm và quyền lợi trong việc sử dụng tài nguyên của mình theo đúng quy định của Nhà nước.

Nên có bảng chỉ dẫn du khách có ý thức bảo vệ môi trường tại các điểm du lịch nhiều hơn nhưng chúng phải được thiết kế sao cho phù hợp với cảnh quan môi trường tại khu vực đó. Ví dụ như thiết kế bảng chỉ dẫn hình cây vừa lạ mắt với du khách, vừa gây được sự chú ý của họ đồng thời không gây mất mỹ quan.

Thường xuyên mở các lớp đào tạo lại đội ngũ cán bộ cũng như nhân viên phục vụ cho du lịch Yên Tử không những về kỹ năng nghề nghiệp mà còn nâng cao hiểu biết về môi trường và tầm quan trọng của nó đối với phát triển du lịch bền vững ở Yên Tử.

### **TIÊU KẾT CHƯƠNG 3**

Trong những năm gần đây, du lịch ở Yên Tử có những bước phát triển vượt bậc. Tiềm năng du lịch của Yên Tử còn rất lớn và du lịch Yên Tử còn có thể phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai. Tuy nhiên nó cũng đặt ra nhiều vấn đề là làm sao phát triển du lịch bền vững, phải giữ gìn cho hiện nay và thế hệ mai sau.

Để xây dựng du lịch một cách bền vững ở Yên Tử cần xây dựng được các sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn, ấn tượng đồng thời phải thân thiện với môi trường. Các sản phẩm du lịch còn phải chú trọng đến phát triển du lịch sinh thái, du lịch kết hợp với nghiên cứu khoa học, với các hoạt động bảo tồn, du lịch văn hóa- lịch sử.

Cần có những giải pháp toàn diện, bền vững cả về kinh tế, tự nhiên và văn hóa xã hội nhằm cho hoạt động du lịch bền vững hơn, trong đó đưa ra một số biện pháp được đưa lên hàng đầu như: bảo tồn và tôn tạo hệ thống chùa, am, tôn



tạo và phục dựng các di tích và phế tích....bảo vệ tài nguyên du lịch, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư tham gia tích cực vào hoạt động du lịch trên cơ sở đảm bảo quyền lợi cho họ.

Để triển khai những giải pháp phát triển bền vững có hiệu quả cần có nguồn tài chính và sự ủng hộ, quan tâm của các cấp, ban ngành, chính quyền, sự tham gia của cộng đồng địa phương; cần kêu gọi các tổ chức trong nước và nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ tài trợ. Nhất là trong quy hoạch phát triển du lịch bền vững, trong các hoạt động bảo tồn nghiên cứu khoa học, trùng tu tôn tạo, nâng cao năng lực của Ban quản lý.

## KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu tiềm năng, hiện trạng và định hướng phát triển du lịch bền vững ở khu di tích và danh thắng Yên Tử, khóa luận rút ra một số kết luận như sau:

Quan điểm phát triển du lịch bền vững là quan điểm phát triển du lịch dựa trên việc sử dụng nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn một cách hợp lý nhằm khai thác tốt nhất giá trị các nguồn tài nguyên du lịch, nâng cao năng lực quản lý nhằm khai thác tốt nhất giá trị các nguồn tài nguyên du lịch, nâng cao năng lực quản lý, góp phần cải thiện kinh tế địa phương trên cơ sở vẫn đảm bảo nguồn tài nguyên không bị ảnh hưởng.

Khu di tích và danh thắng Yên Tử là nơi có vị trí rất thuận lợi, do đó thị trường cung cấp khách du lịch là rất lớn, lượng khách tiềm năng cao. Ngoài ra Yên Tử còn mang trong mình những nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn vô cùng phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, những nguồn thông tin về khu du lịch Yên Tử đến với du khách là chưa nhiều. Do đó cần có những biện pháp quảng cáo nhằm thu hút sự chú ý của các đối tượng trên thông qua các phương tiện thông tin, cùng với việc kết hợp với các điểm du lịch khác như Vịnh Hạ Long, Móng Cái tạo thành một tuyến du lịch tham quan có chất lượng cao.

Mặc dù là khu vực có khả năng hấp dẫn khách du lịch, tuy nhiên Yên Tử vẫn chưa khai thác triệt để được nguồn tài nguyên của khu vực để phục vụ cho du lịch. Do đó cần tiến hành kết hợp nhiều loại hình du lịch để tăng sự phong phú cho khu du lịch Yên Tử.

Hiện trạng cơ sở hạ tầng của khu vực chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách, đặc biệt là vào mùa lễ hội. Do đó, khu vực cần tiến hành tăng cường triệt để phát triển cơ sở vật chất phù hợp nhằm đảm bảo phục vụ cho nhu cầu của du khách. Tuy nhiên, việc nâng cấp và xây dựng mới những cơ sở này vẫn phải đảm bảo được tính hợp lý trong phân bố cũng như sự hài hòa trong tổng quan tự nhiên và văn hóa.

Môi trường hiện nay là vấn đề đáng quan tâm của khu vực. Bên cạnh môi trường nước và môi trường không khí mới chỉ ở giai đoạn đầu của quá trình ô

nhằm thì hiện trạng môi trường rác thải là rất đáng lo ngại. Do đó cần tiến hành những biện pháp hữu hiệu để hạn chế những vấn đề này.

Từ kết quả này, xoay quanh những vấn đề còn tồn tại, chưa được khắc phục, việc định hướng cho khu du lịch Yên Tử cần có những bước tiến hành tiếp theo nhằm góp phần xác lập cơ sở khoa học cho việc phát triển du lịch bền vững ở đây, xoay quanh những vấn đề còn tồn tại, chưa được khắc phục, việc định hướng cho khu du lịch Yên Tử cần có những bước tiến hành tiếp theo nhằm góp phần xác lập cơ sở khoa học cho việc phát triển du lịch bền vững ở Yên Tử.

Có thể khẳng định trong tương lai không xa, với những thành công đã đạt được cũng như những mặt hạn chế được khắc phục thì hoạt động du lịch đến các di tích lịch sử văn hoá sẽ ngày càng sôi động hơn, khai thác có hiệu quả hơn những tiềm năng sẵn có của mình, góp phần vào sự phát triển bền vững của khu vực nói riêng và của tỉnh Quảng Ninh nói chung.

Bài khoá luận này giúp cho người đọc có thể hiểu rõ về các giá trị đặc sắc của những di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu của Yên Tử, thấy được những hạn chế cần khắc phục trong hoạt động kinh doanh du lịch để từ đó có những giải pháp để khắc phục, khai thác có hiệu quả. Những đề xuất nêu trên cũng chỉ là những suy nghĩ ban đầu dựa trên nghiên cứu thực tế và những tri thức khoa học tích lũy được. Cần bổ sung hoàn chỉnh hơn cho những giải pháp này và triển khai trong thực tế.

Trong quá trình làm bài luận vẫn không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô. Em xin chân thành cảm ơn.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Bảng tổng hợp kinh đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng từ 1999- 2010

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên công trình	Số tiền	Năm xây dựng
<b>A</b>	<b>Nguồn ngân sách nhà nước</b>		
1	Đường Yên Tử gói thầu 1 (tuyến 1,3)	9.238.290.000	1999
2	Đường Yên Tử gói thầu 1 (tuyến 2)	1.051.073.000	2002
3	Đường Yên Tử gói thầu 2	1.199.620.000	2000
4	Đường Yên Tử gói thầu 3	1.415.396.000	2000
5	Sửa chữa cấp thiết đường sau lũ	52.558.000	2001
6	Cống đôi đường Yên Tử	109.662.000	2001
7	Kè ta luy dốc Đá Men đường Yên Tử	292.428.000	2001
8	Cống Quàng Hái đường Yên Tử	82.934.000	2001
9	Đập tràn số 7 đường Yên Tử	264.714.000	2001
10	Đập tràn số 4 đường Yên Tử	226.881.000	2001
11	Đập tràn số 5 đường Yên Tử	201.422.000	2001
12	Đập tràn số 6 đường Yên Tử	694.468.000	2001
13	Đập tràn Bãi Dâu đường Yên Tử	181.972.000	2001
14	Mở rộng Bến xe Giải Oan	101.754.000	2001
15	Cầu đá qua suối Giải Oan	781.409.000	2001
16	Kè đường từ suối Giải Oan lên Hòn Ngọc	614.491.000	2001
17	Sửa chữa mở rộng Dốc Cửa Ngăn	163.410.000	2002
18	Đường ngang qua đường sắt đầu Dốc Đỏ	246.970.000	2002
19	Đường và cầu vào ga cáp treo 1	1.174.349.000	2002
20	Đổ bê tông sân bến xe ô tô Giải Oan	627.181.000	2002
21	Rãnh thoát nước kè đá Bến xe Giải Oan	287.177.000	2002

*Phát triển du lịch bền vững ở Yên Tử, Quảng Ninh*

22	Đường bao Bến xe Giải Oan	781.424.000	2002
23	Sân bê tông bãi xe đạp, xe máy Giải Oan	849.877.000	2002
24	Mở rộng 2 làn xe (trần số 7)	910.623.000	2003
25	Đường đôi từ đầu đường bao bến xe Giải Oan	928.406.000	2003
26	Bến xe chùa Cẩm Thực	298.274.000	2003
27	Mở rộng bến xe chùa Suối Tầm	827.475.000	2003
28	Điện chiếu sáng đường từ Giải Oan lên Hoa Yên	548.091.000	2003
29	Rãnh thoát nước khu dịch vụ Giải Oan	55.412.000	2003
30	Mở rộng đoạn đường Hoa Yên- Vân Tiêu	73.236.000	2003
31	Hệ thống phòng cháy chữa cháy bến xe Giải Oan	265.089.000	2003
32	Mở rộng đường 2 làn xe từ Đốc Đổ vào Yên Tử	55.000.000.000	2009
33	Đường điện chiếu sáng giai đoạn 1	19.000.000.000	2010
34	Kè đá chống sạt lở Chùa Hoa Yên	9.000.000.000	2011
35	Các công trình khác	2.000.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>109.545.066.000</b>	
<b>B</b>	<b>Nguồn xã hội hoá</b>		
<b>I</b>	<b>Ban quản lý dự án tôn tạo Yên Tử</b>		
1	Sửa chữa đường lên chùa Đồng	535.748.000	2007
2	Mở mới tuyến đường từ AKS đến chùa Đồng	935.976.000	2009
3	Đường hành hương Bảo Sái- Hoa Yên, Bảo Sái- Vân Tiên	3.256.000.000	2008
4	Đường hành hương từ Giải Oan lên Hoa Yên	2.896.500.000	2009

*Phát triển du lịch bền vững ở Yên Tử, Quảng Ninh*

5	Đường từ nhà ga 3 vào Am Dược	838.500.000	2009
6	Khu vực bảo vệ Am Dược	825.000.000	2008
7	Nhà điều hành+ khuôn viên sân, vườn, bãi xe Chùa Bí Thượng	6.964.334.000	2008
8	Làm mới sân khai hội	6.856.878.000	2007-2010
	<b>Cộng</b>	<b>23.106.936.000</b>	
<b>II</b>	<b><i>Công ty cổ phần phát triển Tùng Lâm</i></b>		
1	Xây dựng hệ thống cáp treo giai đoạn 1	46.000.000.000	2002
2	Xây dựng hệ thống cáp treo giai đoạn 2	160.000.000.000	2007
3	Mở rộng Bến xe máy	1.800.000.000	2007
4	Đường từ chùa Hoa Yên sang Chùa Một Cột	2.000.000.000	2007
5	Nhà vệ sinh Chùa Hoa Yên	700.000.000	2007
6	Đường đá lan can từ Suối Giải Oan lên Chùa Giải Oan	6.000.000.000	2009
7	Nâng cấp hệ thống cáp treo giai đoạn 1	165.000.000	2009
8	Quy hoạch khu chợ xuân bến xe Giải Oan	700.000.000	2009
9	Nhà vệ sinh Bến xe Giải Oan	900.000.000	2009
10	Đường sau Thác Vàng	600.000.000	2005
11	Nhà ni chùa Một Mái	600.000.000	
12	Một số công trình khác	3.000.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>398.100.000.000</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>530.752.002.000</b>	

( Nguồn “ Dự án phát triển du lịch Yên Tử năm 2015, định hướng 2020 ” )

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng năm 1996.
2. Ban quản lý Yên Tử: Báo cáo về môi trường năm 2009
3. Ban quản lý Yên Tử: Báo cáo hoạt động kinh doanh du lịch các năm 2000-2010
4. Ban quản lý Yên Tử: Đề án phát triển du lịch Yên Tử tới năm 2015 định hướng năm 2020
5. Chỉ thị 36/CT- TW ngày 25/6/1988 của Bộ Chính Trị BCHTW Đảng Cộng Sản Việt Nam về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
6. Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh, Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững, NXB ĐHQG Hà Nội.
7. Nguyễn Đình Hoà, Du lịch bền vững, NXB ĐHQG Hà Nội, 2001.
8. Kỳ yếu hội thảo bảo vệ môi trường du lịch, NXB Tổng cục du lịch.
9. Phạm Trung Lương, Đặng Duy Lợi, Vũ Tuấn Cảnh và nnk, Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục Hà Nội, 2003.
10. Luật bảo vệ môi trường.
11. Luật Du lịch Việt Nam.
12. Luật di sản văn hoá.
13. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng Sản Việt Nam
14. Trần Đức Thanh, Nhập môn khoa học du lịch NXB ĐHQG Hà Nội, 2000.
15. TS. Bé Trường Thành, Phát triển bền vững cùng dân tộc thiểu số và miền nam Việt Nam, NXB Văn Hoá Dân Tộc.
16. Bùi Thị Hải Yến, Quy hoạch du lịch, tái bản lần thứ nhất, NXB Giáo Dục.
17. Tuyển điểm du lịch, Bùi Thị Hải Yến, tái bản lần thứ nhất, NXB Giáo Dục.
18. Trang web: [www.quangninh.gov.vn](http://www.quangninh.gov.vn)

## LỜI MỞ ĐẦU

Để hoàn thành khoá luận với đề tài “*Phát triển du lịch bền vững ở Yên Tử, Quảng Ninh*”, trước hết cho em xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc tới giáo viên hướng dẫn PGS.TS Trần Đức Thanh, người đã ân cần chỉ dẫn và giúp đỡ em trong quá trình làm khoá luận.

Em xin gửi lời cảm ơn tới các thầy cô trong Bộ môn Văn hoá du lịch trường Đại học Dân Lập Hải Phòng đã truyền đạt kiến thức, dìu dắt, giúp đỡ chúng em trong suốt thời gian học tập và tạo điều kiện cho chúng em hoàn thành khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn các cô chú ở Sở Văn Hoá Thể Thao và Du Lịch tỉnh Quảng Ninh, Ban quản lý khu di tích và danh thắng Yên Tử và Thư viện trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã tạo cơ hội thuận lợi cho em hoàn thành khoá luận tốt nghiệp.

Tuy nhiên do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót, m rất mong tiếp tục nhận được sự chỉ dẫn của các thầy cô và sự góp ý của các bạn sinh để cho khoá luận được hoàn thiện hơn .

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng ngày 27 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

**Nguyễn Thị Hà**



## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>1. Lý do chọn đề tài</b> .....	1
<b>2. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài</b> .....	2
<b>3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu</b> .....	3
<b>4. Phương pháp nghiên cứu</b> .....	3
<b>5 Bộ cục của khoá luận</b> .....	3
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG</b> .....	4
<b>1.1 Khái niệm</b> .....	4
1.1.1 Phát triển bền vững .....	4
1.1.2 Phát triển du lịch bền vững .....	7
1.1.3 Các tiêu chí cơ bản về phát triển du lịch bền vững .....	9
1.1.4 Mục tiêu của phát triển du lịch bền vững .....	18
1.1.5 Các nguyên tắc của phát triển du lịch bền vững.....	18
<b>1.2 Mối quan hệ giữa môi trường và du lịch</b> .....	23
1.2.1 Hoạt động du lịch tác động đến môi trường kinh tế-xã hội.....	23
1.2.2 Tác động của hoạt động du lịch đối với môi trường tự nhiên .....	26
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở YÊN TỬ, QUẢNG NINH</b> .....	28
<b>2.1 Tài nguyên du lịch</b> .....	28
2.1.1 Khái quát về Yên Tử.....	28
2.1.2 Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	29
2.1.3 Tài nguyên du lịch nhân văn .....	34
2.1.4 Đánh giá chung .....	39
<b>2.2 Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ở Yên Tử</b> .....	41
2.2.1 Cơ sở hạ tầng .....	41
2.2.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	43
<b>2.3 Thực trạng nguồn nhân lực</b> .....	44
<b>2.4 Thực trạng hoạt động và đầu tư</b> .....	46
2.4.1 Về đầu tư nước ngoài .....	46

2.4.2 Về đầu tư trong nước.....	46
2.4.3 Về đầu tư khai thác tài nguyên.....	47
<b>2.5 Kết quả hoạt động du lịch .....</b>	<b>47</b>
2.5.1 Khách du lịch .....	47
2.5.2 Doanh thu du lịch.....	50
<b>2.3 Nhận xét tình hình phát triển du lịch ở khu vực Yên Tử theo các tiêu chí phát triển du lịch bền vững .....</b>	<b>52</b>
2.3.1 Xét theo tiêu chí kinh tế.....	52
2.3.2 Xét theo tiêu chí về tài nguyên, môi trường .....	53
2.3.2 Xét theo tiêu chí về văn hoá, xã hội .....	57
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở YÊN TỬ.....</b>	<b>59</b>
<b>3.1 Quan điểm du lịch bền vững và nhiệm vụ của khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử .....</b>	<b>59</b>
<b>3.2 Định hướng phát triển du lịch bền vững ở Yên Tử .....</b>	<b>59</b>
3.2.1 Quan điểm, mục tiêu .....	59
3.2.2 Dự báo phát triển .....	62
3.2.3 Những định hướng chính.....	64
<b>3.3 Một số giải pháp phát triển du lịch bền vững tại Yên Tử.....</b>	<b>70</b>
3.3.1 Giải pháp phát triển du lịch bền vững về kinh tế.....	71
3.3.2 Giải pháp phát triển du lịch bền vững về tài nguyên, môi trường.....	75
3.3.3 Giải pháp phát triển du lịch bền vững về văn hóa, xã hội.....	78
<b>3.4 Một số kiến nghị nhằm phát triển du lịch Yên Tử một cách bền vững .</b>	<b>79</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>82</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>PHỤ LỤC</b>	
<b>MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ YÊN TỬ, QUẢNG NINH</b>	



**Hình ảnh 1: Cáp treo Yên Tử**



**Hình ảnh 2: Hát chèo ở sân ga**



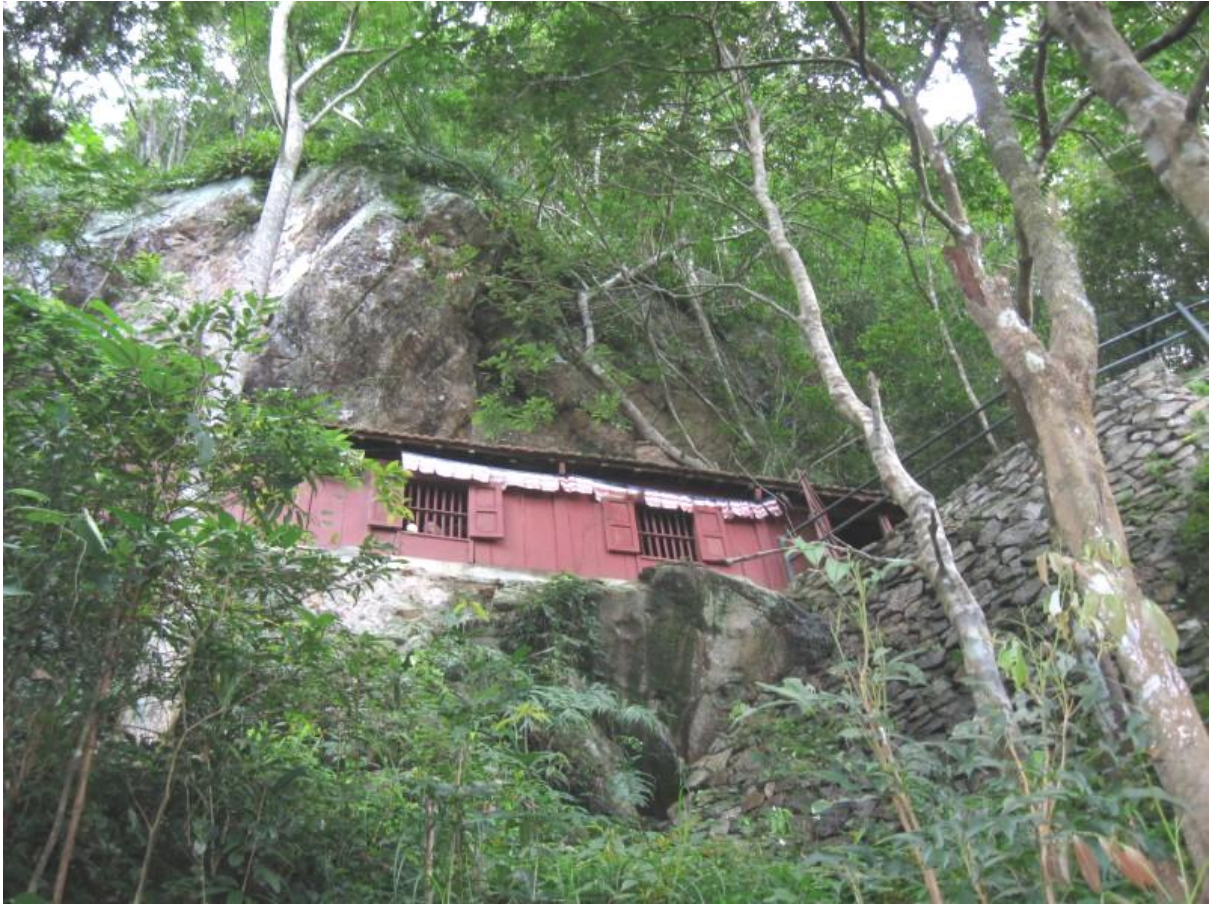


**Hình ảnh 3: Chùa Đòng**



**Hình ảnh 4: Chùa Vân Tiêu**





**Hình ảnh 5: Chùa Một Mái**





**Hình ảnh 6: Thiền viện Trúc Lâm**



**Hình ảnh 7: Đường Tùng cổ thụ**



**Hình ảnh 8: Hoa Mai Yên Tử**



**Hình ảnh 9: Sản vật rừng Yên Tử**





**Hình ảnh 10: Tượng An Kỳ Sinh**



**Hình ảnh 12: Vườn tháp Huệ Quang**





**Hình ảnh 13: Thập tổ chùa Đồng**